LÊ THÔNG
NGUYỄN ĐỨC VŨ - PHẠM THỊ SEN

BÀI TẬP ĐỊA LÍ 12

NÂNG CAO

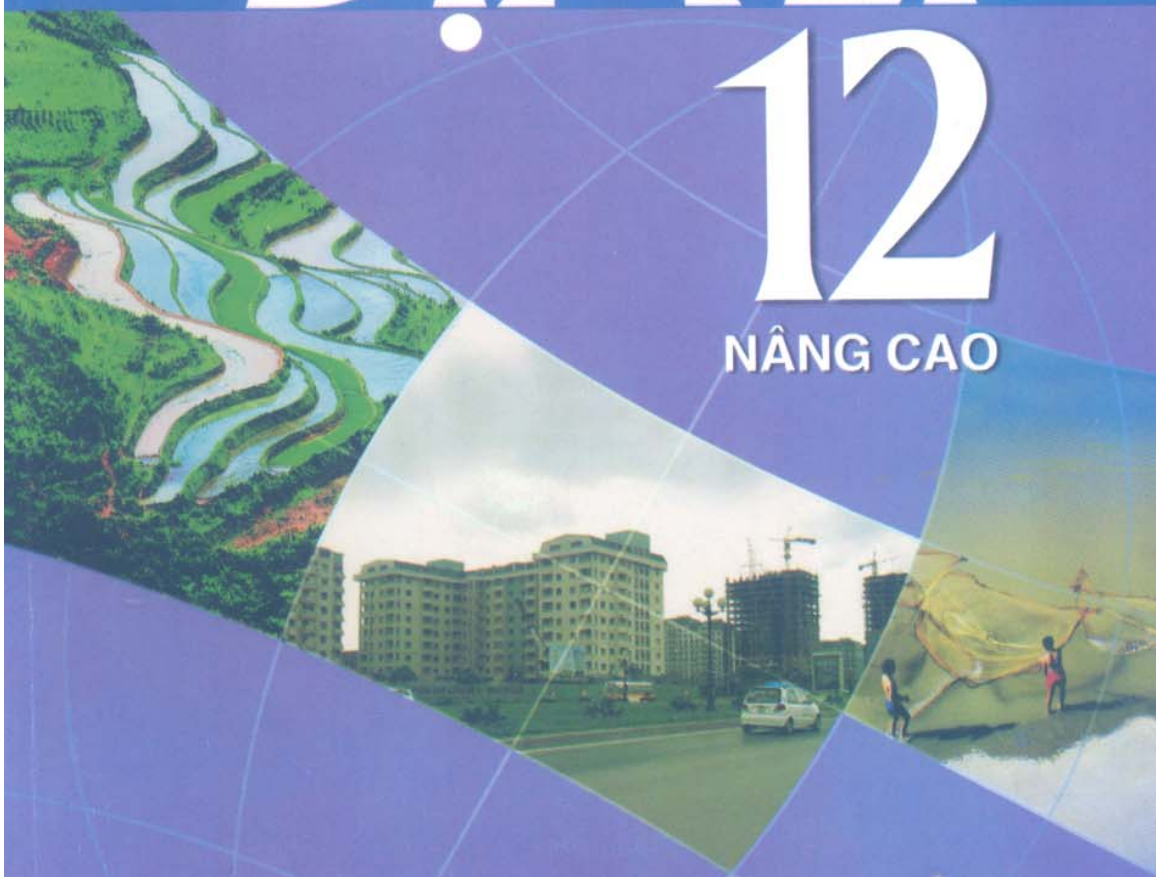

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

LÊ THÔNG - NGUYỄN ĐỨC VŨ - PHẠM THỊ SEN

Bài tập ĐỊA LÍ 12

NÂNG CAO

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục

337–2008/CXB/2–706/GD Mã số : NB227M8

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

LỜI NÓI ĐẦU

Trong chương trình môn Địa lí ở Trung học phổ thông, Địa lí lớp 12 có vai trò đặc biệt quan trọng. Nó bao gồm hệ thống kiến thức cơ bản về Địa lí Việt Nam ở lớp cuối cấp mà học sinh cần phải nắm vững trước khi rời ghế nhà trường để bước vào đời, hoặc tiếp tục học lên cao đẳng, đại học.

Để học tốt Địa lí 12, bên cạnh sách giáo khoa (SGK) còn có một số tài liệu bổ trợ thiết thực mà *Bài tập Địa lí 12 Nâng cao* là một trong những tài liệu đó. *Bài tập Địa lí 12 Nâng cao* được biên soạn dựa trên cơ sở chương trình và SGK *Địa lí 12 Nâng cao* ; tuy nhiên, học sinh học theo chương trình chuẩn cũng có thể sử dụng

Về cấu trúc, *Bài tập Địa lí 12 Nâng cao* gồm một hệ thống câu hỏi và bài tập từ bài 1 đến bài 59 theo thứ tự như trong SGK. Đối với mỗi bài có trên dưới 5 câu hỏi và bài tập với các cách hỏi khác nhau để giúp học sinh một mặt nắm chắc kiến thức cơ bản và mặt khác, góp phần hoàn thiện kĩ năng thực hành. Riêng ở các bài thuộc phần Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam (bài 21 – 59) thì các dạng thực hành liên quan đến phân tích số liệu thống kê, lựa chọn và vẽ biểu đồ thích hợp, đọc và khai thác Atlat Địa lí Việt Nam được chú trọng đặc biệt. Nếu như hoàn thành tốt các câu hỏi và bài tập này, học sinh không chỉ nắm vững lí thuyết, mà còn thành thạo một số kĩ năng như phân tích số liệu thống kê vẽ các loại biểu đồ thông dụng trong chương trình Địa lí Trung học phổ thông nói chung và lớp 12 nói riêng, v.v...

Hi vọng rằng, *Bài tập Địa lí 12 Nâng cao* sẽ là tài liệu bổ trợ hữu ích cho tất cả học sinh trong quá trình học tập và cho cả giáo viên trong việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh.

Thay mặt tập thể tác giả

GS.TS. LÊ THÔNG

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

ĐỊA LÍ VIỆT NAM

Bài 1

VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP

1. Dựa vào kiến thức đã học, điền các nội dung cần thiết vào bảng sau :

BỐI CẢNH VÀ CÁC THÀNH TỰU CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ, KHU VỰC

		Công cuộc đổi mới	Công cuộc hội nhập quốc tế và khu vực
Bối cảnh	Quốc tế	....	....
	Trong nước	....	....
Thành tựu		....	....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Chứng minh rằng cơ cấu kinh tế nước ta chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....

.....

3. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

3.1. Đường lối Đổi mới của nước ta được khẳng định từ năm

A. 1986. C. 1988.

B. 1987. D. 1989.

3.2. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ được thể hiện rõ rệt ở

A. tỉ trọng của nông – lâm – ngư nghiệp giảm.

B. hội nhập kinh tế được đẩy mạnh.

C. một số mặt hàng được xuất khẩu với khối lượng lớn.

D. phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn.

3.3. Việt Nam và Hoa Kì bình thường hoá quan hệ vào năm

A. 1993. C. 1995.

B. 1994. D. 1996.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

3.4. Việt Nam trở thành thành viên đầy đủ của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) vào năm

A. 2004. C. 2006.

B. 2005. D. 2007.

3.5. Thành tựu quan trọng về mặt xã hội của công cuộc Đổi mới ở nước ta là

A. tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao.

B. cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

C. cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ chuyển biến rõ nét.

D. công tác xoá đói giảm nghèo đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể.

3.6. Ý nào sau đây *là sai* khi nói về nền kinh tế nước ta trước thời kì Đổi mới ?

A. Nền kinh tế nông nghiệp là chủ yếu.

B. Chịu hậu quả nặng nề do chiến tranh.

C. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.

D. Nền kinh tế rơi vào tình trạng khủng hoảng kéo dài.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

4. Cho bảng số liệu sau :

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị : %)

Năm	1975 – 1980	1988	1995	1999	2005
Tốc độ tăng trưởng GDP	0,2	6,0	9,5	4,8	8,4

Hãy nhận xét về tốc độ tăng trưởng GDP của nước ta từ giai đoạn 1975 – 1980 đến năm 2005 và cho biết nguyên nhân.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN LÃNH THỔ

Bài 2

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ

1. Quan sát bản đồ Các nước Đông Nam Á (hoặc hình 2 SGK), cho biết :

a) Trên đất liền, nước ta giáp với các nước : .....

.....

b) Trên biển, nước ta giáp với các nước : .....

.....

c) Vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ Đông Nam Á :.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Cho biết giới hạn phần đất liền của nước ta (bao nhiêu độ, thuộc tỉnh nào) và ý nghĩa của nó.

– Giới hạn :.....

+ Điểm cực Bắc : .....

+ Điểm cực Nam :.....

+ Điểm cực Tây : .....

+ Điểm cực Đông : .....

– Ý nghĩa :.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3. Điền những nét khái quát về các bộ phận hợp thành lãnh thổ Việt Nam vào các ô để hoàn thành sơ đồ sau :

PHẠM VI LÃNH THỔ VIỆT NAM

Vùng đất	Vùng trời	Vùng biển
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

4. Nối ô bên trái với ô bên phải để thể hiện đúng quy định về các bộ phận của vùng biển nước ta.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở là	vùng đặc quyền kinh tế
Vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển, rộng 12 hải lí là	vùng tiếp giáp lãnh hải
Vùng biển được quy định nhằm đảm bảo cho việc thực hiện chủ quyền của nước ven biển, rộng 12 hải lí là	lãnh hải
Vùng biển tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở. Ở vùng này, Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế, nhưng để cho các nước được đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm,... là	nội thuỷ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

5. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

5.1. Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, nên

A. khí hậu có hai mùa rõ rệt.

B. nền nhiệt độ cao, số giờ nắng nhiều.

C. sinh vật chịu lạnh chiếm ưu thế.

D. có sự phân hoá tự nhiên theo lãnh thổ rõ rệt.

5.2. Ý nghĩa văn hoá – xã hội của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam là

A. tạo điều kiện để nước ta thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

B. tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta chung sống hoà bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước Đông Nam Á.

C. tạo điều kiện cho giao lưu với các nước xung quanh bằng đường bộ, đường biển, đường hàng không.

D. tạo điều kiện mở lối ra biển thuận lợi cho Lào, Đông Bắc Thái Lan và Campuchia, Tây Nam Trung Quốc.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 3 – Thực hành

VẼ LƯỢC ĐỒ VIỆT NAM

1. Nội dung

– Vẽ lược đồ Việt Nam với đường biên giới, đường bờ biển, một số sông lớn và một số đảo, quần đảo.

– Điền lên lược đồ một số địa danh quan trọng.

2. Yêu cầu

– Vẽ lược đồ Việt Nam một cách tương đối chính xác. Tuỳ theo khổ giấy có thể vẽ được lược đồ Việt Nam với các kích thước khác nhau dựa trên lưới ô vuông đã xác định hoặc có thể chọn cách vẽ khác.

– Điền lên lược đồ đã vẽ một số địa danh quan trọng như Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, vịnh Bắc Bộ, vịnh Thái Lan, đảo Phú Quốc, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3. Vẽ lược đồ Việt Nam

(HS tự vẽ theo hướng dẫn của GV)

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 4 và 5

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN LÃNH THỔ

1. Dựa vào kiến thức đã học, hãy hoàn thành bảng sau :

THỜI GIAN VÀ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM KHÁI QUÁT CỦA CÁC GIAI ĐOẠN CHÍNH TRONG LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN LÃNH THỔ NƯỚC TA

Giai đoạn	Thời gian kết thúc cách đây (triệu năm)	Đặc điểm khái quát
Tiền Cambri	....	....
Cổ kiến tạo	....	....
Tân kiến tạo	....	....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Bằng kiến thức đã học, hãy cho biết :

a) Các vận động tạo núi trong giai đoạn Cổ kiến tạo :.....

.....

b) Sự khác biệt giữa trầm tích biển và trầm tích lục địa : .....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3. Nối các ô ở bên trái, bên phải với vòng tròn ở giữa để hoàn thiện sơ đồ.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG KIẾN TẠO	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Địa khối Thượng nguồn sông Chảy	**Đại Cổ sinh**	Các dãy núi ở Tây Bắc và Bắc Trung Bộ
Khối nâng Việt Bắc		Các dãy núi ở Đông Bắc
Địa khối Kon Tum		
Đứt gãy, động đất, các đá macma xâm nhập và macma phun trào, các khoáng sản : đồng, thiếc, vàng, bạc, đá quý,...	**Đại Trung sinh**	Các khối núi cao ở Nam Trung Bộ

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

4. Dựa vào kiến thức đã học, hãy hoàn thành sơ đồ sau :

	Các hoạt động xảy ra ở lãnh thổ nước ta	**Ảnh hưởng đến tự nhiên nước ta**
Vận động tạo núi An-pơ – Himalaya →	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

5. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

5.1. Các đá biến chất cổ nhất ở nước ta được phát hiện ở

A. Kon Tum, Hoàng Liên Sơn.

B. Tây Bắc, Trường Sơn Bắc.

C. Tây Nguyên, Tây Bắc.

D. Trường Sơn Nam, Việt Bắc.

5.2. Giai đoạn Tiền Cambri diễn ra trên phạm vi hẹp, tập trung ở khu vực núi cao

A. Việt Bắc, Tây Bắc.

B. Hoàng Liên Sơn, Trung Trung Bộ.

C. Tây Nguyên, Tây Bắc.

D. Trường Sơn Nam, Tây Bắc.

5.3. Đặc điểm nào dưới đây *không phải* của giai đoạn Tiền Cambri ?

A. Lớp khí quyển rất mỏng.

B. Thuỷ quyển xuất hiện.

C. Có hoạt động uốn nếp.

D. Sinh vật còn ở dạng sơ khai.

5.4. Đặc điểm tự nhiên nào dưới đây thuộc giai đoạn Cổ kiến tạo ?

A. Các điều kiện cổ địa lí còn rất sơ khai và đơn điệu.

B. Lớp vỏ cảnh quan địa lí nhiệt đới ở nước ta đã rất phát triển.

C. Khí hậu có những biến đổi lớn trên quy mô toàn cầu.

D. Tiếp tục hoàn thiện các điều kiện tự nhiên.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 6 – Thực hành

CÁC GIAI ĐOẠN TRONG LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN LÃNH THỔ

1. Nội dung 1

Dựa vào hình 5 SGK và bản đồ Địa chất – Khoáng sản (Atlat Địa lí Việt Nam), hãy hoàn thành bảng sau :

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA LÃNH THỔ VIỆT NAM

Giai đoạn		Phân bố
Tiền Cambri	– Các đá biến chất cổ nhất ở nước ta – Phạm vi	....
Cổ kiến tạo	– Các loại đá chính – Các đứt gãy – Các tài nguyên khoáng sản chính (các mỏ kim loại, than, đá vôi)	....
Tân kiến tạo	– Các khu vực có hoạt động nâng lên, hạ xuống – Các đứt gãy chính – Các vùng trầm tích – Các mỏ ngoại sinh	....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2. Nội dung 2

Đối chiếu với bản đồ Địa chất – Khoáng sản và các bản đồ tự nhiên của các miền địa lí tự nhiên nước ta (bản đồ treo tường hoặc Atlat Địa lí Việt Nam), hãy :

a) Trình bày sự phong phú của các loại tài nguyên khoáng sản ở nước ta.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Nhận xét về sự phân bố và điều kiện khai thác các nguồn tài nguyên đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN

Bài 7

ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI

1. Bằng kiến thức đã học, hãy hoàn thành bảng sau :

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA ĐỊA HÌNH

Đặc điểm khái quát	Các biểu hiện cụ thể
a) Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp	....
b) Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng	....
c) Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa	....
d) Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người	....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. So sánh địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam, bằng cách điền vào bảng sau :

ĐỊA HÌNH VÙNG NÚI TRƯỜNG SƠN BẮC VÀ TRƯỜNG SƠN NAM

So sánh	Trường Sơn Bắc	Trường Sơn Nam
Khác nhau	....	....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3. Nối các ô bên trái, bên phải với vòng tròn ở giữa để thể hiện đúng đặc điểm của mỗi vùng đồi núi.

Nằm ở tả ngạn sông Hồng. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

Có 4 cánh cung lớn : Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.

+ Những đỉnh núi cao trên 2000m nằm ở vùng Thượng nguồn sông Chảy.
+ Địa hình trên 1000 m là các khối núi đá vôi ở Hà Giang, Cao Bằng.

Phía tây : địa hình núi trung bình của các dãy núi chạy dọc từ Khoan La San đến sông Cả.

Các thung lũng sông hướng tây bắc – đông nam.

Vùng núi Đông Bắc

Vùng núi Tây Bắc

Các dãy núi thấp xen các sơn nguyên, cao nguyên đá vôi từ Phong Thổ đến Mộc Châu, tiếp nối là những đồi núi đá vôi ở Ninh Bình – Thanh Hoa.

Nằm giữa sông Hồng và sông Cả, có địa hình cao nhất nước ta với 3 dải địa hình hướng tây bắc – đông nam.

Phía đông : dãy Hoàng Liên Sơn đồ sộ, có đỉnh Phanxipăng (3143 m).

Trung tâm là vùng đồi núi thấp 500 – 600m.

Các thung lũng sông hướng tây bắc – đông nam và hướng vòng cung

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

4. Bằng kiến thức đã học, hãy hoàn thành bảng sau :

ĐỊA HÌNH BÁN BÌNH NGUYÊN VÀ ĐỒI TRUNG DU

	Bề mặt bán bình nguyên	Đồi trung du
Nguồn gốc hình thành	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

	Bề mặt bán bình nguyên	Đồi trung du
Đặc điểm địa hình	....	....
Giá trị kinh tế	....	

5. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý đúng.

5.1. Điểm giống nhau chủ yếu của địa hình vùng đồi núi Đông Bắc và vùng núi Tây Bắc là

A. đồi núi thấp chiếm ưu thế.

B. nghiêng theo hướng tây bắc – đông nam.

C. có nhiều sơn nguyên, cao nguyên.

D. có nhiều khối núi cao đồ sộ.

5.2. Đồi núi nước ta có tính phân bậc, vì

A. trong giai đoạn Tân kiến tạo, có nhiều lần biển tiến, biển thoái.

B. trong giai đoạn Cổ kiến tạo, có nhiều vận động tạo núi khác nhau.

C. trong giai đoạn Tân sinh, vận động nâng lên và hạ xuống diễn ra theo từng đợt.

D. do các quá trình phong hoá tác động mạnh yếu khác nhau theo từng thời kì.

5.3. So với diện tích cả nước, địa hình đồi núi thấp chiếm hơn

A. 60%. C. 85%.

B. 80%. D. 90%.

5.4. Đặc điểm chung của vùng núi Trường Sơn Bắc là

A. có các cánh cung núi lớn mở ra về phía bắc và phía đông.

B. địa hình cao nhất nước ta với các dãy núi lớn hướng tây bắc – đông nam.

C. gồm các dãy núi song song và so le theo hướng tây bắc – đông nam.

D. gồm các khối núi và cao nguyên xếp tầng đất đỏ ba dan.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 8

ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI

(Tiếp theo)

1. So sánh địa hình đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, ghi vào bảng sau :

ĐỊA HÌNH ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

So sánh	Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu long
Giống nhau	.....	
Khác nhau	.....	.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Nêu các đặc điểm của dải đồng bằng ven biển miền Trung.

.....

.....

.....

.....

.....

3. Nêu các thế mạnh và hạn chế của thiên nhiên khu vực đồi núi đối với sự phát triển kinh tế – xã hội, ghi vào bảng sau :

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

THẾ MẠNH VÀ HẠN CHẾ CỦA THIÊN NHIÊN KHU VỰC ĐỒI NÚI ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI

Thế mạnh	Khoáng sản	....
	Rừng và đất trồng	....
	Thuỷ năng	....
	Du lịch	....
Hạn chế		....

4. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

5.1. Ý nào sau đây *không phải* là hậu quả của việc sử dụng đất và rừng không hợp lí ở miền đồi núi nước ta ?

A. Tăng cường quá trình xói mòn, rửa trôi đất.

B. Gây lũ lụt trong mùa mưa và hạn hán trong mùa khô.

C. Làm cho địa hình bị chia cắt mạnh, lắm sông suối, hẻm vực.

D. Làm tăng diện tích đất trống, đồi núi trọc.

5.2. Điểm khác của đồng bằng sông Hồng so với đồng bằng sông Cửu Long là

A. được hình thành trên vùng sụt lún ở hạ lưu sông.

B. thấp, bằng phẳng hơn.

C. có đê sông.

D. diện tích rộng hơn.

5.3. Đặc điểm nào sau đây *không đúng* với dải đồng bằng ven biển miền Trung ?

A. Bề ngang hẹp.

B. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ bởi các dãy núi.

C. Được bồi đắp chủ yếu bởi phù sa sông.

D. Ven biển thường là dải cồn cát, đầm phá.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 9

THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN

1. Hoàn thành sơ đồ thể hiện các đặc điểm của Biển Đông có ảnh hưởng đến thiên nhiên nước ta.

ĐẶC ĐIỂM	ẢNH HƯỞNG ĐẾN THIÊN NHIÊN
Biển Đông là một vùng biển rộng, nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa. →	....
Biển Đông là một vùng biển tương đối kín. →	....

2. Bằng kiến thức đã học, hãy hoàn thành bảng sau.

ẢNH HƯỞNG CỦA BIỂN ĐÔNG ĐẾN THIÊN NHIÊN VIỆT NAM

Các yếu tố	Khái quát	Biểu hiện cụ thể
Khi hậu	....	....
Địa hình ven biển	....	....
Các hệ sinh thái vùng ven biển	....	....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3. Bằng kiến thức đã học, hãy hoàn thành sơ đồ sau :

TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN BIỂN ĐÔNG

Tài nguyên khoáng sản	Tài nguyên hải sản
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

4. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

4.1. Thiên tai bất thường, khó phòng tránh, gây hậu quả nặng nề cho vùng đồng bằng ven biển nước ta là

A. bão lớn kèm theo sóng lừng, nước dâng.

B. sạt lở bờ biển.

C. cát bay, cát lấn.

D. động đất.

4.2. Biển Đông nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa, nên có đặc tính là

A. độ muối không lớn. B. nóng, ẩm.

C. có nhiều dòng hải lưu. D. biển tương đối lớn.

4.3. Biểu hiện nhiệt đới ẩm gió mùa và tính chất khép kín của Biển Đông là

A. tính chất khép kín của dòng hải lưu với hướng chảy chịu ảnh hưởng của gió mùa.

B. biển rộng, có nhiều đảo và quần đảo.

C. nóng ẩm, độ mặn tương đối cao.

D. chịu ảnh hưởng của gió mùa.

4.4. Biển Đông ảnh hưởng trực tiếp nhất đến thành phần tự nhiên nào ?

A. Sinh vật. B. Sông ngòi.

C. Địa hình. D. Khí hậu.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

4.5. Rừng ngập mặn ven biển ở nước ta phát triển mạnh nhất ở

A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

4.6. Tài nguyên khoáng sản có giá trị kinh tế nhất của Biển Đông nước ta là

A. các mỏ sa khoáng. B. các bãi cát ven biển.

C. nguồn muối. D dầu khí.

5. Tại sao nói, sử dụng hợp lí nguồn lợi thiên nhiên vùng biển, phòng chống ô nhiễm môi trường biển, thực hiện những biện pháp phòng tránh thiên tai là những vấn đề hệ trọng trong chiến lược khai thác tổng hợp, phát triển kinh tế biển của nước ta ?

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 10

THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

1. Điền vào bảng sau, những biểu hiện chứng tỏ nước ta có nền nhiệt độ cao và lượng mưa, độ ẩm lớn, cho biết nguyên nhân.

NHIỆT VÀ ẨM CỦA KHÍ HẬU NƯỚC TA

Đặc điểm	Biểu hiện cụ thể	Nguyên nhân
Nền nhiệt độ cao	....	....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Lượng mưa, độ ẩm lớn	.....	.....

2. Hoàn thành bảng sau :

GIÓ MÙA Ở NƯỚC TA

	Gió mùa mùa đông	Gió mùa mùa hạ (xuất phát từ cao áp cận chí tuyến bán cầu Nam)
Thời gian thổi	.....	.....
Hướng gió, tên gọi	.....	.....
Đặc tính cơ bản	.....	.....
Đặc điểm hoạt động	.....	.....
Hệ quả về mùa khí hậu	.....	.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

3. Giải thích nguồn gốc, cơ chế hình thành, thời gian, phạm vi hoạt động và tác động đến khí hậu nước ta của gió Tây khô nóng (gió Lào).

– Nguồn gốc : .....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Cơ chế hình thành : .....

.....

.....

– Thời gian hoạt động : .....

– Phạm vi hoạt động : .....

– Tác động đến thời tiết, khí hậu nước ta : .....

.....

.....

4. Hoàn thành sơ đồ sau :

ẢNH HƯỞNG CỦA KHÍ HẬU NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA ĐẾN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Thuận lợi	Khó khăn
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

5. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

5.1. Từ tháng XI đến tháng IV năm sau ở nước ta, loại gió chiếm ưu thế chủ yếu từ vĩ tuyến 16°B trở vào là

A. gió mùa Đông Bắc. B. Tín phong bán cầu Bắc.

C. gió mùa Tây Nam. D. Tín phong bán cầu Nam.

5.2. Ý nào sau đây *không* đúng với gió mùa Đông Bắc ở nước ta ?

A. Thổi từng đợt, không kéo dài liên tục.

B. Gây ra hiện tượng phơn khi vượt qua dãy Trường Sơn.

C. Chỉ hoạt động mạnh ở miền Bắc.

D. Gây mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ vào nửa sau mùa đông.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

5.3. Hiện tượng gây mưa lớn và kéo dài ở các vùng đón gió thuộc Nam Bộ và Tây Nguyên là do hoạt động của

A. gió mùa Tây Nam xuất phát từ áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.

B. gió mùa Tây Nam xuất phát từ vịnh Ben-gan.

C. gió tín phong xuất phát từ cao áp cận chí tuyến bán cầu Bắc.

D. gió Đông Bắc xuất phát từ cao áp Xi-bia.

5.4. Lượng mưa trung bình hằng năm của nước ta dao động trong khoảng

A. 1400 – 1800mm. B. 1500 – 2000mm.

C. 1800 – 2000mm. D. 1500 – 1800mm.

Bài 11

THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

(Tiếp theo)

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

1. a) Ghi vào bảng sau những biểu hiện của địa hình xâm thực và bồi tụ.

NHỮNG BIỂU HIỆN CỦA ĐỊA HÌNH XÂM THỰC VÀ BỒI TỤ

Địa hình	Biểu hiện cụ thể
Xâm thực	....
Bồi tụ	....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

b) Phân tích mối quan hệ giữa xâm thực mạnh ở miền núi và bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Dựa vào kiến thức đã học, hãy hoàn thành bảng sau :

NGUYÊN NHÂN VÀ CÁC BIỂU HIỆN ĐẶC TRƯNG CỦA SÔNG NGÒI VÙNG NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA Ở NƯỚC TA

Đặc trưng	Biểu hiện cụ thể	Nguyên nhân
Mạng lưới sông ngòi dày đặc	....	....
Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa	....	....
Chế độ nước theo mùa	....	....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

3. Giải thích quá trình hình thành đất feralit. Tại sao nói quá trình feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu ở nước ta ?

– Quá trình hình thành đất feralit.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....

.....

– Quá trình feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu ở nước ta, vì :

.....

.....

.....

4. Hoàn thành sơ đồ sau :

HỆ SINH THÁI RỪNG NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

Thực vật	Động vật
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

5. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

5.1. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta *không* biểu hiện ở

A. quá trình hình thành đất feralit diễn ra mạnh mẽ.

B. rừng nhiệt đới ẩm gió mùa với thành phần sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế.

C. quá trình xâm thực – bồi tụ diễn ra với cường độ lớn.

D. sông ngòi có nhiều ghềnh thác.

5.2. Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc là do

A. tác động của vận động Tân kiến tạo gây ra nhiều đứt gãy.

B. đồng bằng thấp nằm cạnh vùng đồi núi cao trong điều kiện mưa nhiều.

C. mưa nhiều trên địa hình chủ yếu là đồi núi bị cắt xẻ mạnh và sườn dốc lớn.

D. các đứt gãy trong Tân kiến tạo để lại trong điều kiện mưa nhiều.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

5.3. Quá trình feralit là hệ quả của

A. nhiệt độ cao.

B. mưa ít, chỉ tập trung vào một mùa.

C. độ bốc hơi lớn, độ ẩm thấp.

D. nhiệt ẩm cao, mưa nhiều.

5.4. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng khí hậu nóng ẩm là

A. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

B. rừng gió mùa thường xanh.

C. rừng gió mùa nửa rụng lá.

D. xavan, cây bụi.

Bài 12 – Thực hành

VẼ BIỂU ĐỒ KHÍ HẬU THỂ HIỆN TƯƠNG QUAN NHIỆT ẨM. NHẬN XÉT SỰ PHÂN HOÁ KHÍ HẬU

1. Vẽ biểu đồ thể hiện nhiệt độ và lượng mưa của 3 địa điểm : Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh theo bảng số liệu SGK.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

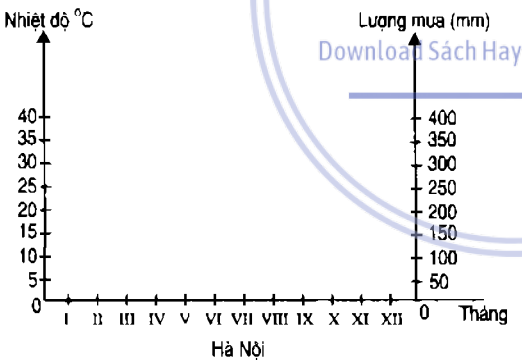

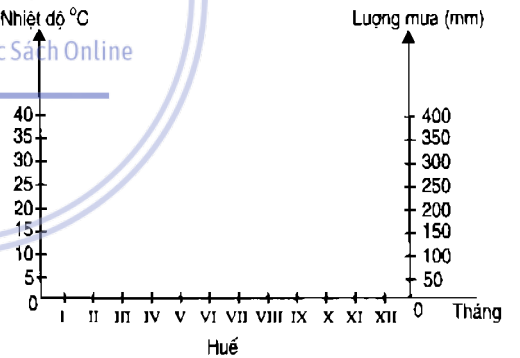

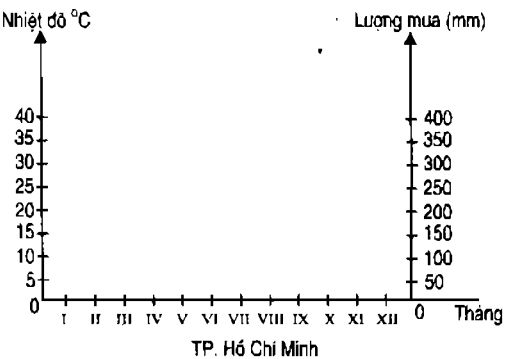

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2. Căn cứ vào bảng số liệu trong SGK và biểu đồ đã vẽ ở trên, điền vào bảng dưới đây những thông tin cần thiết và nhận xét chung về sự phân hoá khí hậu ở 3 địa điểm Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh

Địa điểm	Số tháng lạnh	Số tháng nóng	Mùa mưa (từ tháng... đến tháng...)	Mùa khô (từ tháng... đến tháng...)	Số tháng khô, số tháng hạn	Nhận xét về sự phân mùa
Hà Nội	.....	.....	.....	.....	.....	....
Huế	.....	.....	.....	.....	.....	....
TP. Hồ Chí Minh	.....	.....	.....	.....	.....	....

Nhận xét chung :.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

3. Giải thích :

a) Tại sao Hà Nội có một mùa đông lạnh, không quá khô ?

.....

b) Tại sao Huế có mùa mưa vào thu đông, lượng mưa lớn nhất vào tháng X ?

.....

.....

c) Tại sao Thành phố Hồ Chí Minh nóng quanh năm, có một mùa khô rất rõ rệt ?

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 13

THIÊN NHIÊN PHÂN HOÁ ĐA DẠNG

1. Cho bảng số liệu sau :

CHẾ ĐỘ NHIỆT CỦA MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM Ở NƯỚC TA

Địa điểm	t^oTB năm (^oC)	t^oTB tháng lạnh (^oC)	t^oTB tháng nóng (^oC)	Biên độ t^oTB năm (^oC)	t^o tối thấp tuyệt đối (^oC)	t^o tối cao tuyệt đối (^oC)	Biên độ t^o tuyệt đối (^oC)
Hà Nội Vĩ độ 21°01'B	23,5	16,4 (tháng I)	28,9 (tháng VII)	12,5	2,7	42,8	40,1
Huế Vĩ độ 16°24'B	25,1	19,7 (tháng I)	29,4 (tháng VII)	9,7	8,8	41,3	32,5
TP. Hồ Chí Minh Vĩ độ 10°49'B	27,1	25,8 (tháng XII)	28,9 (tháng IV)	3,1	13,8	40,0	26,2

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

a) Nhận xét về chế độ nhiệt của 3 địa điểm : Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh.

.....

.....

.....

.....

b) Nhận xét và giải thích sự biến đổi nhiệt độ theo vĩ độ.

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2. Bằng kiến thức đã học, hãy hoàn thành bảng sau :

THIÊN NHIÊN PHẦN LÃNH THỔ PHÍA BẮC VÀ PHÍA NAM NƯỚC TA

	Phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra)	Phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào)
Khí hậu	....	....
Cảnh quan thiên nhiên	....	....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

3. Cho bảng số liệu sau :

SỰ THAY ĐỔI BIÊN ĐỘ NHIỆT TRUNG BÌNH NĂM VÀ BIÊN ĐỘ NHIỆT TUYỆT ĐỐI TỪ BẮC VÀO NAM Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG

Địa điểm	Biên độ nhiệt độ trung bình năm (^oC)	Biên độ nhiệt độ tuyệt đối ^oC (Chênh lệch nhiệt độ tối cao và tối thấp tuyệt đối)
Lạng Sơn (Vĩ độ 21°51'B)	13,7	41,9
Hà Nội (Vĩ độ 21°01'B)	12,5	40,1
Huế (Vĩ độ 16°24'B)	9,7	32,5
TP. Hồ Chí Minh (Vĩ độ 10°49'B)	3,1	26,2

Dựa vào bảng số liệu trên và bảng số liệu của câu 1, chứng minh rằng nguyên nhân chủ yếu làm thay đổi nhiệt độ theo vĩ độ ở nước ta chủ yếu là do gió mùa Đông Bắc.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

4.1. Sự phân chia lãnh thổ nước ta thành hai miền khí hậu với ranh giới là dãy Bạch Mã, chủ yếu dựa trên sự khác nhau về

A. nền nhiệt độ và lượng mưa.

B. nền nhiệt độ và biên độ nhiệt.

C. biên độ nhiệt và lượng mưa.

D. biên độ nhiệt và độ ẩm.

4.2. Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ khí hậu nước ta có sự phân hoá theo chiều Bắc – Nam ?

A. Từ phía nam Bạch Mã xem như không có mùa đông.

B. Ở phía Nam có gió Tây Nam hoạt động sớm và kéo dài.

C. Khí hậu giữa Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ có sự khác nhau.

D. Câu A + B đúng.

4.3. Nhận xét nào sau đây *không đúng* với sự biến thiên nhiệt độ theo chiều Bắc – Nam ở nước ta ?

A. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.

B. Biên độ nhiệt năm càng vào Nam càng tăng.

C. Tổng nhiệt độ càng vào Nam càng tăng.

D. Về mùa hạ, nhiệt độ trung bình năm không khác nhau nhiều giữa hai miền.

4.4. Đặc điểm nào sau đây *không đúng* với miền khí hậu phía Bắc nước ta ?

A. Có từ 2 đến 3 tháng nhiệt độ < 18°C.

B. Nhiệt độ trung bình năm trên 25°C.

C. Có một mùa đông lạnh.

D. Biến thiên nhiệt độ có một cực đại và một cực tiểu.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

4.5. Cho bảng số liệu sau :

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG CỦA MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

Tháng	Hà Nội		Huế		TP. Hồ Chí Minh	
	Nhiệt độ trung bình (°C)	Lượng mưa (mm)	Nhiệt độ trung bình (°C)	Lượng mưa (mm)	Nhiệt độ trung bình (°C)	Lượng mưa (mm)
I	16,4	18,6	19,7	161,3	25,8	13,8
II	17,0	26,2	20,9	62,6	26,7	4,1
III	20,2	43,8	23,9	47,1	27,9	10,5
IV	23,7	90,1	26,0	51,6	28,9	50,4
V	27,3	188,5	28,3	82,1	28,3	218,4
VI	28,8	230,9	29,3	116,7	27,5	311,7
VII	28,9	288,2	29,4	95,3	27,1	293,7
VIII	28,2	318,0	28,9	104,0	27,1	269,8
IX	27,2	265,4	27,1	473,4	26,8	327,1
X	24,6	130,7	25,1	795,6	26,7	266,7
XI	21,4	43,4	23,1	580,6	26,4	116,5
XII	18,2	23,4	20,8	297,4	25,7	48,3
Trung bình năm	23,5	1676	25,1	2868	27,1	1931

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Nhận xét nào sau đây *không đúng* với bảng số liệu ?

A. Càng vào Nam, nhiệt độ càng tăng.

B. Khí hậu ở Hà Nội có mùa đông lạnh, ít mưa.

C. Mùa mưa nhiều ở Huế trùng với mùa hạ.

D. Khí hậu ở TP. Hồ Chí Minh phân hoá hai mùa : mưa, khô rõ rệt.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 14

THIÊN NHIÊN PHÂN HOÁ ĐA DẠNG

(Tiếp theo)

1. Ghi những biểu hiện cụ thể của sự phân hoá thiên nhiên từ Đông sang Tây vào bảng sau :

SỰ PHÂN HOÁ THIÊN NHIÊN TỪ ĐÔNG SANG TÂY

Các dải địa hình	Biểu hiện cụ thể
Thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa	....
Thiên nhiên vùng đồng bằng ven biển	....
Thiên nhiên vùng đồi núi	....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Cho các bảng số liệu sau :

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA LẠNG SƠN VÀ LAI CHÂU

(Đơn vị : ^oC)

Tháng / Địa điểm (độ cao)	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lạng Sơn (258 m)	13,3	14,3	18,2	22,1	23,3	26,9	27,0	26,6	25,2	22,2	18,3	14,3
Điện Biên (244 m)	17,1	18,0	21,3	24,6	24,5	26,5	26,5	26,6	26,1	23,7	20,6	17,7

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

BIÊN ĐỘ NHIỆT CỦA LẠNG SƠN VÀ LAI CHÂU

Vĩ độ	Địa điểm	Biên độ nhiệt trung bình năm	Biên độ nhiệt tuyệt đối (chênh lệch nhiệt độ tối cao và tối thấp)
21°50'	Lạng Sơn	13°7	41°9
22°03'	Điện Biên	9°4	37°6

Từ các bảng số liệu, nhận xét và giải thích sự phân hoá khí hậu theo hướng Đông – Tây ở Bắc Bộ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

3. Cho bảng số liệu sau :

NHIỆT ĐỘ (°C) VÀ LƯỢNG MƯA (mm) TRUNG BÌNH THÁNG VÀ NĂM Ở 2 ĐỊA ĐIỂM NƯỚC TA

Địa điểm (độ cao) \ Tháng		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Cả năm
Quy Nhơn (5 m)	t° (°C)	23,0	23,8	25,3	27,2	28,8	29,6	29,7	29,8	28,2	26,6	25,3	23,7	26,8
	Mưa (mm)	64,6	32,2	24,0	32,4	63,4	61,5	54,6	58,6	245,1	463,3	422,7	169,9	1692
Plây Ku (800 m)	t° (°C)	19,0	20,7	22,7	24,0	24,0	23,0	22,4	22,2	22,3	21,7	20,7	19,3	21,8
	Mưa (mm)	3,0	6,8	27,5	94,9	225,7	357,0	452,9	492,6	360,0	181,0	57,4	13,3	2272

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Dựa vào bảng số liệu, hãy nhận xét và giải thích sự phân hoá khí hậu giữa Đông Trường Sơn với Tây Nguyên.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

4. Dựa vào kiến thức đã học, hãy hoàn thành bảng sau :

SỰ PHÂN HOÁ THIÊN NHIÊN THEO ĐỘ CAO

Đai	Độ cao	Khí hậu	Thổ nhưỡng	Sinh vật
Nhiệt đới gió mùa	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Đai	Độ cao	Khí hậu	Thổ nhưỡng	Sinh vật
Cận nhiệt đới gió mùa trên núi	....	....	....	....
Ôn đới gió mùa trên núi	....	....	....	....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

5. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

5.1. Vùng đồi núi Tây Bắc là nơi

A. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc trực tiếp và mạnh nhất.

B. mùa hạ đến sớm, đôi khi có gió Tây.

C. có cây chịu lạnh ở cả nơi địa hình thấp.

D. có một mùa đông lạnh đến sớm và kết thúc muộn.

5.2. Vùng đồi núi Đông Bắc là nơi

A. có một mùa đông lạnh đến sớm ở vùng núi thấp.

B. lạnh chủ yếu do địa hình núi cao.

C. có cảnh quan thiên nhiên ôn đới trên núi phổ biến ở nhiều nơi.

D. mùa đông lạnh và rất khô.

5.3. Điểm giống nhau về khí hậu của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là

A. mùa mưa vào thu đông (từ tháng IX đến tháng XII).

B. mùa mưa vào hạ thu (từ tháng V đến tháng X).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

C. có một mùa khô sâu sắc.

D. về mùa hạ có gió Tây khô nóng.

5.4. Ở độ cao trên 2600 m có khí hậu

A. nhiệt đới.

B. ôn đới.

C. cận nhiệt đới.

D. xích đạo.

Bài 15

THIÊN NHIÊN PHÂN HOÁ ĐA DẠNG

(Tiếp theo)

1. Dựa vào kiến thức đã học, hãy hoàn thành bảng sau :

SỰ KHÁC NHAU VỀ THIÊN NHIÊN GIỮA MIỀN BẮC VÀ ĐÔNG BẮC BẮC BỘ VỚI MIỀN TÂY BẮC VÀ BẮC TRUNG BỘ

Miền	Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ	Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ
Ranh giới	.....	.....
Địa hình	.....	.....
Khoáng sản	.....	.....
Khí hậu	.....	.....
Sinh vật	.....	.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2. Dựa vào kiến thức đã học, hãy hoàn thành sơ đồ sau :

MIỀN NAM TRUNG BỘ VÀ NAM BỘ

Địa chất địa hình	Khí hậu	Hệ sinh thái	Khoáng sản
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

3. Từ kiến thức đã học, hãy cho biết :

a) Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thời tiết lạnh về mùa đông ở khu vực Tây Bắc là gì ? Tại sao ?

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Tại sao ở Duyên hải Nam Trung Bộ, mưa lại vào thu đông ?

.....

.....

.....

.....

c) Tại sao ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ không có đai ôn đới gió mùa trên núi ?

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

4. Nối các ô bên trái với ô bên phải thể hiện đúng những thế mạnh và khó khăn của các miền địa lí tự nhiên nước ta.

Khai thác khoáng sản (than), thuỷ điện.	
Trồng cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt, ôn đới.	
Phát triển cơ cấu nông nghiệp đa dạng và phát triển kinh tế biển.	Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ
Khí hậu, dòng chảy sông ngòi có tính bất thường.	
Tài nguyên thuận lợi cho phát triển nhiều ngành : công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp, thuỷ hải sản, du lịch.	Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ
Bão, lũ, trượt đất, hạn hán là thiên tai thường xuyên.	
Tài nguyên thuận lợi cho phát triển nghề rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm, khai thác thuỷ năng, thuỷ lợi, đa dạng hoá các ngành công nghiệp và cơ cấu nông nghiệp, phát triển tổng hợp kinh tế biển (khai thác khoáng sản, hải sản, giao thông vận tải biển và du lịch biển).	Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ
Xói mòn, rửa trôi đất ; lũ lụt diện rộng ; thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô.	

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

5. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

5.1. Đặc điểm tự nhiên cơ bản nhất của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

A. có đầy đủ ba đai cao.

B. chịu tác động mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc.

C. có cấu trúc địa chất – địa hình khá phức tạp.

D. có khí hậu cận xích đạo.

5.2. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là nơi

A. có mối quan hệ mật thiết với Hoa Nam (Trung Quốc) về cấu trúc địa chất – kiến tạo.

B. ít chịu tác động mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc.

C. có địa hình núi cao, núi trung bình chiếm ưu thế.

D. tính chất nhiệt đới tăng dần với sự có mặt của thực vật phương Nam.

5.3. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là nơi có

A. địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế.

B. hướng núi và thung lũng sông chủ yếu là hướng vòng cung.

C. đồng bằng châu thổ mở rộng về phía biển.

D. có đầy đủ ba đai cao.

5.4. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là nơi có nhiều

A. vịnh, đảo và quần đảo. B. địa hình đá vôi.

C. cao nguyên badan. D. núi cao và núi trung bình.

5.5. Khoáng sản nổi bật của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

A. than đá và apatit. B. dầu khí và bôxit.

C. vật liệu xây dựng và quặng sắt. D. thiếc và khí tự nhiên.

5.6. Trở ngại lớn nhất trong việc sử dụng tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

A. khí hậu thất thường, thời tiết có sự bất ổn định cao.

B. bão lũ, trượt lở đất, hạn hán diễn ra thường xuyên.

C. thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô.

D. nạn cát bay, cát nhảy lấn chiếm đồng ruộng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

5.7. Điểm nào sau đây chứng tỏ cấu trúc địa chất – địa hình miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ phức tạp ?

A. Hệ thống núi non trùng điệp, địa hình núi cao, núi trung bình chiếm ưu thế, đồng bằng nhỏ hẹp bị chia cắt.

B. Gồm các khối núi cổ, các bề mặt sơn nguyên bóc mòn và cao nguyên badan, đồng bằng châu thổ sông và đồng bằng ven biển.

C. Đồi núi thấp với độ cao trung bình 600 m chiếm ưu thế, nhiều địa hình đá vôi, địa hình bờ biển có nhiều vịnh, đảo, quần đảo.

D. Gồm núi cao, núi trung bình, núi thấp, sơn nguyên và cao nguyên đá vôi, thung lũng hẹp, nhiều vách núi đứng.

Bài 16 – Thực hành

ĐỌC BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH, ĐIỀN VÀO LƯỢC ĐỒ TRỐNG MỘT SỐ DÃY NÚI VÀ ĐỈNH NÚI

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

1. **Bài tập 1 :** Xác định vị trí của các dãy núi và cao nguyên, các đỉnh núi và các dòng sông trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam (hoặc Atlat Địa lí Việt Nam).

a) Các dãy núi và cao nguyên

– Các dãy núi Hoàng Liên Sơn ; Hoành Sơn ; Bạch Mã, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam.

– Các cánh cung núi : Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.

– Các cao nguyên đá vôi : Tà Phình, Sin Chải, Sơn La, Mộc Châu.

– Các cao nguyên badan : Plâyku, Đắk Lắk, Mơ Nông, Di Linh.

b) Các đỉnh núi :

Phan-xi-păng : 3143 m ; Khoan La San : 1853 m ; Pu Hoạt : 2452 m ; Tây Côn Lĩnh : 2419 m ; Ngọc Linh : 2598 m ; Chư Yang Sin : 2405 m ; Puxailaileng : 2711 m ; Rào Cỏ : 2235 m ; Hoành Sơn : 1046 m ; Bạch Mã : 1444 m ; Lang Biang : 2167 m.

c) Các dòng sông :

Sông Hồng, sông Chảy, sông Lô, sông Đà, sông Thái Bình, sông Mã, sông Cả, sông Hương, sông Thu Bồn, sông Trà Khúc, sông Đà Rằng, sông Đồng Nai, sông Tiền, sông Hậu.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2. Bài tập 2 :

Vẽ và điền vào lược đồ trống các dãy núi, các cánh cung núi và các đỉnh núi trên.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

VẤN ĐỀ SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TỰ NHIÊN

Bài 17

SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Cho bảng số liệu sau :

SỰ BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH RỪNG QUA MỘT SỐ NĂM

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43,0
1995	9,3	8,3	1,0	28,2
2003	12,1	10,0	2,1	36,1
2006	12,9	10,4	2,5	39,0

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Nhận xét và giải thích sự biến động rừng và độ che phủ rừng qua một số năm.

– Nhận xét :

.....

.....

.....

.....

– Giải thích :

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2. Nối ô bên trái với ô bên phải để thể hiện đúng quy định về nguyên tắc quản lí, sử dụng và phát triển đối với mỗi loại rừng.

Đối với rừng đặc dụng	Có kế hoạch, biện pháp bảo vệ, nuôi dưỡng rừng hiện có, trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc.
Đối với rừng phòng hộ	Bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh vật của các vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên về rừng và khu bảo tồn các loài.
Đối với rừng sản xuất	Đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng, duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng, độ phì và chất lượng đất rừng.

downloadsachmienphi.com

3. Hoàn thành bảng sau :

TÍNH ĐA DẠNG, SỰ SUY GIẢM VÀ NGUYÊN NHÂN LÀM SUY GIẢM ĐA DẠNG SINH HỌC

Biểu hiện của tính đa dạng sinh học cao	Biểu hiện sự suy giảm tính đa dạng sinh học	Nguyên nhân suy giảm
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

4. Nêu các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta hiện nay.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

5.1. Diện tích rừng tuy có tăng, nhưng tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái, vì

A. hiện tại phần lớn là rừng non mới phục hồi và rừng trồng chưa được khai thác.

B. phần lớn là rừng nghèo, không được khai thác.

C. chỉ chú trọng trồng rừng nhưng không chăm sóc.

D. loại rừng tốt (có trữ lượng 150 m^3/ha) còn rất ít.

5.2. Thực hiện chiến lược trồng mới 5 triệu ha rừng để đến năm 2010 đạt được mục tiêu có độ che phủ rừng là

A. 40%. C. 42%.

B. 41%. D. 43%.

5.3. Địa điểm nào sau đây *không phải* là khu dự trữ sinh quyển thế giới ?

A. Vườn quốc gia Cát Bà.

B. Vườn quốc gia Cát Tiên.

C. Khu sinh quyển Cần Giờ.

D. Vườn quốc gia Bạch Mã.

5.4. Theo mục đích sử dụng, rừng được phân thành ba loại :

A. rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

B. rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng rậm.

C. rừng phòng hộ, rừng rậm, rừng thưa.

D. rừng đặc dụng, rừng tre nứa, rừng cây gỗ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

5.5. Ý nào sau đây *không phải* là biện pháp nhằm để bảo vệ đa dạng sinh học ?

A. Xây dựng hệ thống vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên.

B. Quy định khai thác về gỗ, động vật và thuỷ sản.

C. Ban hành "Sách đỏ Việt Nam", ghi tên các loài cần được bảo vệ.

D. Xây dựng công trình thuỷ lợi, làm ruộng bậc thang.

6. Đọc ô thông tin sau :

DIỆN TÍCH ĐẤT VIỆT NAM

– Tổng diện tích đất tự nhiên của Việt Nam là 331 212 km^2, đứng hàng thứ 58 trên thế giới, nhưng vì dân số đông nên bình quân đất tự nhiên/người thấp, chỉ khoảng 0,4 ha/người (bằng 1/6 thế giới).

– Năm 2005, đất nông nghiệp là 9412,2 nghìn ha, chiếm khoảng 28,4% diện tích đất tự nhiên. Diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người năm 1940 là 0,27 ha, đến năm 1975 còn 0,13 ha, đến năm 2001 còn 0,12 ha, đến năm 2005 chỉ còn khoảng 0,11 ha, vào loại thấp nhất thế giới và chỉ bằng 1/10 bình quân toàn thế giới (thế giới đạt 1,2 ha/người).

– Năm 2005, đất lâm nghiệp có 14437,3 nghìn ha (chiếm 43,6%), đất chuyên dùng 1401,0 nghìn ha (chiếm 4,2%), đất ở là 602,7 nghìn ha (chiếm 1,8%), đất chưa sử dụng là 7268,0 nghìn ha (chiếm 22%). Đất chưa sử dụng, chủ yếu là đất hoang hoá (đất trống, đồi núi trọc).

– Năm 1990, cả nước có gần 10 triệu ha đất trống, đồi núi trọc. Đến năm 2005, còn khoảng 5,35 triệu ha (giảm gần 1/2 diện tích).

– Hiện cả nước có khoảng 9,3 triệu ha đất liên quan đến hoang mạc hoá (chiếm 28% diện tích đất đai).

downloadsachmienphi.com
Download sách hay | Đọc sách online

Nhận xét và giải thích về hiện trạng sử dụng tài nguyên đất của nước ta.

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

7. a) Hoàn thành bảng sau :

CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ TÀI NGUYÊN ĐẤT

Đối với vùng đồi núi	Đối với đồng bằng
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Dựa vào kiến thức đã học, hãy cho biết :

– Tại sao khả năng mở rộng đất nông nghiệp ở đồng bằng không nhiều ?

.....

.....

.....

.....

– Tại sao việc khai hoang đất đồi núi làm nông nghiệp cần phải hết sức thận trọng ?

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 18

SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(tiếp theo)

1. Điền nội dung thích hợp vào sơ đồ sau :

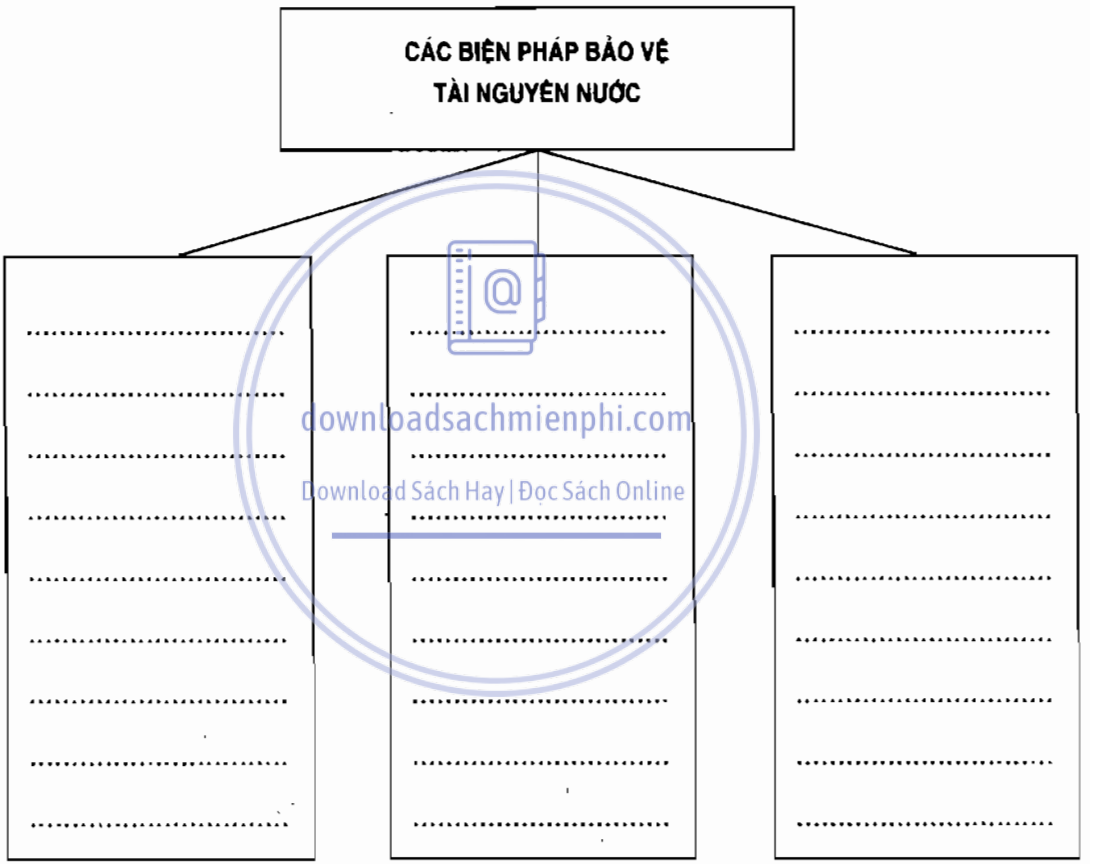

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Nguồn gây ô nhiễm môi trường nước trên diện rộng chủ yếu hiện nay ở nước ta là

A. chất thải của hoạt động du lịch.

B. nước thải công nghiệp và đời sống chưa qua xử lí.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

C. lượng thuốc trừ sâu và hoá chất dư thừa trong hoạt động nông nghiệp.

D. chất thải của y tế.

3. Điền nội dung thích hợp vào ô trống để hoàn thành sơ đồ sau :

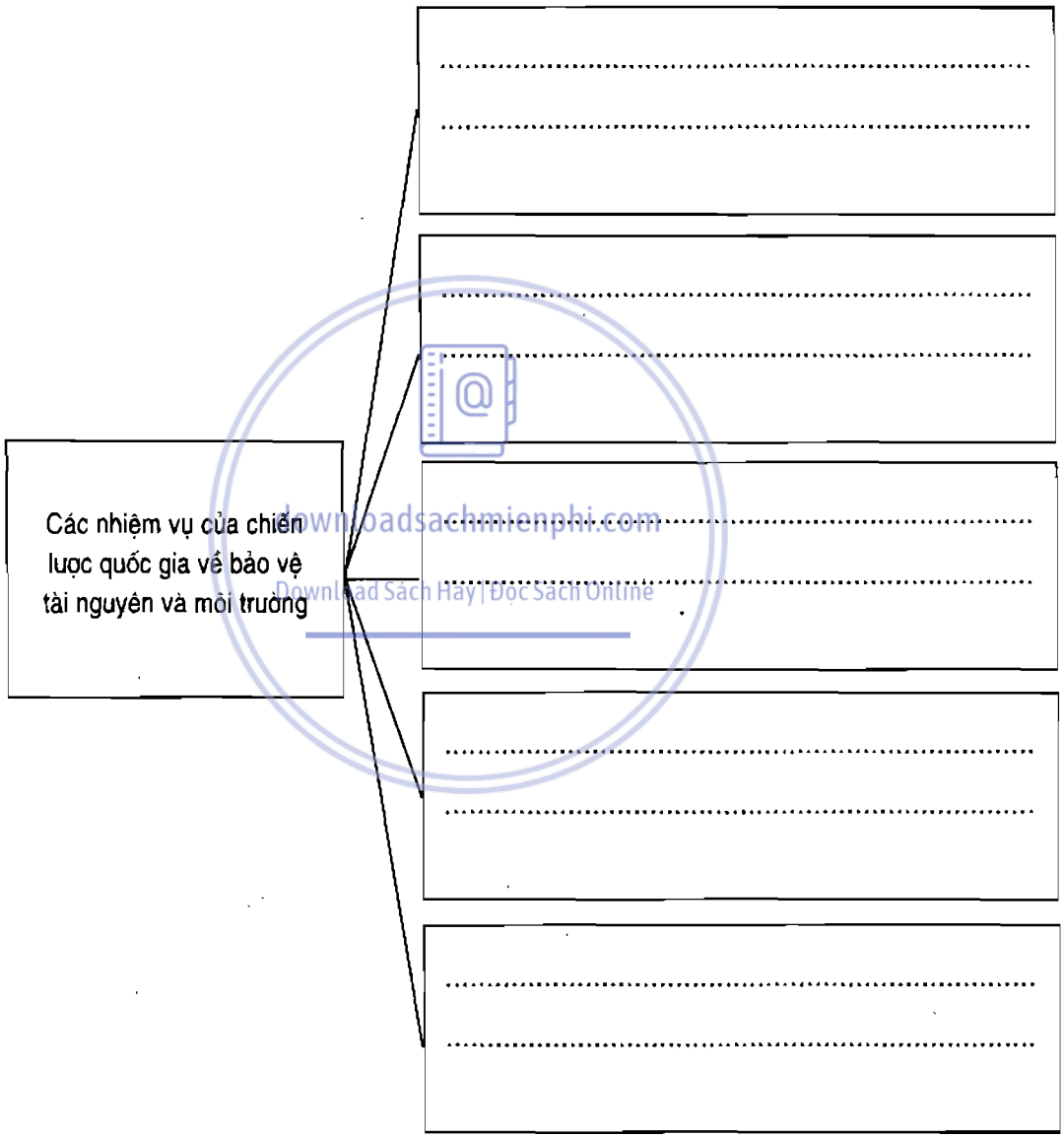

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 19 – Thực hành

TÌM HIỂU BIẾN ĐỘNG RỪNG Ở NƯỚC TA, NGUYÊN NHÂN SUY GIẢM VÀ HẬU QUẢ

Dựa vào bảng số liệu dưới đây :

TỔNG DIỆN TÍCH RỪNG, RỪNG TỰ NHIÊN, RỪNG TRỒNG Ở NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị : triệu ha)

Năm	1943	1976	1995	1999	2003	2005
Tổng diện tích rừng	14,3	11,1	9,3	10,9	12,1	12,7
Rừng tự nhiên	14,3	11,0	8,3	9,4	10,0	10,2
Rừng trồng	0	0,1	1,0	1,5	2,1	2,5

1. Vẽ biểu đồ thể hiện sự biến động tổng diện tích rừng, diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng ở nước ta.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2. Nêu nhận xét và giải thích về sự biến động diện tích các loại rừng.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho biết hậu quả của sự suy giảm tài nguyên rừng.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 20

MỘT SỐ THIÊN TAI CHỦ YẾU VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG

1. Dựa vào hình 20. SGK :

a) Điền vào chỗ... để hoàn thiện các câu sau :

– Mùa bão ở nước ta thường bắt đầu từ tháng..... đến tháng .....

– Bão tập trung nhiều nhất vào các tháng .....

– Sự thay đổi mùa bão từ Bắc vào Nam : .....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

b) Hậu quả của bão

.....

.....

.....

.....

.....

c) Các biện pháp phòng chống bão

.....

.....

.....

.....

.....

2. Điền vào bảng sau, những thông tin cần thiết về nguyên nhân gây ngập lụt ở các vùng đồng bằng nước ta :

downloadsachmienphi.com

NGUYÊN NHÂN GÂY NGẬP LỤT Ở CÁC VÙNG ĐỒNG BẰNG

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu Long	Đồng bằng Duyên hải miền Trung
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

3. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

3.1. Vào các tháng X – XII, lũ quét thường xảy ra ở

A. các tỉnh thuộc thượng nguồn sông Đà (Sơn La, Lai Châu, Điện Biên).

B. các tỉnh thuộc lưu vực sông Thao (Lào Cai, Yên Bái).

C. các tỉnh thuộc lưu vực sông Cầu (Bắc Kạn, Thái Nguyên).

D. các tỉnh của Duyên hải miền Trung.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3.2. Biện pháp nào sau đây *không* liên quan đến việc giảm nhẹ thiệt hại do lũ quét gây ra ?

A. Quy hoạch các điểm dân cư tránh các vùng lũ quét nguy hiểm.

B. Thực hiện các biện pháp kĩ thuật trồng rừng, canh tác trên đất dốc.

C. Quản lí sử dụng đất đai một cách hợp lí.

D. Hạn chế sự gia tăng dân số.

3.3. Nơi khô hạn kéo dài đến 6 – 7 tháng là

A. các thung lũng khuất gió của Trung du và miền núi Bắc Bộ.

B. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

C. các vùng thấp của Tây Nguyên.

D. vùng ven biển cực Nam Trung Bộ.

3.4. Khu vực có hoạt động động đất mạnh nhất ở nước ta là

A. Tây Bắc. B. Đông Bắc.

C. Miền Trung. D. Nam Bộ.

3.5. Loại thiên tai nào sau đây tuy mang tính cục bộ địa phương, nhưng diễn ra thường xuyên và cũng gây thiệt hại lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân ?

A. Bão. B. Ngập úng, lũ quét và hạn hán.

C. Động đất. D. Lốc, mưa đá, sương muối.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

ĐỊA LÍ DÂN CƯ

Bài 21

ĐẶC ĐIỂM DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ Ở NƯỚC TA

1. Cho biết :

– Tên 2 nước ở khu vực Đông Nam Á có số dân lớn hơn số dân nước ta.

.....

– Tên 12 nước trên thế giới có số dân lớn hơn số dân của nước ta (theo thứ tự nhỏ dần về số dân).

.....

.....

.....

– Nhận xét về số dân nước ta. Điều đó có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội ?

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Chứng minh rằng : dân số nước ta trẻ và gia tăng dân số tuy có giảm, nhưng vẫn còn cao. Hậu quả của việc tăng nhanh dân số.

– Dân số trẻ

.....

.....

.....

– Gia tăng dân số tuy có giảm, nhưng vẫn còn cao

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....

.....

– Hậu quả của việc tăng nhanh dân số

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Từ bảng số liệu dưới đây :

DIỆN TÍCH VÀ SỐ DÂN CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO CÁC VÙNG, NĂM 2006

Các vùng	Diện tích (km^2)	Số dân (nghìn người)	Mật độ dân số trung bình (người/km^2)
Cả nước	331 211,6	84 155,8	
Trung du và miền núi Bắc Bộ	101 559,0	12 065,4	
Đồng bằng sông Hồng	14 862,5	18 207,9	
Bắc Trung Bộ	51 552,0	10 668,3	
Duyên hải Nam Trung Bộ	44 366,1	8 862,3	
Tây Nguyên	54 659,6	4 868,9	
Đông Nam Bộ	23 607,7	12 067,5	
Đồng bằng sông Cửu Long	40 604,7	17 415,5	

a) Tính mật độ dân số trung bình phân theo vùng của nước ta, điền vào ô trống ở bảng trên.

b) Nhận xét về mật độ dân số giữa các vùng của nước ta.

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

c) Giải thích tại sao Đồng bằng sông Hồng là vùng có mật độ dân cư đông đúc nhất so với các vùng khác trong cả nước.

.....

.....

.....

.....

4. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

4.1. Hậu quả của việc tăng nhanh dân số ở nước ta là

A. quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh.

B. đẩy nhanh quá trình hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

C. nguồn lao động dồi dào thuận lợi cho việc phát triển kinh tế.

D. sức ép lớn đối với phát triển kinh tế, bảo vệ tài nguyên – môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống.

4.2. Cơ cấu dân số phân theo độ tuổi của nước ta đang có sự biến đổi theo hướng

A. giảm tỉ lệ nhóm dưới độ tuổi và trong độ tuổi lao động.

B. giảm tỉ lệ nhóm dưới độ tuổi và trên độ tuổi lao động.

C. tăng tỉ lệ nhóm trong độ tuổi và trên độ tuổi lao động.

D. tăng tỉ lệ nhóm dưới độ tuổi và trong độ tuổi lao động.

downloadsachmienphi.com

5. Cho bảng số liệu sau đây :

SỐ DÂN VÀ TỐC ĐỘ GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA NƯỚC TA

Năm	Tổng số dân (nghìn người)	Trong đó dân thành thị (nghìn người)	Tốc độ gia tăng dân số tự nhiên (%)
1995	71 995,5	14 938,1	1,65
1996	73 156,7	15 419,9	1,61
1999	76 596,7	18 081,6	1,51
2000	77 635,4	18 771,9	1,36
2002	79 727,4	20 022,1	1,32
2005	83 106,3	22 336,8	1,31
2006	84 155,8	22 823,6	1,26

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình phát triển dân số của nước ta trong giai đoạn 1995 – 2006.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Từ biểu đồ đã vẽ, hãy nhận xét và giải thích tình hình phát triển dân số của nước ta.

– Nhận xét :

.....

.....

.....

.....

.....

– Giải thích :

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 22

LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

1. Hãy trình bày đặc điểm về nguồn lao động của nước ta.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Tại sao nước ta có nguồn lao động dồi dào ? Điều đó có ảnh hưởng gì tới sự phát triển kinh tế – xã hội ?

– Giải thích :

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

.....

.....

.....

.....

.....

.....

– Ảnh hưởng :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3. Dựa vào bảng số liệu dưới đây :

CƠ CẤU LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC TẠI THỜI ĐIỂM 1/7 HẰNG NĂM CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ VÀ THEO KHU VỰC KINH TẾ

(Đơn vị %)

Cơ cấu lao động \ Năm	2000	2002	2003	2004	2005
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
– Phân theo thành phần kinh tế					
+ Nhà nước	9,3	9,5	9,9	9,9	9,5
+ Ngoài Nhà nước	90,1	89,4	88,8	88,6	88,9
+ Có vốn đầu tư nước ngoài	0,6	1,1	1,3	1,5	1,6
– Phân theo khu vực kinh tế					
+ Nông – lâm – ngư nghiệp	65,1	61,9	60,3	58,8	57,3
+ Công nghiệp và xây dựng	13,1	15,4	16,5	17,3	18,2
+ Dịch vụ	21,8	22,7	23,2	23,9	24,5

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

a) Nhận xét về cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu lao động của nước ta phân theo thành phần kinh tế.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

b) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện chuyển dịch cơ cấu lao động của nước ta phân theo khu vực kinh tế và nhận xét.

4. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Hiện nay ở nước ta, tốc độ gia tăng nguồn lao động cao hơn nhiều so với tốc độ gia tăng dân số tự nhiên là do

A. số trẻ em sinh ra giảm đi nhờ làm tốt công tác dân số – kế hoạch hoá gia đình.

B. nền kinh tế phát triển theo cơ chế thị trường cần nhiều lao động.

C. số trẻ em sinh ra tuy giảm trong những năm gần đây, nhưng chưa bước vào tuổi lao động.

D. dân số trẻ, nguồn lao động dồi dào.

5. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Giải pháp nào sau đây *không phải* là cách tích cực để giải quyết việc làm ?

A. Phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng.

B. Phá rừng để lấy đất trồng.

C. Đa dạng hoá các hoạt động sản xuất ở địa phương, chú ý thích đáng đến hoạt động dịch vụ.

D. Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ lao động để họ có thể tự tạo việc làm, hoặc dễ dàng tham gia vào các cơ sở sản xuất của xã hội.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

6. Bằng sự hiểu biết của mình, hãy ghép ô bên trái với ô bên phải sao cho phù hợp với tỉ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động khu vực thành thị ở một số vùng nước ta năm 2005 và giải thích.

Đồng bằng sông Hồng	4,23%
Tây Nguyên	5,52%
Duyên hải Nam Trung Bộ	5,61%

Giải thích :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 23

ĐÔ THỊ HOÁ

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời *sai*.

Biểu hiện của đô thị hoá là

A. dân thành thị có xu hướng tăng nhanh.

B. sự phát triển của các đô thị lớn và cực lớn.

C. chất lượng cuộc sống của dân thành thị ngày càng được cải thiện.

D. phổ biến rộng rãi lối sống thành thị.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2. Căn cứ vào bảng số liệu dưới đây :

SỐ DÂN TRUNG BÌNH CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN

(Đơn vị : nghìn người)

Năm	Số dân thành thị (nghìn người)	Số dân nông thôn (nghìn người)	Tổng số dân (nghìn người)	Tỉ lệ dân thành thị trong tổng số dân (%)
1960	4 727	25 645		
1970	8 787	32 276		
1976	10 127	39 033		
1979	10 094	42 368		
1985	11 360	48 512		
1990	13 281	51 908		
1995	14 938	57 057		
2000	18 772	58 864		
2005	22 337	60 770		
2006	22 824	61 332		

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

– Hoàn thành tiếp các ô trống ở bảng trên.

– Nhận xét về mức độ đô thị hoá của nước ta trong giai đoạn 1960 – 2006.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

c) Giải thích về tốc độ đô thị hoá qua các giai đoạn.

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....

.....

.....

.....

3. Sắp xếp 15 đô thị dưới đây vào bảng thống kê sao cho phù hợp với loại đô thị (loại đặc biệt, loại I, loại II, loại III) và cấp quản lí (cấp Trung ương quản lí, cấp tỉnh quản lí) :

Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Hạ Long, Điện Biên Phủ, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Đà Lạt, Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Cần Thơ, Long Xuyên, Cà Mau.

CÁC ĐÔ THỊ CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO LOẠI VÀ CẤP QUẢN LÍ (TÍNH ĐẾN 1–2008)

STT	Tên đô thị	Thuộc tỉnh, thành phố	Loại đô thị	Cấp quản lí
1	.....	.....	.....	.....
2	.....	.....	.....	.....
3	.....	.....	.....	.....
4	.....	.....	.....	.....
5	.....	.....	.....	.....
6	.....	.....	.....	.....
7	.....	.....	.....	.....
8	.....	.....	.....	.....
9	.....	.....	.....	.....
10	.....	.....	.....	.....
11	.....	.....	.....	.....
12	.....	.....	.....	.....
13	.....	.....	.....	.....
14	.....	.....	.....	.....
15	.....	.....	.....	.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

4. Cho biết ảnh hưởng của đô thị hoá đến việc phát triển kinh tế – xã hội ở nước ta bằng cách hoàn thành sơ đồ sau :

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐÔ THỊ HOÁ

Tích cực	Tiêu cực
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

5. Dựa vào bản đồ Dân cư trong SGK hoặc trong Atlat Địa lí Việt Nam, hãy nhận xét và giải thích về mạng lưới đô thị của Việt Nam.

– Nhận xét về mạng lưới đô thị.

.....

.....

.....

.....

– Giải thích về sự phân bố mạng lưới đô thị.

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 24

CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Yếu tố nào sau đây *không* nằm trong chỉ số HDI ?

A. GDP bình quân đầu người.

B. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên.

C. Chỉ số về giáo dục (tỉ lệ người lớn biết chữ và tổng tỉ lệ nhập học các cấp).

D. Tuổi thọ bình quân.

2. Căn cứ vào bảng số liệu sau :

GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI/THÁNG PHÂN THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN VÀ THEO VÙNG, NĂM 2004

Các vùng	GDP bình quân đầu người/tháng (nghìn đồng)
Cả nước	484,4
1. Theo thành thị và nông thôn	
Thành thị	815,4
Nông thôn	378,1
2. Theo vùng	
Đông Bắc	379,9
Tây Bắc	265,7
Đồng bằng sông Hồng	488,2
Bắc Trung Bộ	317,1
Duyên hải Nam Trung Bộ	414,9
Tây Nguyên	390,2
Đông Nam Bộ	833,0
Đồng bằng sông Cửu Long	471,1

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Nhận xét và giải thích sự phân hoá về GDP bình quân theo đầu người/tháng giữa nông thôn, thành thị và giữa các vùng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Giữa nông thôn và thành thị :

.....

.....

.....

.....

– Giữa các vùng :

.....

.....

.....

.....

3. Viết một báo cáo ngắn về tình hình giáo dục phổ thông ở nước ta dựa vào bảng số liệu dưới đây :

TÌNH HÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG Ở NƯỚC TA

Năm học	2000 – 2001	2006 – 2007
– Số trường học (trường)	24 692	27 593
– Số lớp học (nghìn lớp)	509,6	501,2
– Số giáo viên (nghìn người)	661,7	789,6
– Số học sinh (nghìn học sinh)	17 776,1	16 256,6
+ Tiểu học	9 741,1	7 029,4
+ Trung học cơ sở	5 863,6	6 152,0
+ Trung học phổ thông	2 171,4	3 075,2

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

4. Dựa vào bảng số liệu dưới đây, chứng minh rằng công tác y tế và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân đã đạt được những kết quả nhất định.

TÌNH HÌNH Y TẾ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ CHO NHÂN DÂN

Tiêu chí	Năm 2000	Năm 2006
Bệnh viện	835	903
Trạm y tế xã (phường)	10 271	10 672
Bác sĩ (nghìn người)	39,2	52,8
Số bác sĩ bình quân cho 1 vạn dân (người)	5,0	6,3

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

5. Bằng sự hiểu biết, hãy điền số liệu đã cho về tỉ lệ đói nghèo theo chuẩn năm 2005 (%) vào từng vùng và giải thích :

Tỉ lệ đói nghèo theo chuẩn năm 2005 (%) : 8,7 ; 13,8 ; 23,7 ; 36,5.

Đồng bằng sông Hồng : .....

Duyên hải Nam Trung Bộ : .....

Tây Nguyên : .....

Đông Nam Bộ : .....

Giải thích :

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 25

Thực hành : VẼ BIỂU ĐỒ VÀ PHÂN TÍCH SỰ PHÂN HOÁ VỀ THU NHẬP BÌNH QUÂN THEO ĐẦU NGƯỜI GIỮA CÁC VÙNG

1. Cho bảng số liệu dưới đây :

THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI/ THÁNG THEO CÁC VÙNG

(Đơn vị : nghìn đồng)

Các vùng \ Năm		2004
Đồng bằng sông Hồng		488,2
Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đông Bắc	379,9
	Tây Bắc	265,7
Bắc Trung Bộ		317,1
Duyên hải Nam Trung Bộ		414,9
Tây Nguyên		390,2
Đông Nam Bộ		833,0
Đồng bằng sông Cửu Long		471,1
Cả nước		484,4

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

a) Tính mức chênh lệch của từng vùng so với cả nước về thu nhập bình quân theo đầu người/tháng, năm 2004 (lấy 484,4 nghìn đồng là 1,00 lần), điền vào bảng sau :

(Đơn vị : lần)

Các vùng		Mức chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người/năm so với cả nước
Đồng bằng sông Hồng		
Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đông Bắc	
	Tây Bắc	

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bắc Trung Bộ	
Duyên hải Nam Trung Bộ	
Tây Nguyên	
Đông Nam Bộ	
Đồng bằng sông Cửu Long	

b) Vẽ biểu đồ cột (hoặc biểu đồ thanh ngang) thể hiện thu nhập bình quân đầu người/tháng theo các vùng, năm 2004.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

c) Phân tích sự phân hoá về thu nhập bình quân đầu người/tháng theo các vùng (so sánh với vùng có mức thu nhập cao nhất, thấp nhất và với mức trung bình của cả nước).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....

.....

.....

2. Dựa vào số liệu về thu nhập bình quân đầu người/tháng theo các vùng năm 2004, hãy giải thích :

a) Vì sao Đông Nam Bộ là vùng có mức thu nhập bình quân đầu người/tháng cao nhất ?

.....

.....

.....

.....

b) Vì sao Tây Bắc là vùng có mức thu nhập bình quân đầu người/tháng thấp nhất ?

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

c) Vì sao Đồng bằng sông Hồng lại có thu nhập bình quân đầu người/tháng cao hơn của Đồng bằng sông Cửu Long ?

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

ĐỊA LÍ KINH TẾ

Bài 26

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

1.1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) là

A. tổng sản phẩm hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng cuối cùng trong nước với khoảng thời gian thường là 1 năm.

B. tổng sản phẩm hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng cuối cùng trong nước cộng với thu nhập có được từ nước ngoài với khoảng thời gian thường là 1 năm.

C. tổng sản phẩm hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng cuối cùng trong nước trừ đi thu nhập có được từ nước ngoài với khoảng thời gian thường là 1 năm.

D. tổng sản phẩm hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng cuối cùng trong nước cộng với mức chênh lệch về thu nhập từ nước ngoài và thu nhập của nước ngoài từ trong nước.

1.2. GDP của Việt Nam năm 2005 vào khoảng

A. 33 tỉ USD. B. 43 tỉ USD.

C. 53 tỉ USD. D. 63 tỉ USD.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Từ bảng số liệu dưới đây :

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP THEO GIÁ SO SÁNH NĂM 1994 PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ

(Đơn vị : %)

Năm	GDP	Chia ra		
		Nông – lâm – thuỷ sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
1990	5,1	1,0	2,3	10,2
1992	8,7	6,9	12,8	7,6
1994	8,8	3,4	13,4	9,6
1995	9,5	4,8	13,6	9,8

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

1997	8,2	4,3	12,6	7,1
1999	4,8	5,2	7,7	2,3
2000	6,8	4,6	10,1	5,3
2002	7,1	4,2	9,5	6,5
2004	7,8	4,4	10,2	7,3
2005	8,4	4,0	10,7	8,5

a) Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng của GDP và của 3 khu vực kinh tế trong giai đoạn 1990 – 2005.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Nhận xét tốc độ tăng trưởng GDP của nước ta.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

c) Nhận xét tốc độ tăng trưởng của 3 khu vực kinh tế.

.....

.....

.....

.....

.....

3. Căn cứ vào bảng số liệu dưới đây, hãy so sánh tốc độ tăng trưởng GDP của nước ta với một số nước ở Đông Nam Á.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á

(Đơn vị : %)

Năm	Việt Nam	Xingapo	Thái Lan	Malaixia
1995	9,5	–8,0	9,3	9,4
1998	5,8	0,1	–10,8	–7,4
2000	6,8	–9,4	4,8	8,9
2004	7,8	8,7	6,2	7,1
2005	8,4	6,4	4,5	5,3

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

4. Từ 2 bảng số liệu ở câu 2 và câu 3, hãy viết một báo cáo ngắn về tình hình tăng trưởng GDP của nước ta.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 27

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

(tiếp theo)

1. Sắp xếp các cụm từ dưới đây vào ô trống để hoàn thiện sơ đồ Cơ cấu nền kinh tế nước ta.

A. Cơ cấu nền kinh tế

B. Cơ cấu ngành kinh tế

C. Cơ cấu thành phần kinh tế

D. Cơ cấu lãnh thổ kinh tế

Đ. Cả nước

E. Từng vùng

G. Khu vực kinh tế Nhà nước

H. Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước

I. Công nghiệp và xây dựng

K. Nông – lâm – thuỷ sản

X. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Y. Dịch vụ

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

SƠ ĐỒ CƠ CẤU NỀN KINH TẾ

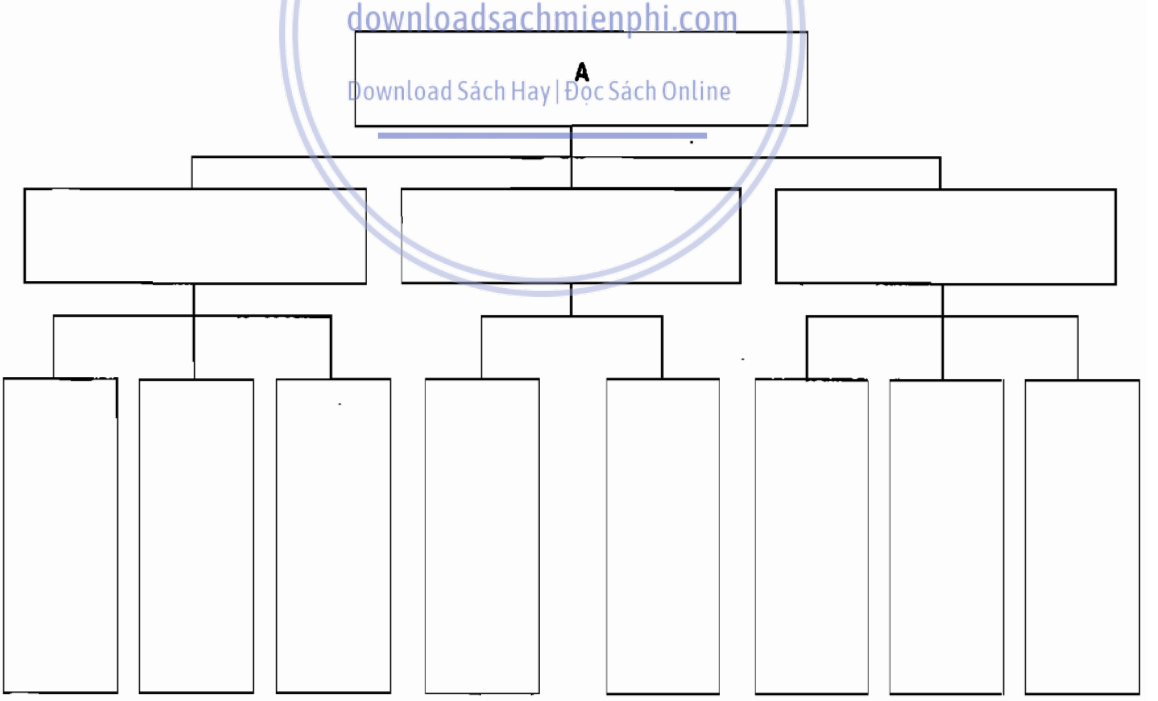

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2. Dựa vào bảng số liệu dưới đây :

CƠ CẤU TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị : %)

Năm	Tổng số	Chia ra		
		Nông – lâm – thuỷ sản	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
1990	100,0	38,7	22,7	38,6
1991	100,0	40,5	23,8	35,7
1995	100,0	27,2	28,8	44,0
1999	100,0	25,4	34,5	40,1
2000	100,0	24,6	36,7	38,7
2002	100,0	23,0	38,5	38,5
2004	100,0	21,8	40,2	38,0
2005	100,0	21,0	41,0	38,0

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Nhận xét và giải thích sự chuyển dịch đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3. Căn cứ vào bảng số liệu sau :

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị : nghìn tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Thành phần kinh tế		
		Nhà nước	Ngoài Nhà nước	Vốn đầu tư nước ngoài
1990	41,9	13,3	27,1	1,5
1995	228,9	92,0	122,5	14,4
2000	441,7	170,2	212,9	58,6
2005	837,9	321,9	382,8	133,2

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 1990 – 2005.

– Xử lí số liệu

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

– Vẽ biểu đồ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bộ SGK: https://bookgiaokhoa.com

b) Nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 1990 – 2005.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Điền các nội dung thích hợp vào bảng dưới đây :

Cơ cấu	Xu hướng chuyển dịch
Ngành kinh tế	....
Thành phần kinh tế	....
Lãnh thổ kinh tế	....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

Bài 28

VỐN ĐẤT VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẤT

1. Tại sao sử dụng hợp lí vốn đất ở nước ta lại có ý nghĩa to lớn trong việc phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Cho bảng số liệu dưới đây :

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT CỦA NƯỚC TA, NĂM 2005

Loại đất	Diện tích (nghìn ha)	Cơ cấu sử dụng đất (%)
Cả nước	33 121,2	100,0
Đất nông nghiệp	9 412,2	
Đất lâm nghiệp	14 437,3	
Đất chuyên dùng	1 401,0	
Đất ở	602,7	
Đất chưa sử dụng	5 280,5	
Các loại đất khác	1 987,5	

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

a) Tính cơ cấu sử dụng đất của nước ta, điền vào ô trống của bảng trên.

b) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu sử dụng đất của nước ta năm 2005 và nhận xét.

– Vẽ biểu đồ

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

– Nhận xét

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

3.1. Đối với sản xuất nông nghiệp, đất được coi là

A. nơi sinh sống của cây trồng.

B. tư liệu sản xuất không thể thay thế được.

C. một thành phần của tự nhiên.

D. đối tượng của sản xuất.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3.2. So với thế giới, bình quân đất tự nhiên theo đầu người ở nước ta vào khoảng

A. 1/2. B. 1/4.

C. 1/6. D. 1/8.

3.3. Diện tích đất chuyên dùng của nước ta tăng nhanh là do

A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ.

B. chú ý phát triển kinh tế nông thôn.

C. quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

D. tăng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài.

4. Dựa vào bảng số liệu sau :

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, NĂM 2006

Các loại đất	Đồng bằng sông Hồng		Đồng bằng sông Cửu Long	
	Diện tích (nghìn ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (nghìn ha)	Cơ cấu (%)
Tổng diện tích đất các loại	1 486,2	100,0	4 060,4	100,0
Đất nông nghiệp	760,3		2 575,9	
Đất lâm nghiệp	123,3		356,2	
Đất chuyên dùng	230,5		219,5	
Đất ở	116,5		108,5	
Đất khác	255,6		800,3	

a) Tính cơ cấu sử dụng đất của hai vùng đồng bằng, điền vào bảng trên.

b) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện quy mô vốn đất và cơ cấu sử dụng các loại đất của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

– Tính quy mô : .....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Vẽ biểu đồ

c) So sánh cơ cấu sử dụng đất giữa 2 đồng bằng và giải thích.

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sach Hay | Doc Sach Online

5. Dựa vào kiến thức đã học, hãy phân tích đặc điểm tài nguyên đất và vấn đề sử dụng đất nông nghiệp của một số vùng ở nước ta theo bảng sau :

Vùng	Đặc điểm tài nguyên đất	Vấn đề sử dụng đất nông nghiệp
Đồng bằng sông Hồng	....	....
Đồng bằng sông Cửu Long	....	....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Các đồng bằng Duyên hải miền Trung	.....	.....
Trung du và miền núi Bắc Bộ	.....	.....
Tây Nguyên	.....	.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 29

ĐẶC ĐIỂM NỀN NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta được biểu hiện khá rõ qua

A. tính bấp bênh, không ổn định của một số sản phẩm nông nghiệp.

B. sự đa dạng về cơ cấu mùa vụ.

C. sự đa dạng về cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

D. tất cả các ý trên.

2. Căn cứ vào kiến thức đã học, hãy trình bày các nguồn lực tự nhiên ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta theo sơ đồ sau :

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

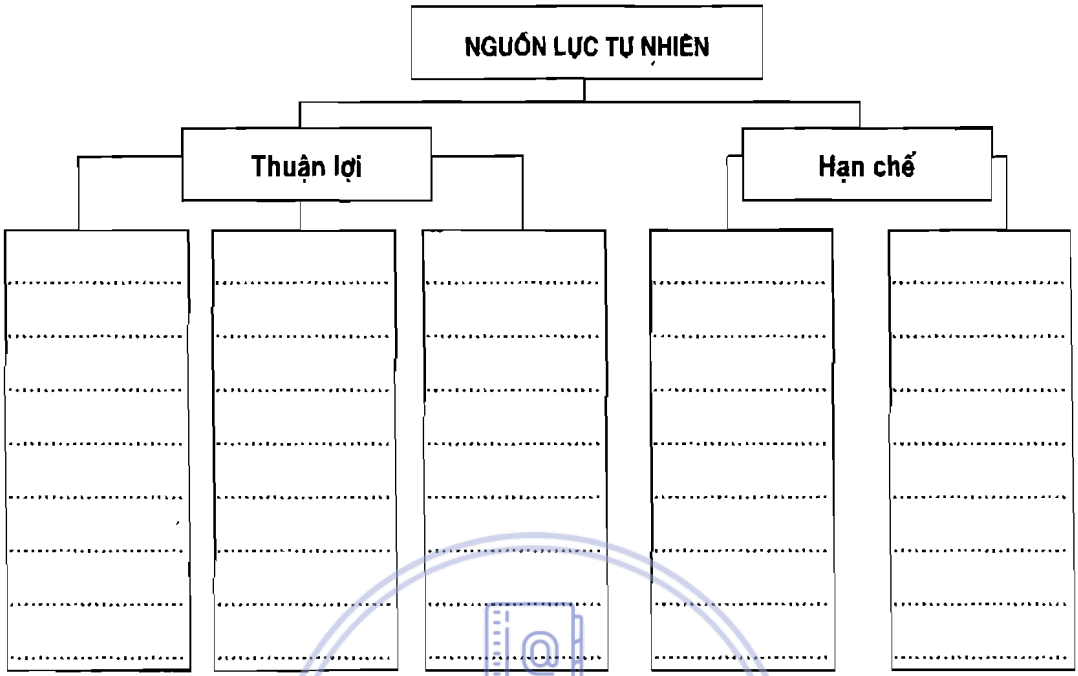

3. So sánh các đặc điểm chính của nền nông nghiệp cổ truyền và nền nông nghiệp hàng hoá.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

STT	Tiêu chí	Nền nông nghiệp cổ truyền	Nền nông nghiệp hàng hoá
1	Mục đích	....	....
2	Quy mô	....	....
3	Hướng chuyên môn hoá	....	....
4	Đầu tư trang thiết bị	....	....
5	Hiệu quả	....	....
6	Phân bố	....	....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

4. Từ bảng số liệu dưới đây :

CƠ CẤU HỘ NÔNG THÔN PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị : %)

Năm	Tổng cộng	Chia ra			
		Nông – lâm – thuỷ sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Hộ khác
2001	100,0	80,9	5,8	10,6	2,7
2006	100,0	71,0	10,0	14,8	4,2

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu hộ nông thôn phân theo khu vực kinh tế của nước ta, năm 2001 và 2006.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu hộ nông thôn phân theo khu vực kinh tế.

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

5. Nêu tên các cây trồng, vật nuôi đặc trưng cho nền nông nghiệp nhiệt đới ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

Tên	Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu Long
Các cây trồng		
Các vật nuôi		

Bài 30

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

1. Dựa vào kiến thức đã học, điền các phân ngành thích hợp vào các ô trống để hoàn thành sơ đồ Cơ cấu ngành nông nghiệp ở nước ta.

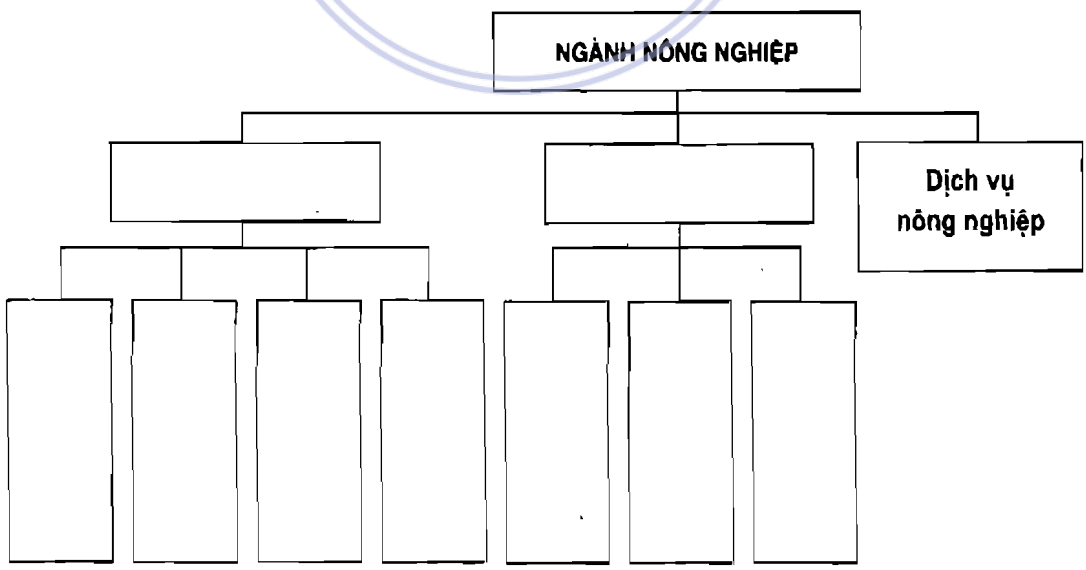

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

2.1. Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp của nước ta hiện nay, trồng trọt chiếm khoảng

A. 55%. B. 65%.

C. 75%. D. 85%.

2.2. Trong cơ cấu diện tích các loại cây trồng, cây công nghiệp có xu hướng tăng về tỉ trọng chủ yếu là do

A. nhân dân có kinh nghiệm sản xuất.

B. nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển.

C. tác dụng xoá đói giảm nghèo.

D. đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội.

2.3. Các vụ lúa chính của nước ta bao gồm :

A. vụ chiêm và vụ mùa.

B. vụ đông xuân và vụ mùa.

C. vụ hè thu và vụ mùa.

D. vụ đông xuân, vụ hè thu và vụ mùa.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

3. Dựa vào bảng số liệu dưới đây :

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO NGÀNH

(Đơn vị : tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Chia ra		
		Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ
1990	20 667	16 394	3 701	572
1995	85 508	66 794	16 168	2 546
2000	129 141	101 044	24 960	3 137
2004	172 495	131 552	37 344	3 599
2005	183 343	134 755	45 226	3 362

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành của nước ta.

– Xử lí số liệu (%)

Năm	Tổng số	Chia ra		
		Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ
1990	100,0			
1995	100,0			
2000	100,0			
2004	100,0			
2005	100,0			

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

– Vẽ biểu đồ :

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

b) Nhận xét và giải thích sự chuyển dịch đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Căn cứ vào bảng số liệu dưới đây :

SỐ LƯỢNG ĐÀN GIA SÚC, GIA CẦM CỦA NƯỚC TA

Năm	Trâu (nghìn con)	Bò (nghìn con)	Lợn (nghìn con)	Gia cầm (triệu con)
1990	2 854	3 117	12 261	107
1995	2 963	3 639	16 306	142
2000	2 897	4 128	20 194	196
2003	2 835	4 394	24 885	255
2005	2 922	5 541	27 435	220

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

a) Tính tốc độ tăng trưởng đàn trâu, bò, lợn, gia cầm của nước ta trong giai đoạn 1990 – 2005

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG (LẤY NĂM 1990 LÀ 100%)

Năm	Trâu	Bò	Lợn	Gia cầm
1990	100,0	100,0	100,0	100,0
1995				
2000				
2003				
2005				

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

b) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng đàn trâu, bò, lợn, gia cầm từ bảng số liệu đã xử lí.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

c) Nhận xét và giải thích tình hình phát triển chăn nuôi ở nước ta.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 31 – Thực hành

PHÂN TÍCH SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH TRỒNG TRỌT

1. Từ số liệu ở bảng dưới đây :

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY

(Đơn vị : nghìn ha)

Năm	Tổng số	Chia ra			
		Cây lương thực có hạt	Cây công nghiệp	Cây ăn quả	Cây khác
1990	9 040	6 477	1 199	281	1 083
1995	10 497	7 324	1 619	346	1 208
2000	12 644	8 399	2 229	565	1 451
2004	13 185	8 438	2 411	747	1 589
2005	13 287	8 383	2 495	767	1 642

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

a) Tính cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây của nước ta, điền vào bảng sau.

CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG

(Đơn vị : %)

Năm	Tổng số	Chia ra			
		Cây lương thực có hạt	Cây công nghiệp	Cây ăn quả	Cây khác
1990	100,0				
1995	100,0				
2000	100,0				
2004	100,0				
2005	100,0				

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

b) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây của nước ta, giai đoạn 1990 – 2005.

c) Nhận xét và giải thích sự thay đổi đó.

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Từ biểu đồ dưới đây :

CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO CÂY HÀNG NĂM VÀ CÂY LÂU NĂM Ở NƯỚC TA

(Đơn vị : %)

Năm 1990 **Năm 2005**

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

a) Nhận xét về sự thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng cây công nghiệp phân theo cây hàng năm và cây lâu năm.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Giải thích sự thay đổi đó :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Tải Sách Miễn Phí Online | Đọc Sách Online

3. Căn cứ vào bảng số liệu dưới đây :

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CÓ HẠT CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO VÙNG, NĂM 2005

Các vùng	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Cả nước	8 383	39 621
Trung du và miền núi Bắc Bộ	1 087	4 145
Đồng bằng sông Hồng	1 221	6 518
Bắc Trung Bộ	824	3 692
Duyên hải Nam Trung Bộ	547	2 451
Tây Nguyên	429	1 680
Đông Nam Bộ	414	1 647
Đồng bằng sông Cửu Long	3 861	19 488

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

a) Tính cơ cấu diện tích và sản lượng lương thực có hạt phân theo vùng của nước ta năm 2005, điền vào bảng sau :

CƠ CẤU DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CÓ HẠT

(Đơn vị : %)

Các vùng	Diện tích	Sản lượng
Cả nước	100,0	100,0
Trung du và miền núi Bắc Bộ		
Đồng bằng sông Hồng		
Bắc Trung Bộ		
Duyên hải Nam Trung Bộ		
Tây Nguyên		
Đông Nam Bộ		
Đồng bằng sông Cửu Long		

b) Nhận xét, giải thích về tỉ trọng diện tích, sản lượng cây lương thực có hạt của từng vùng.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

.....

.....

.....

.....

.....

4. Cho bảng số liệu sau, nhận xét sự thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng lúa cả năm phân theo mùa vụ của nước ta trong 2 năm 1990 và 2005.

DIỆN TÍCH LÚA CẢ NĂM PHÂN THEO MÙA VỤ

(Đơn vị : nghìn ha)

Năm	Tổng cộng	Chia ra		
		Lúa đông xuân	Lúa hè thu	Lúa mùa
1990	6 043	2 074	1 216	2 753
2005	7 329	2 942	2 349	2 038

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Xử lí số liệu (%)

.....

.....

.....

.....

.....

– Nhận xét

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 32

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH THUỶ SẢN VÀ LÂM NGHIỆP

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

1.1. Vùng biển nước ta có nguồn lợi hải sản khá phong phú với tổng trữ lượng khoảng

A. 3,9 – 4,0 triệu tấn.
C. 5,9 – 6,0 triệu tấn.
B. 4,9 – 5,0 triệu tấn.
D. 6,9 – 7,0 triệu tấn.

1.2. Nghề nuôi tôm hiện nay đang được phát triển mạnh nhất ở

A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đông Nam Bộ.
B. Đồng bằng sông Hồng.
D. Đồng bằng sông Cửu Long.

1.3. Tỉnh có sản lượng thuỷ sản đánh bắt lớn nhất cả nước là

A. Cà Mau.
C. Kiên Giang.
B. An Giang.
D. Quảng Ninh.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2. Dựa vào kiến thức đã học, hãy hoàn thành sơ đồ sau :

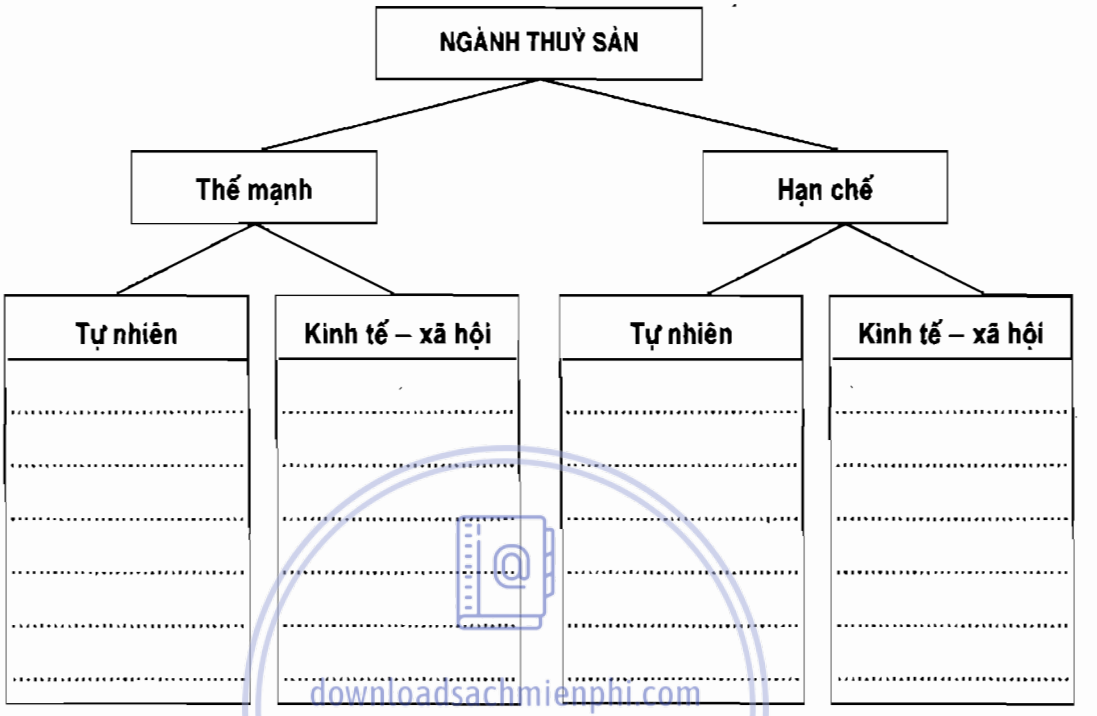

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

3. Dựa vào bảng số liệu sau đây :

SẢN LƯỢNG THUỶ SẢN CỦA VIỆT NAM

(Đơn vị : nghìn tấn)

Năm	Tổng cộng	Chia ra	
		Đánh bắt	Nuôi trồng
1990	890,6	728,5	162,1
1995	1 584,4	1 195,3	389,1
2000	2 250,5	1 660,9	589,6
2005	3 465,9	1 987,9	1 478,0

Hãy viết một báo cáo ngắn về ngành thuỷ sản của nước ta theo dàn ý sau :

a) Tình hình phát triển

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....

.....

.....

.....

b) Cơ cấu sản lượng

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THUỶ SẢN

(Đơn vị : %)

Năm	Tổng cộng	Chia ra	
		Đánh bắt	Nuôi trồng
1990	100,0		
1995	100,0		
2000	100,0		
2005	100,0		

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

4. Cho bảng số liệu sau đây :

SẢN LƯỢNG THUỶ SẢN PHÂN THEO VÙNG

(Đơn vị : nghìn tấn)

Các vùng	Năm 2000	Năm 2005
Trung du và miền núi Bắc Bộ	55,1	98,8
Đồng bằng sông Hồng	194,0	324,4
Bắc Trung Bộ	164,9	247,7
Duyên hải Nam Trung Bộ	462,4	623,7
Tây Nguyên	10,3	14,6
Đông Nam Bộ	194,8	310,9
Đồng bằng sông Cửu Long	1 169,0	1 845,8
Cả nước	2 250,5	3 465,9

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu sản lượng thuỷ sản phân theo vùng của nước ta, năm 2000 và 2005.

– Xử lí số liệu

(Đơn vị : %)

Các vùng	Năm 2000	Năm 2005
Cả nước	100,0	100,0
Trung du và miền núi Bắc Bộ		
Đồng bằng sông Hồng		
Bắc Trung Bộ		
Duyên hải Nam Trung Bộ		
Tây Nguyên		
Đông Nam Bộ		
Đồng bằng sông Cửu Long		

– Vẽ biểu đồ

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Nhận xét và giải thích về cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sản lượng thuỷ sản phân theo vùng.

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....

.....

.....

.....

5. Từ bảng số liệu dưới đây :

DIỆN TÍCH RỪNG VÀ GIÁ TRỊ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO NGÀNH

Năm	Diện tích rừng (nghìn ha)	Giá trị sản xuất (tỉ đồng)	Chia ra		
			Trồng và nuôi rừng	Khai thác lâm sản	Dịch vụ và hoạt động khác
2000	10 916	7 674	1 132	6 235	307
2002	11 533	8 411	1 165	6 855	391
2003	11 975	9 064	1 360	7 176	528
2005	12 419	9 940	1 423	7 938	579

a) Vẽ biểu đồ kết hợp (đường và cột) thể hiện tình hình sản xuất của ngành lâm nghiệp nước ta trong giai đoạn 2000 – 2005.

(Gợi ý : biểu đồ đường thể hiện diện tích rừng, còn biểu đồ cột thể hiện giá trị sản xuất lâm nghiệp).

downloadsachmienphi.com
DownloadSáchHay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

b) Nhận xét sự biến động về diện tích rừng và sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất lâm nghiệp phân theo ngành.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 33

TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Vùng nông nghiệp là một bộ phận lãnh thổ của đất nước có những nét tương đồng về

A. điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội, cơ sở vật chất – kĩ thuật phục vụ nông nghiệp, cơ cấu sản xuất, hiệu quả kinh tế.

B. điều kiện sinh thái nông nghiệp, điều kiện kinh tế – xã hội, trình độ thâm canh, cơ sở vật chất – kĩ thuật nông nghiệp, các sản phẩm chuyên môn hoá và cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

C. điều kiện sinh thái nông nghiệp, dân cư – lao động, mạng lưới các cơ sở chế biến từ nguyên liệu nông nghiệp, hiệu quả kinh tế.

D. điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội, phân bố các cơ sở sản xuất, bảo vệ môi trường và tài nguyên nông nghiệp.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2. Dựa vào kiến thức đã học, hãy hoàn thành bảng dưới đây :

Vùng nông nghiệp	Thế mạnh	Hạn chế
Trung du và miền núi Bắc Bộ	....	....
Đồng bằng sông Hồng	....	....
Bắc Trung Bộ	....	....
Duyên hải Nam Trung Bộ	....	....
Tây Nguyên	....	....
Đông Nam Bộ	....	....
Đồng bằng sông Cửu Long	....	....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3. Trình bày những thay đổi trong tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở nước ta.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Dựa vào bảng số liệu dưới đây :

SỐ TRANG TRẠI CỦA CẢ NƯỚC NĂM 2006 PHÂN THEO LOẠI HÌNH SẢN XUẤT

(Đơn vị : trang trại)

Tổng số	Chia ra				
	Trồng cây hàng năm	Trồng cây lâu năm	Chăn nuôi	Nuôi trồng thuỷ sản	Loại hình khác
113 730	32 611	22 918	16 708	34 202	7 291

downloadsachmienphi.com

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu số lượng trang trại phân theo loại hình sản xuất của nước ta, năm 2006.

– Xử lí số liệu (%)

Tổng số	Chia ra				
	Trồng cây hàng năm	Trồng cây lâu năm	Chăn nuôi	Nuôi trồng thuỷ sản	Loại hình khác
100,0					

– Vẽ biểu đồ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

b) Nhận xét về cơ cấu số lượng trang trại của nước ta phân theo ngành sản xuất.

.....

.....

.....

.....

.....

5. Từ bảng số liệu dưới đây, hãy nhận xét tình hình phát triển trang trại của nước ta trong giai đoạn 2000 – 2006 và cơ cấu trang trại phân theo vùng năm 2006.

SỐ TRANG TRẠI CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO VÙNG

(Đơn vị : trang trại)

Các vùng	Năm 2000	Năm 2006
Cả nước	57 069	113 730
Trung du và miền núi Bắc Bộ	3 075	5 226
Đồng bằng sông Hồng	1 646	13 863
Bắc Trung Bộ	4 084	6 756
Duyên hải Nam Trung Bộ	3 122	7 808
Tây Nguyên	3 589	8 785
Đông Nam Bộ	9 586	16 867
Đồng bằng sông Cửu Long	31 967	54 425

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

Bài 34

CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

1.1. Sự chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta được thể hiện ở chỗ

A. tăng tỉ trọng của nhóm ngành công nghiệp chế biến và giảm tỉ trọng của nhóm ngành công nghiệp khai thác.

B. giảm giá trị sản xuất của nhóm ngành công nghiệp chế biến và tăng giá trị sản xuất của nhóm ngành công nghiệp khai thác.

C. tăng tỉ trọng của các ngành công nghiệp trọng điểm.

D. tạo ra được nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực.

1.2. Vùng có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất trong cả nước là

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Đông Nam Bộ.

D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Dựa vào bản đồ Công nghiệp chung trong SGK (hoặc Atlat Địa lí Việt Nam) và kiến thức đã học, hãy trình bày sự phân hoá công nghiệp theo lãnh thổ ở nước ta và giải thích.

– Trình bày

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Từ bảng số liệu dưới đây :

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
THEO GIÁ THỰC TẾ CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO VÙNG

Các vùng	Năm 2000		Năm 2005	
	Giá trị (tỉ đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (tỉ đồng)	Cơ cấu (%)
Cả nước	336 100	100,0	991 049	100,0
Trung du và miền núi Bắc Bộ	15 988		45 555	
Đồng bằng sông Hồng	57 683		194 722	
Bắc Trung Bộ	8 415		23 409	
Duyên hải Nam Trung Bộ	15 959		46 328	
Tây Nguyên	3 100		7 208	
Đông Nam Bộ	184 142		550 500	
Đồng bằng sông Cửu Long	35 464		87 486	
Không xác định	15 349		35 841	

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

a) Tính cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo vùng của nước ta, điền vào bảng trên.

b) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện quy mô và cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo vùng của nước ta năm 2000 và năm 2005.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

c) Nhận xét cơ cấu và sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp từ biểu đồ đã vẽ.

– Cơ cấu

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

– Sự chuyển dịch cơ cấu

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Điền vào ô trống ở sơ đồ dưới đây các thành phần kinh tế :

A. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ; B. Khu vực kinh tế trong nước ; C. Tập thể ; D. Tư nhân ; E. Cá thể ; F. Kinh tế ngoài Nhà nước ; X. Kinh tế Nhà nước ; Y. Địa phương ; Z. Trung ương.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

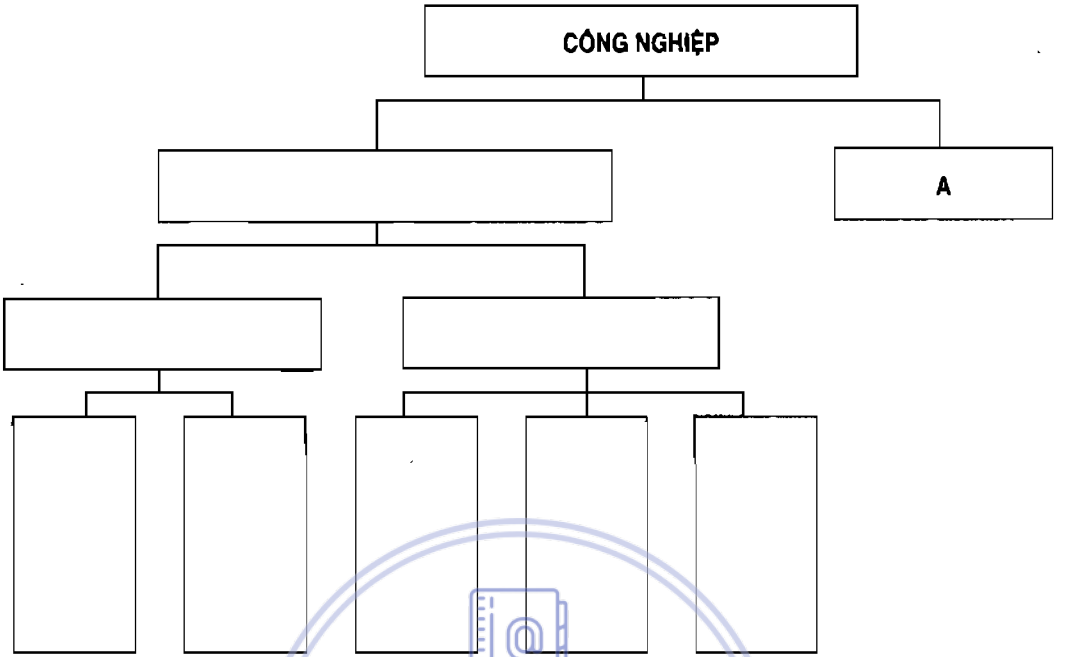

5. Hãy nêu xu hướng chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế và giải thích.

– Xu hướng

.....

.....

.....

.....

.....

.....

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 35

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG

1. Hãy điền các phân ngành thích hợp vào ô trống để hoàn thành sơ đồ Cơ cấu ngành công nghiệp năng lượng của nước ta.

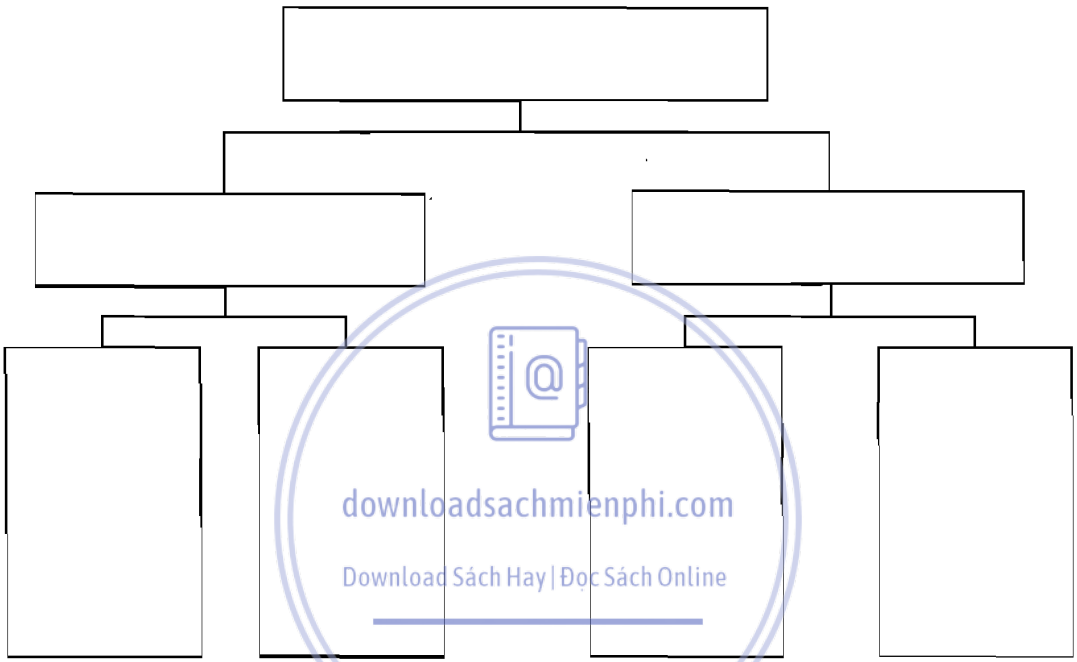

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

2.1. Than có chất lượng tốt nhất của nước ta tập trung chủ yếu ở khu vực

A. Quảng Ninh. B. Thái Nguyên.

C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

2.2. Thùng dầu thô đầu tiên của nước ta được khai thác từ mỏ

A. Đại Hùng (năm 1985). B. Bạch Hổ (năm 1986).

C. Rạng Đông (năm 1987). D. Hồng Ngọc (năm 1988).

2.3. Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than không được xây dựng ở miền Nam là do

A. việc xây dựng đòi hỏi vốn đầu tư lớn.

B. gây ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

C. thiếu đội ngũ cán bộ có trình độ.

D. xa các mỏ than.

3. Hãy nối ô bên trái với ô bên phải sao cho phù hợp.

Nhà máy thuỷ điện	Trên sông
Hoà Bình	Xê Xan
Trị An	Chảy
Hàm Thuận – Đa Mi	Đà
Yaly	Đồng Nai
Thác Bà	La Ngà
Đa Nhim	

4. Từ bảng số liệu dưới đây :

SẢN LƯỢNG THAN, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA

Sản phẩm \ Năm	1990	1995	2000	2006
Than (triệu tấn)	4,6	8,4	11,6	38,9
Dầu thô (triệu tấn)	2,7	7,6	16,3	17,2
Điện (tỉ kWh)	8,8	14,7	26,7	59,1

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp năng lượng của nước ta trong giai đoạn 1990 – 2006.

– Xử lí số liệu

(Đơn vị : %)

Sản phẩm \ Năm	1990	1995	2000	2006
Than	100,0			
Dầu thô	100,0			
Điện	100,0			

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Vẽ biểu đồ

b) Nhận xét và giải thích sự khác nhau về tốc độ tăng trưởng giữa sản lượng than, dầu thô và điện.

– Nhận xét

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

.....

.....

.....

.....

.....

.....

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

5. Cho bảng số liệu sau đây :

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÂN THEO NGUỒN CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị : %)

Nguồn \ Năm	1990	1995	2000	2005	2006
Thuỷ điện	72,3	53,8	38,3	30,0	32,4
Nhiệt điện (than)	20,0	22,0	29,4	24,4	19,1
Nhiệt điện (điêzen-khí)	7,7	24,2	32,3	45,6	48,5

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng điện phân theo nguồn của nước ta.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Nhận xét và giải thích về sự thay đổi cơ cấu sản lượng điện phân theo nguồn của nước ta.

– Nhận xét

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 36

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM, THUỶ SẢN

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

1.1. Căn cứ để chia công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm thành 3 phân ngành (chế biến sản phẩm trồng trọt, chế biến sản phẩm chăn nuôi, chế biến thuỷ – hải sản) là

A. công dụng của sản phẩm. B. giá trị kinh tế.

C. nguồn nguyên liệu. D. nguồn lao động.

1.2. Các cơ sở chế biến gỗ và lâm sản của nước ta chủ yếu tập trung ở

A. Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ.

B. Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

D. Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2. Dựa vào kiến thức đã học, hãy điền các phân ngành thích hợp vào ô trống để hoàn thiện sơ đồ Cơ cấu ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản của nước ta.

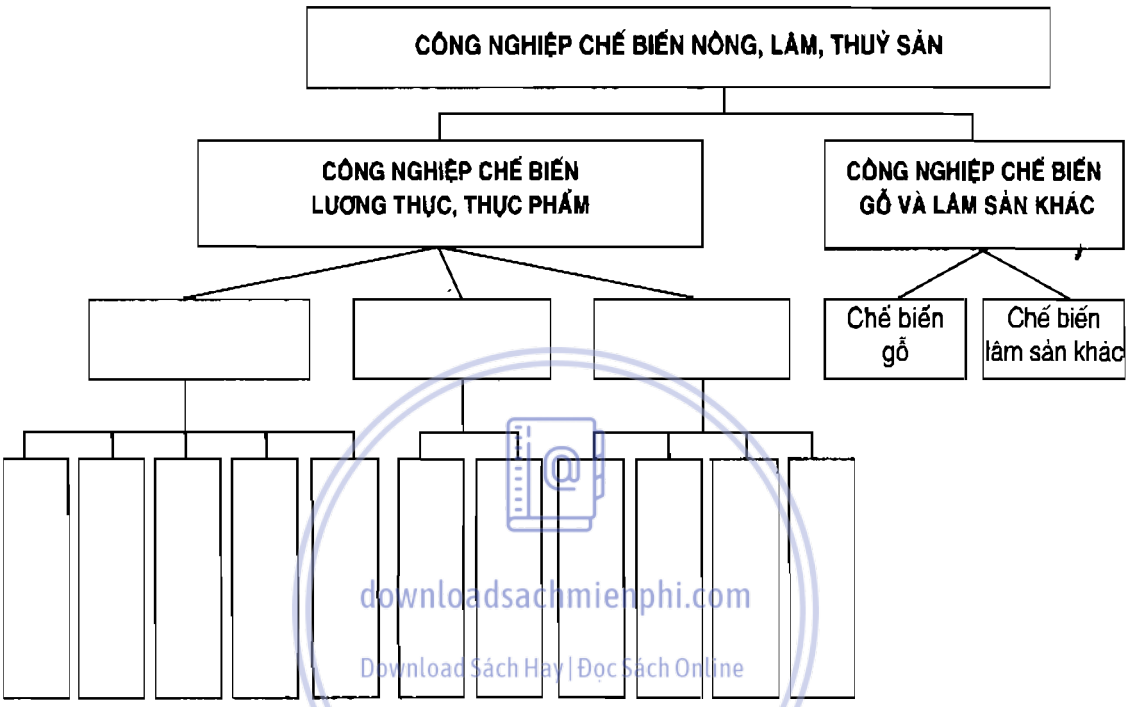

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

3. Điền các thế mạnh về nguồn nguyên liệu cho từng phân ngành công nghiệp chế biến ở bảng dưới đây :

STT	Các phân ngành	Thế mạnh về nguồn nguyên liệu
1	Công nghiệp xay xát	....
2	Công nghiệp đường mía	....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

STT	Các phân ngành	Thế mạnh về nguồn nguyên liệu
3	Công nghiệp chế biến chè, cà phê, thuốc lá	....
4	Công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi	....
5	Công nghiệp chế biến thuỷ, hải sản	....

4. Căn cứ vào bản đồ Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm trong SGK (hoặc Atlat Địa lí Việt Nam), hãy làm rõ đặc điểm phân bố của các cơ sở chế biến (cho ví dụ minh hoạ đối với từng đặc điểm).

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

5. Cho bảng số liệu sau đây :

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM

(Đơn vị : %)

Năm / Sản phẩm	1995	2000	2005
Chè chế biến	100,0	289	525
Bia	100,0	168	314
Gạo, ngô xay xát	100,0	143	253
Đường, mật	100,0	234	227
Sữa hộp	100,0	131	210

Hãy nhận xét tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chế biến từ bảng số liệu đã cho và giải thích.

a) Nhận xét

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

6. Phân tích vai trò của công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta dựa vào bảng số liệu sau đây :

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CỦA TOÀN NGÀNH VÀ CỦA CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM THEO GIÁ THỰC TẾ

(Đơn vị : tỉ đồng)

Ngành \ Năm	1996	2000	2005
Toàn ngành	149 433	336 100	991 049
Trong đó : CNCB lương thực, thực phẩm	42 820	88 592	220 250

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 37

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG

1. Hãy điền các thế mạnh và hạn chế để phát triển một số phân ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng vào bảng dưới đây.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Phân ngành	Thế mạnh	Hạn chế
Dệt	....	....
May	....	....
Da – giày	....	....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

2.1. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng thường phân bố

A. gần vùng nguyên liệu.

B. ở nơi có nguồn lao động.

C. gần cảng.

D. ở nơi có nguồn lao động và thị trường.

2.2. Các cơ sở công nghiệp dệt – may của nước ta phân bố rộng khắp, song tập trung hơn cả là ở

A. Duyên hải Nam Trung Bộ

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Tây Nguyên.

D. Đông Nam Bộ.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3. Cho bảng số liệu dưới đây :

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG

Sản phẩm \ Năm	1995	2000	2001	2005
Vải, lụa các loại (triệu mét)	263,0	356,4	410,1	560,8
Quần áo may sẵn (triệu cái)	171,9	337,0	375,6	1 011,0
Giày, dép da (triệu đôi)	46,4	107,9	102,3	218,0
Giấy, bìa (nghìn tấn)	216,0	408,4	445,3	901,2
Trang in (tỉ trang)	96,7	184,7	206,8	450,3

a) Tính tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng trong giai đoạn 1995 – 2005, điền vào bảng sau :

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG MỘT SỐ SẢN PHẨM

(Đơn vị : %)

Sản phẩm \ Năm	1995	2000	2001	2005
Vải, lụa các loại	100,0			
Quần áo may sẵn	100,0			
Giày, dép da	100,0			
Giấy, bìa	100,0			
Trang in	100,0			

b) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng của một số sản phẩm công nghiệp theo bảng số liệu đã tính.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

c) Nhận xét và giải thích

– Nhận xét

.....

.....

.....

.....

.....

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

4. Dựa vào bảng số liệu đã cho :

SỐ LƯỢNG QUẦN ÁO MAY SẴN PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ

(Đơn vị : triệu cái)

Thành phần kinh tế \ Năm	1995	2005
Tổng cộng	172,0	1 011,0
Trong đó :		
– Khu vực kinh tế Nhà nước	72,0	219,0
– Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước	73,0	482,0
– Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	27,0	310,0

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện quy mô và cơ cấu số lượng quần áo may sẵn phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 1995 và năm 2005.

– Xử lí số liệu :

+ Tính cơ cấu số lượng quần áo may sẵn phân theo thành phần kinh tế của nước ta, năm 1995 và 2005

+ Tính quy mô (bán kính hai vòng tròn năm 1995 và 2005)

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

– Vẽ biểu đồ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

b) Nhận xét và giải thích

– Nhận xét

.....

.....

.....

.....

.....

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam, hãy nhận xét về sự phân bố của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng ở nước ta và giải thích.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

– Nhận xét

.....

.....

.....

.....

.....

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 38

VẤN ĐỀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP

1. Trình bày khái niệm về tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Dựa vào kiến thức đã học ở lớp 10, hãy điền những đặc điểm chính của mỗi hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta vào bảng dưới đây :

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Tiêu chí	Điểm công nghiệp	Khu công nghiệp	Trung tâm công nghiệp	Vùng công nghiệp
Quy mô lãnh thổ	....	....	....	....
Số lượng xí nghiệp và mối liên hệ	....	....	....	....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Đặc trưng về sản xuất	....	....	....	....

3. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

3.1. Các trung tâm công nghiệp có ý nghĩa quốc gia của nước ta gồm :

A. TP. Hồ Chí Minh, Biên Hoà, Nha Trang và Vũng Tàu.

B. TP. Hồ Chí Minh, Việt Trì, Hải Phòng và Vũng Tàu.

C. Việt Trì, Hà Nội, Hải Phòng và Huế.

D. TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ.

3.2. Các khu công nghiệp tập trung ở nước ta phân bố nhiều nhất ở

A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải miền Trung.

C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

downloadsachmienphi.com

4. Điền vào các ô trống trong sơ đồ sau và cho biết nhóm nhân tố nào có ý nghĩa quyết định đối với việc tổ chức lãnh thổ công nghiệp, tại sao ?

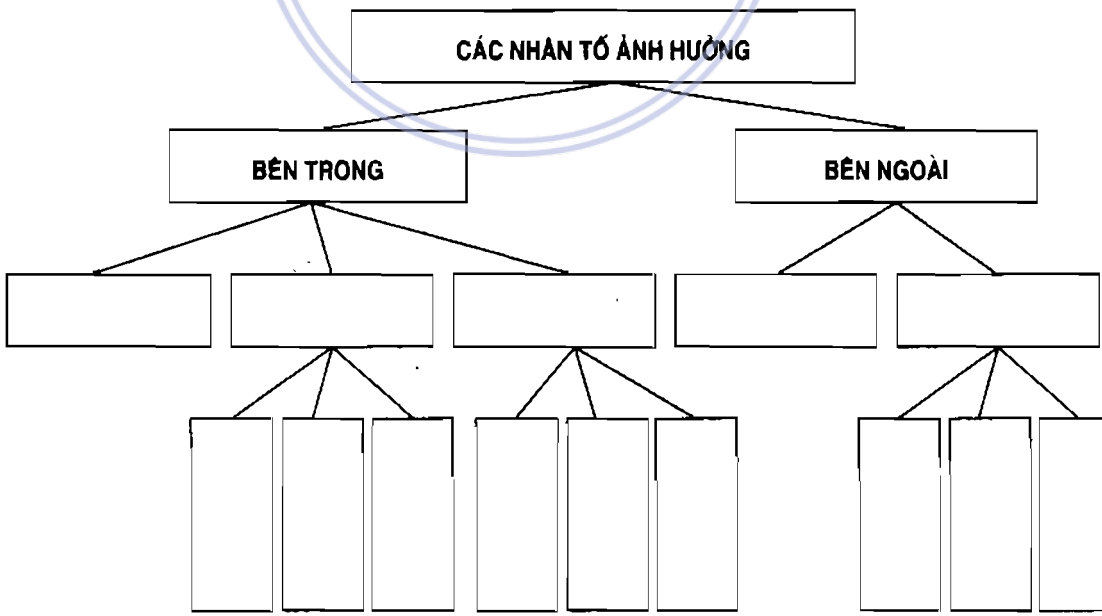

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Nhóm nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với việc tổ chức lãnh thổ công nghiệp :

.....

.....

– Tại vì : .....

.....

.....

.....

.....

5. Căn cứ vào bản đồ Công nghiệp chung trong SGK hoặc Atlat Địa lí Việt Nam :

a) Kể tên 10 điểm công nghiệp và cơ cấu ngành của từng điểm.

1. .....
2. .....
3. .....
4. .....
5. .....
6. .....
7. .....
8. .....
9. .....
10. .....

b) Kể tên các trung tâm công nghiệp rất lớn, lớn của nước ta và cơ cấu ngành của mỗi trung tâm.

1. .....
2. .....
3. .....
4. .....
5. .....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

c) Bằng kiến thức đã học, hãy giải thích tại sao TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội lại là 2 trung tâm công nghiệp lớn nhất nước ta.

– TP. Hồ Chí Minh

.....

.....

.....

.....

.....

.....

– Hà Nội

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

6. Dựa vào bản đồ Hành chính hoặc Atlat Địa lí Việt Nam, hãy kể tên các tỉnh và thành phố (tương đương cấp tỉnh) thuộc từng vùng công nghiệp.

Vùng 1

.....

.....

.....

.....

Vùng 2

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Vùng 3

.....

.....

.....

Vùng 4

.....

.....

Vùng 5

.....

.....

.....

Vùng 6

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 39

Thực hành : VẼ BIỂU ĐỒ, NHẬN XÉT VÀ GIẢI THÍCH SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU CÔNG NGHIỆP

1. Cho bảng số liệu dưới đây :

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO NGÀNH

(Đơn vị : tỉ đồng)

Năm	Công nghiệp khai thác	Công nghiệp chế biến	Sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước	Tổng cộng
1996	20 688	119 438	9 306	149 432
1999	36 219	195 579	14 030	245 828

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2000	53 035	264 459	18 606	336 100
2004	103 815	657 115	48 028	808 958
2005	110 949	824 718	55 382	991 049

a) Tính cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo ngành của nước ta trong giai đoạn 1996 – 2005, điền vào bảng sau :

CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO NGÀNH

(Đơn vị : %)

Năm	Công nghiệp khai thác	Công nghiệp chế biến	Sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước	Tổng cộng
1996				100,0
1999				100,0
2000				100,0
2004				100,0
2005				100,0

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo ngành của nước ta.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

c) Nhận xét và giải thích

– Nhận xét

.....

.....

.....

.....

.....

.....

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Dựa vào bảng số liệu sau:

CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ

(Đơn vị : %)

STT	Năm / Thành phần kinh tế	1996	2000	2005
1	Kinh tế Nhà nước	49,6	34,2	25,1
	– Trung ương	33,1	23,4	19,3
	– Địa phương	16,5	10,8	5,8
2	Kinh tế ngoài Nhà nước	23,9	24,5	31,2
	– Tập thể	0,6	0,6	0,4
	– Tư nhân	7,8	14,2	22,7
	– Cá thể	15,5	9,7	8,1
3	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	26,5	41,3	43,7
	Tổng cộng	100,0	100,0	100,0

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

a) Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 1996 và 2005.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu.

– Nhận xét

.....

.....

.....

.....

.....

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3. Căn cứ vào bảng số liệu sau đây :

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THEO GIÁ THỰC TẾ CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐÔNG NAM BỘ

(Đơn vị : tỉ đồng)

Vùng \ Năm	2000	2005
Đồng bằng sông Hồng	57 683	194 722
Đông Nam Bộ	185 593	555 167
Cả nước	336 100	991 049

a) Tính tỉ trọng của Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước và rút ra nhận xét.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Giải thích vì sao tỉ trọng của cả hai vùng đều tăng liên tục trong giai đoạn 2000 – 2005.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÁC NGÀNH DỊCH VỤ

Bài 40

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Dựa vào kiến thức đã học, hãy hoàn thành các ô trống trong sơ đồ dưới đây :

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

2.1. Quốc lộ 1 bắt đầu từ cửa khẩu

A. Tân Thanh (tỉnh Lạng Sơn). B. Hữu Nghị (tỉnh Lạng Sơn).

C. Thanh Thuỷ (tỉnh Hà Giang). D. Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh).

2.2. Quốc lộ 9 rất nổi tiếng trong cuộc kháng chiến chống Mĩ chạy qua tỉnh

A. Hà Tĩnh. B. Quảng Bình.

C. Quảng Trị. D. Thừa Thiên – Huế.

2.3. Các sân bay quốc tế của nước ta bao gồm :

A. Nội Bài (Hà Nội), Điện Biên Phủ (tỉnh Điện Biên).

B. Nội Bài (Hà Nội), Tân Sơn Nhất (TP. Hồ Chí Minh), Đà Nẵng (TP. Đà Nẵng).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

C. Nội Bài (Hà Nội), Phú Bài (Huế), Đà Nẵng (TP. Đà Nẵng).

D. Nội Bài (Hà Nội), Cam Ranh (Khánh Hoà), Tân Sơn Nhất (TP. Hồ Chí Minh).

2.4. Tuyến đường sắt quan trọng nhất của nước ta là tuyến

A. Hà Nội – Hải Phòng. B. Hà Nội – Lào Cai.

C. Hà Nội – Lạng Sơn. D. Bắc – Nam (Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh).

3. Cho bảng số liệu sau đây :

KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI

(Đơn vị : nghìn tấn)

Năm	Đường sắt	Đường ô tô	Đường sông	Đường biển	Đường hàng không
1990	2 341	54 640	27 071	4 359	4
1995	4 515	92 256	28 467	7 307	32
2000	6 258	141 139	43 015	15 553	45
2001	6 457	151 483	48 488	16 815	67
2004	8 874	195 996	59 196	31 332	98
2005	8 838	212 263	62 984	33 118	105

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hoá vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta trong giai đoạn 1990 – 2005.

– Xử lí số liệu (lấy năm 1990 = 100%)

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN

(Đơn vị : %)

Năm	Đường sắt	Đường ô tô	Đường sông	Đường biển	Đường hàng không
1990	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
1995					
2000					
2001					
2004					
2005					

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Vẽ biểu đồ

b) Nhận xét và giải thích tốc độ tăng trưởng của từng ngành vận tải

– Nhận xét

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

c) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu khối lượng hàng hoá vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta trong giai đoạn 1990 – 2005.

– Xử lí số liệu

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

CƠ CẤU KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH

(Đơn vị : %)

Năm	Tổng cộng	Chia ra				
		Đường sắt	Đường ô tô	Đường sông	Đường biển	Đường hàng không
1990	100,0					
1995	100,0					
2000	100,0					
2001	100,0					
2004	100,0					
2005	100,0					

– Vẽ biểu đồ

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

– Nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu

+ Nhận xét

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

+ Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

4. Dựa vào bảng số liệu dưới đây :

CƠ CẤU VẬN TẢI HÀNG HOÁ CỦA NƯỚC TA, NĂM 2004

(Đơn vị : %)

Năm	Tổng cộng	Chia ra				
		Đường sắt	Đường ô tô	Đường sông	Đường biển	Đường hàng không
Vận chuyển	100,0	3,0	66,3	20,0	10,6	0,1
Luân chuyển	100,0	3,7	14,1	7,0	74,9	0,3

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

a) Giải thích tại sao trong cơ cấu hàng hoá vận tải đường ô tô chiếm tỉ trọng cao nhất.

.....

.....

.....

.....

.....

b) Giải thích tại sao trong cơ cấu hàng hoá luân chuyển, vận tải đường biển chiếm tỉ trọng cao nhất.

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 41

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN THÔNG TIN LIÊN LẠC

1. Phân biệt hai khái niệm : Bưu chính và Viễn thông. Trình bày mạng lưới viễn thông hiện nay của nước ta.

– Phân biệt :

+ Bưu chính

.....

.....

.....

.....

+ Viễn thông

.....

.....

.....

.....

– Trình bày mạng lưới viễn thông hiện nay của nước ta

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

2.1. Trên phạm vi cả nước đã hình thành 4 trung tâm thông tin đường dài cấp vùng là

A. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng.

B. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Huế, Nha Trang.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

C. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ.

D. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Biên Hoà.

2.2. Đối với điện thoại quốc tế, 3 cửa chính hiện có là

A. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

B. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Huế.

C. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

D. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Lạt.

2.3. Số máy điện thoại thuê bao bình quân trên 100 dân ở nước ta năm 2005 đạt :

A. 18 máy. B. 19 máy.

C. 20 máy. D. 25 máy.

3. Dựa vào kiến thức đã học, hãy điền vào các ô trống trong sơ đồ dưới đây về mạng lưới viễn thông của nước ta :

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

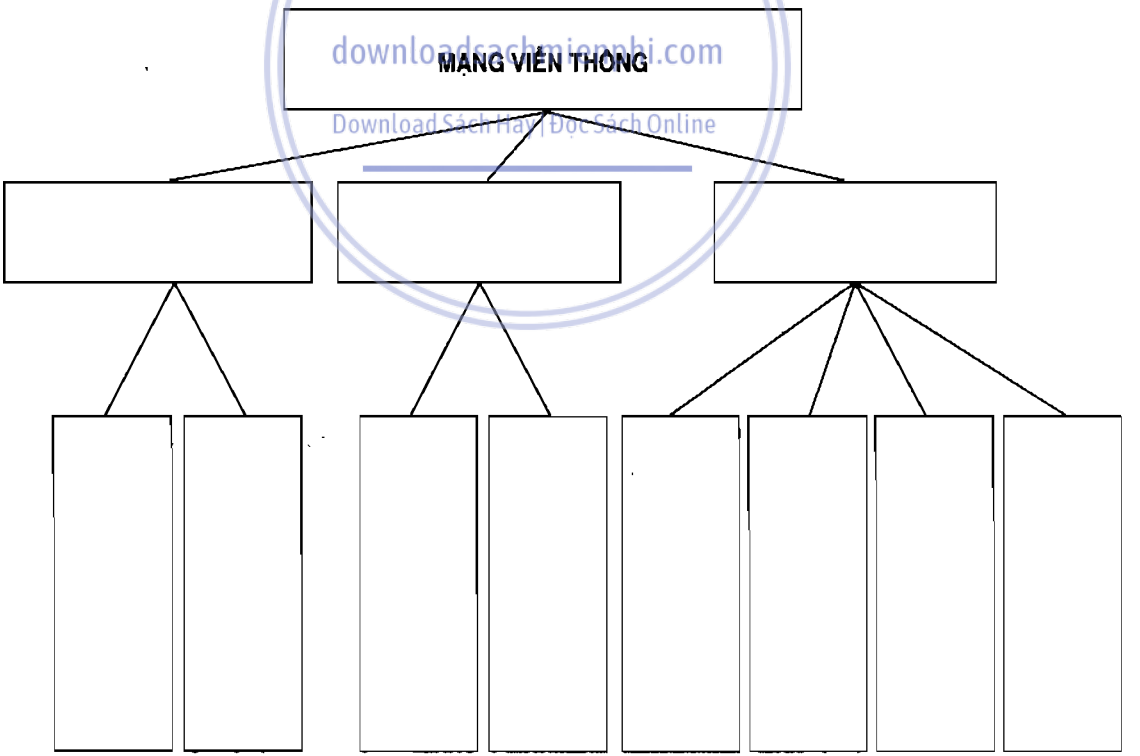

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

4. Cho bảng số liệu sau đây :

SỐ THUÊ BAO ĐIỆN THOẠI CỦA NƯỚC TA

Năm	Số thuê bao điện thoại (nghìn thuê bao)			Số thuê bao bình quân trên 100 dân
	Tổng số	Chia ra		
		Cố định	Di động	
1991	126,4	126,4	0	0,2
1995	758,6	746,5	12,1	1,1
2000	3286,3	2503,7	782,6	4,2
2001	4308,7	3022,1	1286,6	5,5
2004	10296,5	5481,1	4815,4	12,6
2005	15845,0	7126,9	8718,1	19,1

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình phát triển mạng điện thoại của nước ta trong giai đoạn 1991 – 2005, nhận xét và giải thích.

– Vẽ biểu đồ

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

– Nhận xét tình hình phát triển

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

b) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng số thuê bao cố định và số thuê bao di động của nước ta trong giai đoạn 1995 – 2005, nhận xét và giải thích.

– Xử lí số liệu (lấy năm 1995 = 100%)

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG THUÊ BAO CỐ ĐỊNH VÀ DI ĐỘNG

(Đơn vị : %)

Năm	Thuê bao cố định	Thuê bao di động
1995	100,0	100,0
2000		
2001		
2004		
2005		

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

– Vẽ biểu đồ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Nhận xét

.....

.....

.....

.....

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

Bài 42 – Thực hành

XÁC ĐỊNH TRÊN BẢN ĐỒ MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐẦU MỐI GIAO THÔNG CHÍNH

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam, bản đồ treo tường Giao thông và kiến thức đã học, hãy :

a) Xác định điểm đầu và điểm cuối của một số tuyến quốc lộ trong bảng sau :

Tên quốc lộ	Điểm đầu	Điểm cuối
1	Cửa khẩu Hữu Nghị (tỉnh Lạng Sơn)	Thị trấn Năm Căn (tỉnh Cà Mau)
2	.....	.....
3	.....	.....
5	.....	.....
6	.....	.....
8	.....	.....
9	.....	.....
20	.....	.....
51	.....	.....
80	.....	.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

b) Xác định 6 tuyến đường sắt của nước ta :

1. Đường sắt Bắc – Nam (Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh).

2. .....

3. .....

4. .....

5. .....

6. .....

c) Kể tên 10 cảng biển của nước ta :

1. Cái Lân (Quảng Ninh) 2. .....

3. ..... 4. .....

5. ..... 6. .....

7. ..... 8. .....

9. ..... 10. .....

d) Kể tên 10 sân bay đang hoạt động ở nước ta :

1. Nội Bài (Hà Nội) 2. .....

3. ..... 4. .....

5. ..... 6. .....

7. ..... 8. .....

9. ..... 10. .....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam, hãy :

a) Xác định 5 tuyến đường biển nội địa và 5 tuyến đường biển quốc tế.

– 5 tuyến đường biển nội địa :

1. .....

2. .....

3. .....

4. .....

5. .....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– 5 tuyến đường biển quốc tế :

1. .....
2. .....
3. .....
4. .....
5. .....

b) Xác định 5 tuyến bay nội địa và 5 tuyến bay quốc tế.

– 5 tuyến bay nội địa :

1. .....
2. .....
3. .....
4. .....
5. .....

– 5 tuyến bay quốc tế :

1. .....
2. .....
3. .....
4. .....
5. .....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

3. Kể tên các tuyến giao thông huyết mạch (đường ô tô, đường sắt, đường biển, đường hàng không) xuất phát từ đầu mối giao thông Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

– Hà Nội

+ Đường ô tô :

.....

.....

.....

+ Đường sắt :

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

+ Đường hàng không :

.....

.....

.....

b) TP. Hồ Chí Minh

+ Đường ô tô :

.....

.....

.....

+ Đường sắt :

.....

.....

.....

+ Đường hàng không :

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

4. Điền những thế mạnh (về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội) để Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh trở thành 2 đầu mối giao thông quan trọng nhất của cả nước vào bảng dưới đây :

Đầu mối	Thế mạnh về vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	Thế mạnh về kinh tế – xã hội
Hà Nội	....	....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Đầu mối	Thế mạnh về vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	Thế mạnh về kinh tế – xã hội
TP. Hồ Chí Minh	....	....

Bài 43

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất.

Từ thập niên 90 của thế kỉ XX đến nay, hoạt động nội thương của nước ta trở nên nhộn nhịp là do

A. sản xuất trong nước ngày càng phát triển.

B. đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao.

C. sự hội nhập của nước ta vào thị trường khu vực và quốc tế.

D. sự thay đổi cơ chế quản lí.

2. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

2.1. Cán cân xuất nhập khẩu của nước ta đạt mức cân bằng vào năm

A. 1990. B. 1992.

C. 1994. D. 1996.

2.2. Thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta hiện nay là

A. Hoa Kì. B. Nhật Bản.

C. Trung Quốc. D. LB. Nga.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3. Cho bảng số liệu sau đây :

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HOÁ VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO VÙNG

(Đơn vị : tỉ đồng)

Năm / Các vùng	2000	2005
Cả nước	220 411	480 293
Trung du và miền núi Bắc Bộ	13 392	35 099
Đồng bằng sông Hồng	43 120	96 422
Bắc Trung Bộ	14 858	30 022
Duyên hải Nam Trung Bộ	20 575	46 707
Tây Nguyên	7 599	17 398
Đông Nam Bộ	77 361	157 144
Đồng bằng sông Cửu Long	43 506	97 501

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phân theo vùng của nước ta năm 2000 và 2005.

– Xử lí số liệu :

CƠ CẤU TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HOÁ VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

(Đơn vị : %)

Năm / Các vùng	2000	2005
Cả nước	**100,0**	**100,0**
Trung du và miền núi Bắc Bộ		
Đồng bằng sông Hồng		
Bắc Trung Bộ		
Duyên hải Nam Trung Bộ		
Tây Nguyên		
Đông Nam Bộ		
Đồng bằng sông Cửu Long		

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Vẽ biểu đồ

b) Nhận xét tỉ trọng và sự thay đổi tỉ trọng của các vùng trong giai đoạn 2000 – 2005. Tại sao Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng là 2 vùng có tỉ trọng lớn nhất so với các vùng trong cả nước.

– Nhận xét

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

.....

.....

.....

.....

.....

.....

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

4. Căn cứ vào bảng số liệu dưới đây.

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU HÀNG HOÁ CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO NƯỚC VÀ VÙNG LÃNH THỔ

(Đơn vị : triệu USD)

Các nước và vùng lãnh thổ	Năm 2000	Năm 2005
Tổng giá trị xuất khẩu	**14 483**	**32 447**
Trong đó :		
Nhật Bản	2 575	4 340
Trung Quốc	1 536	3 228
Anh	479	1 016
Đức	730	1 086
Hoa Kì	733	5 924
Ôxtrâylia	1 273	2 723

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hoá phân theo các nước và vùng lãnh thổ của nước ta năm 2000 và năm 2005.

– Xử lí số liệu

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CƠ CẤU TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU

(Đơn vị : %)

Các nước và vùng lãnh thổ	Năm 2000	Năm 2005
Tổng	**100,0**	**100,0**
Trong đó :		
Nhật Bản		
Trung Quốc		
Anh		
Đức		
Hoa Kì		
Ôxtrâylia		
Các nước còn lại		

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Vẽ biểu đồ

b) Nhận xét và giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

5. Dựa vào bảng số liệu dưới đây :

CƠ CẤU GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO NHÓM HÀNG

(Đơn vị : %)

Năm	Tổng cộng	Chia ra	
		Nhóm hàng tư liệu sản xuất	Nhóm hàng tiêu dùng
1995	100,0	84,8	15,2
2000	100,0	93,8	6,2
2002	100,0	92,1	7,9
2004	100,0	93,3	6,7
2005	100,0	91,9	8,1

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị nhập khẩu hàng hoá phân theo nhóm hàng của nước ta trong giai đoạn 1995 – 2005.

b) Nhận xét và giải thích sự thay đổi đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 44

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1. Dựa vào kiến thức đã học :

a) Hãy điền các tài nguyên du lịch vào ô trống của sơ đồ dưới đây :

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

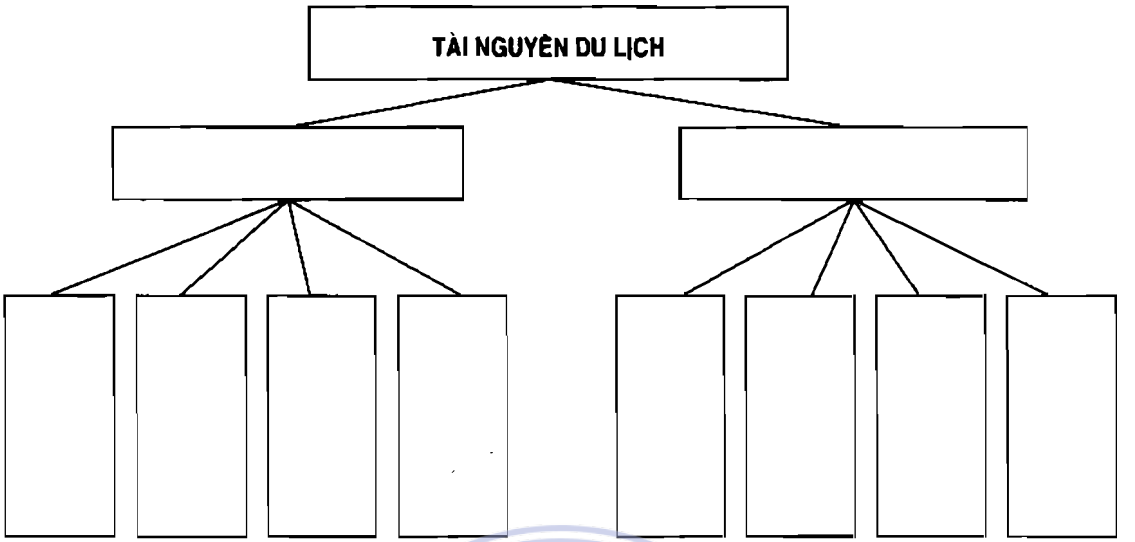

b) Từ sơ đồ tài nguyên du lịch, hãy trình bày các loại tài nguyên du lịch của Việt Nam.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

2.1. Tính đến hết năm 2007, số di sản vật thể và phi vật thể ở nước ta được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá thế giới tương ứng là

A. 5 và 2. B. 6 và 3.

C. 5 và 3. D. 6 và 2.

2.2. Hang động cácxtơ dài nhất ở nước ta hiện nay là

A. Động Tam Thanh (Lạng Sơn). B. Tam Cốc – Bích Động (Ninh Bình).

C. Hang Chui (Hà Giang). D. Động Phong Nha (Quảng Bình).

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2.3. Lễ hội có thời gian dài nhất ở nước ta là

A. Đền Hùng (Phú Thọ). B. Chùa Hương (Hà Tây).

C. Bà Chúa Xứ (An Giang). D. Oóc Om Bóc (Sóc Trăng).

3. Dựa vào bảng số liệu dưới đây :

SỐ LƯỢT KHÁCH (QUỐC TẾ, NỘI ĐỊA) VÀ DOANH THU TỪ DU LỊCH

Năm	1995	1997	1998	2000	2005
Khách quốc tế (triệu lượt)	1,4	1,7	1,5	2,1	3,5
Khách nội địa (triệu lượt)	5,5	8,5	9,6	11,2	16,0
Doanh thu (nghìn tỉ đồng)	8,0	10,0	14,0	17,0	30,3

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng số lượt khách quốc tế, nội địa và doanh thu từ du lịch trong giai đoạn 1995 – 2005.

– Xử lí số liệu (lấy năm 1995 = 100%)

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KHÁCH DU LỊCH VÀ DOANH THU TỪ DU LỊCH

(Đơn vị : %)

Năm	1995	1997	1998	2000	2005
Khách quốc tế	100,0				
Khách nội địa	100,0				
Doanh thu	100,0				

– Vẽ biểu đồ

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Nhận xét và giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Cho bảng số liệu sau đây :

SỐ KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM
PHÂN THEO QUỐC TỊCH VÀ PHƯƠNG TIỆN ĐẾN

(Đơn vị : nghìn lượt)

Khách quốc tế đến \ Năm	2000	2005
Tổng số	2 140	3 478
– Phân theo quốc tịch		
+ Trung Quốc	492	717
+ Hoa Kì	96	330
+ Nhật Bản	143	339
+ Đài Loan	210	274
– Phân theo phương tiện		
+ Đường hàng không	1 113	2 335
+ Đường thuỷ	256	201
+ Đường bộ	771	942

(Nguồn : *Niên giám Thống kê*, năm 2008)

a) Nhận xét và giải thích cơ cấu khách quốc tế đến Việt Nam theo quốc tịch năm 2000 và 2005.

– Xử lí số liệu

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

CƠ CẤU KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM PHÂN THEO QUỐC TỊCH

(Đơn vị : %)

Quốc tịch	Năm 2000	Năm 2005
Tổng số	100,0	100,0
– Trung Quốc		
– Hoa Kì		
– Nhật Bản		
– Đài Loan		
– Các quốc tịch khác		

– Nhận xét

.....

.....

.....

.....

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu khách quốc tế đến Việt Nam phân theo phương tiện đến, năm 2000 và năm 2005. Nhận xét, giải thích cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu.

– Xử lí số liệu

CƠ CẤU KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM PHÂN THEO PHƯƠNG TIỆN

(Đơn vị : %)

Phương tiện đến	Năm 2000	Năm 2005
Tổng số	100,0	100,0
– Đường hàng không		
– Đường thuỷ		
– Đường bộ		

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Vẽ biểu đồ

– Nhận xét

.....

.....

.....

.....

.....

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 45

VẤN ĐỀ KHAI THÁC THẾ MẠNH Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

1. Hãy kể tên các tỉnh thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ.

a) Đông Bắc :

.....

.....

.....

b) Tây Bắc :

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Hãy trình bày khái quát về Trung du và miền núi Bắc Bộ.

.....

.....

.....

.....

.....

3. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

3.1. Trung du và miền núi Bắc Bộ có nguồn thuỷ năng dồi dào là do

A. sông ngòi dày đặc, lượng nước lớn.

B. địa hình núi và cao nguyên, mưa nhiều.

C. địa hình dốc, nhiều sông, lưu lượng nước lớn.

D. sông ngòi nhiều thác ghềnh.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3.2. Thế mạnh về khai thác, chế biến khoáng sản của Trung du và miền núi Bắc Bộ được thể hiện ở

A. trung tâm công nghiệp Thái Nguyên với các cơ sở luyện kim đen lớn nhất cả nước.

B. tập trung nhiều mỏ trữ lượng lớn, giá trị kinh tế cao và đang được khai thác mạnh mẽ.

C. vùng than Quảng Ninh với trữ lượng hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á.

D. tỉ trọng công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản chiếm ưu thế trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của vùng.

3.3. Đối với việc phát triển chăn nuôi đại gia súc, khó khăn lớn nhất của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. các dịch vụ cho chăn nuôi còn chậm phát triển.

B. cơ sở thức ăn còn hạn chế.

C. trình độ chăn nuôi còn thấp.

D. tất cả các ý trên.

3.4. Thế mạnh về tập đoàn cây trồng cận nhiệt và ôn đới của vùng là do

A. địa hình cao.

B. khí hậu có mùa đông lạnh và độ cao của địa hình.

C. tính chất nhiệt đới ẩm của khí hậu trên nền địa hình cao.

D. có mùa đông lạnh.

3.5. Vùng biển giàu tiềm năng của vùng có thế mạnh về

A. giao thông vận tải, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản.

B. du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản.

C. giao thông vận tải, du lịch.

D. du lịch.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

4. Dựa vào kiến thức trong SGK và Atlat Địa lí Việt Nam, hãy điền các thế mạnh về khai thác, chế biến khoáng sản và thuỷ điện vào bảng dưới đây :

Khai thác và chế biến khoáng sản	Thuỷ điện
.....	.....
.....	.....
.....	.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

5. Điền nội dung vào ô trống để hoàn thiện 2 sơ đồ sau :

5.1.

CÂY CÔNG NGHIỆP, RAU QUẢ CẬN NHIỆT VÀ ÔN ĐỚI

Thế mạnh	Hạn chế
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

5.2.

CHĂN NUÔI GIA SÚC

Thế mạnh	Hạn chế
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

6. Với tư cách là một hướng dẫn viên du lịch, hãy viết một đoạn văn ngắn, giới thiệu cho du khách về vịnh Hạ Long (thông qua các tài liệu tự sưu tầm).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 46

VẤN ĐỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

1. Hãy nêu tên 11 tỉnh và thành phố (tương đương cấp tỉnh) ở Đồng bằng sông Hồng.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2. Dựa vào kiến thức đã học, hãy điền nội dung thích hợp vào các ô trống trong sơ đồ dưới đây :

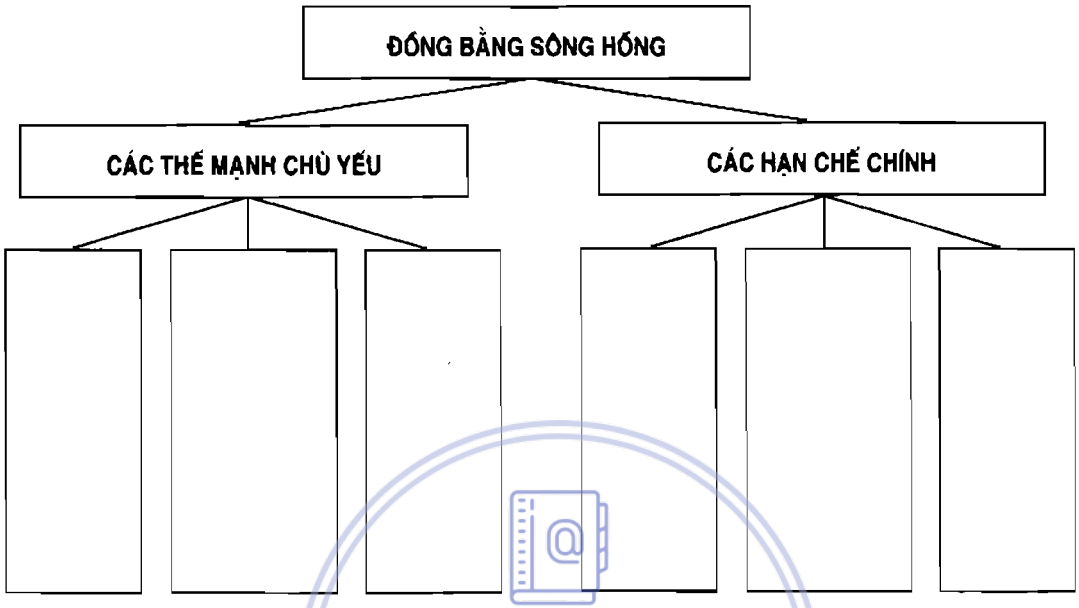

3. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

3.1. Đồng bằng sông Hồng có tỉ lệ đất nông nghiệp với độ phì cao và trung bình chiếm

A. 50%. B. 60%.

C. 70%. D. 80%.

3.2. Sự phong phú về tài nguyên nước ở Đồng bằng sông Hồng được thể hiện ở chỗ

A. sông ngòi dày đặc, nhiều nước và nguồn nước ngầm phong phú.

B. sông ngòi nhiều nước, nhiều phù sa.

C. nguồn nước nóng, nước khoáng đa dạng.

D. sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

3.3. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng đã và đang diễn ra theo chiều hướng

A. giảm tỉ trọng của khu vực I, tăng nhanh tỉ trọng của khu vực II và khu vực III.

B. giữ vững tỉ trọng của khu vực I, tăng dần tỉ trọng của khu vực II và khu vực III.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

C. tăng dần tỉ trọng của khu vực I, giảm dần tỉ trọng của khu vực II và khu vực III.

D. tăng dần tỉ trọng của khu vực I, khu vực II và khu vực III.

4. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Ý nào sau đây *không phải* là nguyên nhân làm cho Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất nước ta ?

A. Đất đai màu mỡ, nguồn nước phong phú.

B. Mức độ tập trung công nghiệp cao.

C. Có nghề trồng lúa nước từ lâu đời.

D. Khí hậu nóng ẩm.

5. Dựa vào bảng số liệu dưới đây :

CƠ CẤU KINH TẾ PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

(Đơn vị : %)

Năm	Tổng số	Chia ra		
		Nông – lâm – thuỷ sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
1990	100,0	45,6	22,7	31,7
2005	100,0	25,1	29,9	45,0

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

a) Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu kinh tế phân theo khu vực kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng trong 2 năm : 1990 và 2005.

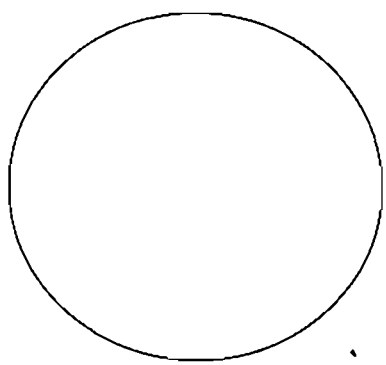

1990

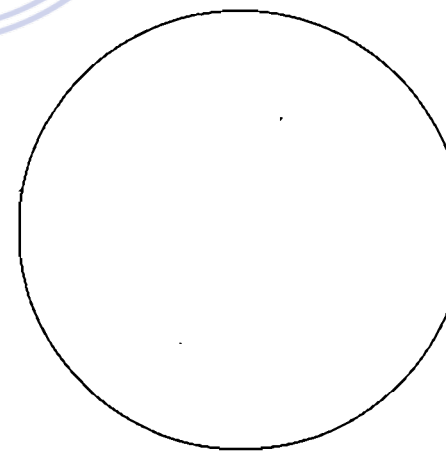

2005

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

b) Nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Trình bày các định hướng chính về chuyển dịch cơ cấu kinh tế giữa các khu vực I, II, III và trong nội bộ từng khu vực ở Đồng bằng sông Hồng.

– Giữa các khu vực I (nông – lâm – thuỷ sản), II (công nghiệp và xây dựng), III (dịch vụ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

– Trong nội bộ từng khu vực :

+ Khu vực I :

.....

.....

.....

.....

+ Khu vực II :

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

+ Khu vực III :

.....

.....

.....

7. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam, hãy xác định quy mô, cơ cấu ngành của các trung tâm công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng, điền vào bảng dưới đây và giải thích tại sao Hà Nội, Hải Phòng lại là hai trung tâm công nghiệp lớn nhất của vùng.

XÁC ĐỊNH QUY MÔ, CƠ CẤU

STT	Tên trung tâm	Quy mô	Cơ cấu ngành công nghiệp
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

– Giải thích :

Hà Nội là trung tâm công nghiệp lớn nhất vùng vì :

.....

.....

.....

.....

Hải Phòng là trung tâm công nghiệp lớn ở vùng vì :

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 47 – Thực hành

PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN SỐ VỚI SẢN XUẤT LƯƠNG THỰC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

1. Cho bảng số liệu sau đây :

MỘT SỐ CHỈ SỐ VỀ DÂN SỐ VÀ LƯƠNG THỰC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Chỉ số \ Năm	1995	2000	2004	2005
Số dân (nghìn người)	16 137	17 039	17 836	18 028
Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt (nghìn ha)	1 117	1 306	1 246	1 221
Sản lượng lương thực có hạt (nghìn tấn)	5 340	6 868	7 054	6 518
Bình quân lương thực có hạt theo đầu người (kg)	331	403	396	362

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng của 4 chỉ tiêu nói trên trong giai đoạn 1995 – 2005.

– Xử lí số liệu (lấy năm 1995 = 100%)

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA 4 CHỈ SỐ

(Đơn vị : %)

Chỉ số \ Năm	1995	2000	2004	2005
Số dân	100,0			
Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt	100,0			
Sản lượng lương thực có hạt	100,0			
Bình quân lương thực có hạt theo đầu người	100,0			

– Vẽ biểu đồ

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

b) Nhận xét về tốc độ tăng trưởng của từng chỉ tiêu trên.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

c) Phân tích mối quan hệ giữa số dân với sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Hồng.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Dựa vào bảng số liệu sau :

MỘT SỐ CHỈ SỐ VỀ SỐ DÂN VÀ LƯƠNG THỰC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Vùng	Số dân (nghìn người)	Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt (nghìn ha)	Sản lượng lương thực có hạt (nghìn tấn)	Bình quân lương thực có hạt theo đầu người (kg)
1. Đồng bằng sông Hồng				
Năm 1995	16 137	1 117	5 340	331
Năm 2000	17 039	1 306	6 868	403
Năm 2005	18 028	1 221	6 518	362
2. Đồng bằng sông Cửu Long				
Năm 1995	15 532	3 211	12 916	832
Năm 2000	16 345	3 965	16 755	1 025
Năm 2005	17 256	3 861	19 488	1 129

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

a) Tính tốc độ tăng trưởng của 4 chỉ số ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn 1995 – 2005.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA 4 CHỈ SỐ

(Lấy năm 1995 = 100%)

Vùng	Số dân	Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt	Sản lượng lương thực có hạt	Bình quân lương thực có hạt theo đầu người
1. Đồng bằng sông Hồng				
Năm 1995	100,0	100,0	100,0	100,0
Năm 2000				
Năm 2005				
2. Đồng bằng sông Cửu Long				
Năm 1995	100,0	100,0	100,0	100,0
Năm 2000				
Năm 2005				

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) So sánh tốc độ tăng trưởng của 4 chỉ số giữa 2 đồng bằng này và giải thích.

.....

.....

.....

.....

.....

c) Giải thích tại sao bình quân lương thực có hạt theo đầu người ở Đồng bằng sông Cửu Long lại liên tục tăng, còn ở Đồng bằng sông Hồng lại giảm trong những năm gần đây.

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3. Căn cứ vào bảng số liệu sau đây :

DÂN SỐ VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CÓ HẠT CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG, NĂM 2005

STT	Tỉnh, thành phố	Số dân (nghìn người)	Sản lượng lương thực có hạt (nghìn tấn)	Bình quân theo đầu người (kg)
1	Hà Nội	3 217	216	
2	Vĩnh Phúc	1 180	413	
3	Bắc Ninh	1 010	445	
4	Hà Tây	2 544	992	
5	Hải Dương	1 722	797	
6	Hải Phòng	1 803	467	
7	Hưng Yên	1 143	537	
8	Thái Bình	1 865	1 033	
9	Hà Nam	827	402	
10	Nam Định	1 974	801	
11	Ninh Bình	923	415	

a) Tính sản lượng lương thực có hạt bình quân theo đầu người của từng tỉnh và thành phố thuộc Đồng bằng sông Hồng năm 2005, điền vào bảng trên.

b) Dựa vào số liệu đã tính, hãy chia 11 tỉnh, thành phố của vùng thành 3 nhóm : thấp (dưới 300 kg/người), trung bình (300 – 500 kg/người), cao (trên 500 kg/người) và nhận xét.

– Thấp : .....

– Trung bình : .....

– Cao : .....

– Nhận xét :

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

c) Tại sao Hà Nội, Hải Phòng là hai thành phố có mức bình quân lương thực có hạt theo đầu người thấp nhất ?

.....

.....

.....

.....

.....

d) Tại sao Thái Bình là tỉnh có mức bình quân lương thực có hạt theo đầu người cao nhất ?

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 48

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI Ở BẮC TRUNG BỘ

1. Kể tên 6 tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ theo thứ tự từ Bắc vào Nam. Hãy nêu những đặc điểm chung về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội của vùng.

a) 6 tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ

.....

.....

.....

b) Đặc điểm chung

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....

.....

.....

2. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất.

Vấn đề hình thành cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp đối với vùng Bắc Trung Bộ có ý nghĩa to lớn là do

A. lãnh thổ kéo dài theo chiều Bắc – Nam.

B. tài nguyên thiên nhiên của vùng phong phú và đa dạng.

C. mục đích khai thác có hiệu quả sự phân hoá của địa hình (khu vực đồi núi thấp, đồng bằng duyên hải, biển – đảo).

D. mục đích bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững.

3. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

3.1. Diện tích rừng giàu của vùng tập trung chủ yếu ở khu vực

A. giáp với Trung du và miền núi Bắc Bộ.

B. giáp với Đồng bằng sông Hồng.

C. đồng bằng duyên hải.

D. biên giới Việt – Lào.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

3.2. Nạn cát bay ở Bắc Trung Bộ phổ biến nhất ở tỉnh

A. Thanh Hoá. B. Nghệ An.

C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

3.3. Mỏ sắt lớn nhất của vùng cũng như của cả nước phân bố ở

A. Thạch Khê. B. Văn Bàn.

C. Quý Xa. D. Tùng Bá.

3.4. Vùng đồi trước núi ở Bắc Trung Bộ có thế mạnh chăn nuôi

A. tiểu gia súc. B. đại gia súc.

C. gia cầm. D. tất cả các ý trên.

4. Dựa vào kiến thức đã học và bảng số liệu dưới đây, hãy nhận xét về thế mạnh lâm nghiệp của cả vùng Bắc Trung Bộ nói chung và của từng tỉnh trong vùng nói riêng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ DIỆN TÍCH RỪNG, NĂM 2006 Ở BẮC TRUNG BỘ

Các tỉnh	Diện tích tự nhiên (km^2)	Diện tích rừng (nghìn ha)	Chia ra	
			Rừng tự nhiên (nghìn ha)	Rừng trồng (nghìn ha)
Cả vùng	51 552,0	2 466,7	1 977,3	489,4
Trong đó :				
– Thanh Hoá	11 136,3	497,6	375,0	122,6
– Nghệ An	16 498,5	727,7	643,0	84,7
– Hà Tĩnh	6 026,5	261,3	195,0	66,3
– Quảng Bình	8 065,3	516,0	452,2	63,8
– Quảng Trị	4 760,1	212,5	133,1	79,4
– Thừa Thiên – Huế	5 065,3	251,6	179,0	72,6

a) Nhận xét cả vùng

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Nhận xét các tỉnh

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

5. Điền các thế mạnh về nông nghiệp và ngư nghiệp của Bắc Trung Bộ vào bảng dưới đây :

Khu vực	Trồng trọt	Chăn nuôi	Đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản
Đồi trước núi	....	....	....
Đồng bằng	....	....	....
Biển và ven biển	....	....	....

downloadsachmienphi.com

6. Căn cứ vào kiến thức đã học và Atlat Địa lí Việt Nam :

a) Điền các mỏ khoáng sản của vùng Bắc Trung Bộ vào bảng dưới đây :

Loại khoáng sản	Tên mỏ	Thuộc tỉnh	Trữ lượng (nếu biết)
Sắt	Thạch Khê	Hà Tĩnh	550 triệu tấn

b) Hãy kể tên

– Các trung tâm công nghiệp của vùng :

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Các điểm công nghiệp của vùng :

.....

.....

– Các cảng biển của vùng

.....

.....

– Các cửa khẩu của vùng trên biên giới Việt – Lào :

.....

.....

– Các tuyến quốc lộ xuyên vùng :

.....

.....

– Các tuyến đường ngang sang Lào :

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 49

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

1. Kể tên 8 tỉnh, thành phố (tương đương cấp tỉnh) thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ và nêu những đặc điểm nổi bật về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội của vùng.

– 8 tỉnh, thành phố của vùng :

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Đặc điểm chung :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

2.1. Hoạt động đánh bắt thuỷ sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện phát triển mạnh là do

A. có hệ thống sông ngòi dày đặc.

B. đường bờ biển dài, nhiều bãi tôm, bãi cá.

C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

D. ít thiên tai.

2.2. Vịnh Vân Phong có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch thuộc tỉnh

A. Phú Yên. B. Khánh Hoà.

C. Quảng Nam. D. Quảng Ngãi.

2.3. Về mặt tự nhiên, cảng biển tốt nhất của vùng và của cả nước là

A. Cam Ranh (Khánh Hoà). B. Chân Mây (Thừa Thiên – Huế).

C. Dung Quất (Quảng Ngãi). D. Tiên Sa (Đà Nẵng).

2.4. Khu kinh tế mở Chu Lai thuộc tỉnh :

A. Quảng Nam. B. Quảng Ngãi.

C. Bình Định. D. Khánh Hoà.

2.5. Duyên hải Nam Trung Bộ có thế mạnh hơn cả là tài nguyên

A. đất. B. nước.

C. sinh vật. D. khoáng sản.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3: Dựa vào kiến thức đã học và Atlat Địa lí Việt Nam, hãy điền vào bảng dưới đây các thế mạnh để phát triển từng ngành kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ.

Ngành	Thế mạnh
Đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản	....
Du lịch biển	....
Giao thông vận tải biển	....
Khai thác khoáng sản, làm muối	....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

4. Cho bảng số liệu dưới đây :

SẢN LƯỢNG THUỶ SẢN PHÂN THEO HOẠT ĐỘNG CỦA DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

(Đơn vị : nghìn tấn)

Hoạt động	Năm 1995		Năm 2005	
	Nghìn tấn	%	Nghìn tấn	%
Đánh bắt	331,3		574,9	
Nuôi trồng	7,9		48,9	
Tổng cộng	339,2	100,0	623,8	100,0

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu sản lượng thuỷ sản của vùng năm 1995 và 2005.

– Xử lí số liệu

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....

.....

– Vẽ biểu đồ

b) Nhận xét và giải thích tình hình phát triển và sự thay đổi cơ cấu sản lượng thuỷ sản.

– Nhận xét

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

.....

.....

.....

.....

.....

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

5. Dựa vào kiến thức trong SGK và Atlat Địa lí Việt Nam :

a) Hãy điền vào bảng dưới đây các trung tâm công nghiệp của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và cơ cấu ngành của mỗi trung tâm.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

STT	Tên trung tâm	Cơ cấu ngành công nghiệp
1		
2		
3		
4		
5		

b) Kể tên các mỏ khoáng sản hiện có trong vùng và sắp xếp theo 3 nhóm sau :

– Khoáng sản nhiên liệu :

.....

.....

– Khoáng sản kim loại :

.....

.....

– Khoáng sản phi kim loại :

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

c) Nêu các tài nguyên du lịch (tự nhiên, nhân văn) có trong vùng :

– Tài nguyên du lịch tự nhiên

.....

.....

.....

.....

– Tài nguyên du lịch nhân văn

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

d) Kể tên 5 bãi biển của vùng theo thứ tự từ Bắc xuống Nam :

.....

.....

.....

e) Kể tên các cảng biển của vùng :

.....

.....

g) Kể tên các nhà máy thuỷ điện hiện có trong vùng :

.....

.....

.....

www.downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 50 – Thực hành

SO SÁNH SỰ PHÁT TRIỂN NGÀNH THUỶ SẢN Ở BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

1. Cho bảng số liệu sau đây :

MỘT SỐ CHỈ SỐ VỀ NGÀNH THUỶ SẢN CỦA BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

Chỉ số	Bắc Trung Bộ		Duyên hải Nam Trung Bộ	
	1995	2005	1995	2005
Diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản (nghìn ha)	26,7	48,4	14,5	25,2
Tổng sản lượng thuỷ sản (nghìn tấn)	108,7	247,7	339,2	623,8
– Khai thác	93,1	182,2	331,3	574,9
– Nuôi trồng	15,6	65,5	7,9	48,9

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

a) Tính tốc độ tăng trưởng các chỉ số đã cho của 2 vùng trong giai đoạn 1995 – 2005 (lấy năm 1995 là 100%).

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA CÁC CHỈ TIÊU

(Đơn vị : %)

Chỉ tiêu	Bắc Trung Bộ		Duyên hải Nam Trung Bộ	
	1995	2005	1995	2005
Diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản (nghìn ha)	100,0		100,0	
Tổng sản lượng thuỷ sản (nghìn tấn)	100,0		100,0	
– Khai thác	100,0		100,0	
– Nuôi trồng	100,0		100,0	

b) So sánh và giải thích về tốc độ tăng trưởng các chỉ số giữa 2 vùng từ số liệu đã xử lí :

– So sánh

.....

.....

.....

.....

.....

.....

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

c) Tính cơ cấu tổng sản lượng thuỷ sản phân theo hoạt động của 2 vùng năm 1995 và năm 2005.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

CƠ CẤU TỔNG SẢN LƯỢNG THUỶ SẢN

(Đơn vị : %)

Chỉ số	Bắc Trung Bộ		Duyên hải Nam Trung Bộ	
	1995	2005	1995	2005
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0
– Khai thác				
– Nuôi trồng				

d) Vẽ biểu đồ tròn thể hiện quy mô và cơ cấu tổng sản lượng thuỷ sản phân theo hoạt động của 2 vùng năm 2005.

– Tính bán kính đường tròn

.....

.....

– Vẽ biểu đồ

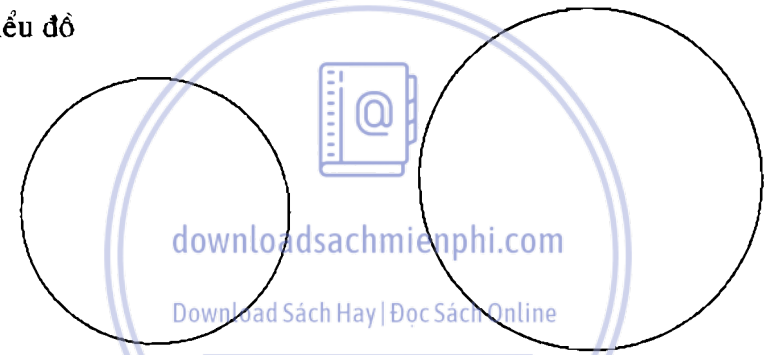

1995 2005

Biểu đồ quy mô và cơ cấu tổng sản lượng thuỷ sản phân theo hoạt động của vùng Bắc Trung Bộ

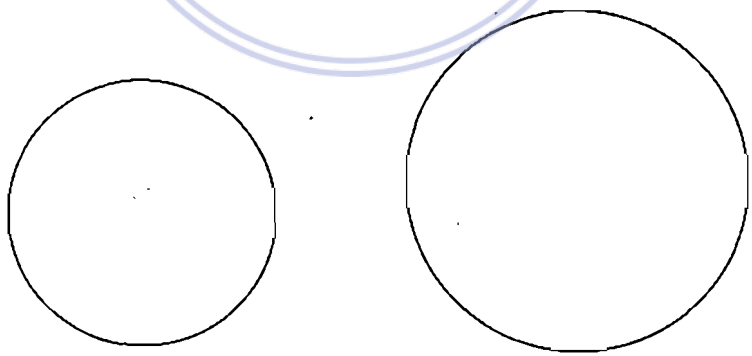

1995 2005

Biểu đồ quy mô và cơ cấu tổng sản lượng thuỷ sản phân theo hoạt động của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

e) So sánh quy mô và cơ cấu tổng sản lượng thuỷ sản của 2 vùng năm 2005.

.....

.....

.....

.....

.....

2. Từ bảng số liệu dưới đây, hãy tính tỉ trọng thuỷ sản của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ trong giá trị sản xuất thuỷ sản của cả nước năm 2005 và nhận xét về vai trò ngành thuỷ sản của 2 vùng này.

– Xử lí số liệu

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT THUỶ SẢN CỦA 2 VÙNG NĂM 2005

Vùng	Giá trị (tỉ đồng)	Tỉ trọng (%)
Cả nước	38 727	100,0
Bắc Trung Bộ	2 064	
Duyên hải Nam Trung Bộ	5 270	

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

– Nhận xét :

.....

.....

.....

.....

.....

3. Từ kiến thức đã học, Atlat Địa lí Việt Nam và số liệu ở câu 1, 2 nói trên, hãy so sánh ngành thuỷ sản giữa Bắc Trung Bộ với Duyên hải Nam Trung Bộ theo gợi ý dưới đây.

3.1. Giống nhau :

a) Vai trò của ngành :

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....

.....

.....

b) Điều kiện phát triển :

– Tự nhiên

.....

.....

.....

.....

.....

– Kinh tế – xã hội

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

c) Tình hình phát triển

.....

.....

.....

.....

.....

d) Cơ cấu ngành

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3.2. Khác nhau :

Tiêu chí	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ
a) Vai trò	.....	.....
b) Điều kiện phát triển	.....	.....
c) Tình hình phát triển	.....	.....
d) Cơ cấu ngành	.....	.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 51

VẤN ĐỀ KHAI THÁC THẾ MẠNH Ở TÂY NGUYÊN

1. Kể tên 5 tỉnh thuộc Tây Nguyên và nêu những đặc điểm chung về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và kinh tế – xã hội của vùng.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– 5 tỉnh thuộc Tây Nguyên :

.....

– Đặc điểm chung

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

2.1. Cơ sở để Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng đầu của nước ta là

A. cao nguyên đất đỏ ba dan với mặt bằng khá rộng.

B. khí hậu mang tính chất cận xích đạo.

C. đã hình thành một số cơ sở chế biến.

D. tất cả các ý trên.

2.2. Để phát triển cây công nghiệp lâu năm trên quy mô lớn ở Tây Nguyên, biện pháp quan trọng hàng đầu là

A. đưa dân cư và lao động từ các vùng khác đến.

B. thay đổi tập đoàn giống cây trồng.

C. xây dựng cơ sở chế biến gắn với vùng chuyên canh.

D. đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

2.3. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với việc phát triển cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

A. mùa khô kéo dài. B. đất bạc màu.

C. nhiều sương muối. D. sông ngắn và dốc.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2.4. Các nhà máy thuỷ điện trên địa bàn Tây Nguyên là

A. Hàm Thuận – Đa Mi, Yaly. B. Yaly, Đa Nhim.

C. Thác Bà, Yaly. D. Đa Nhim, Thác Mơ.

2.5. Tỉnh nằm ở ngã ba biên giới Việt Nam – Lào – Campuchia là

A. Đắk Lắk. B. Đắk Nông.

C. Gia Lai. D. Kon Tum.

3. Dựa vào kiến thức đã học, hãy hoàn thành sơ đồ dưới đây sao cho phù hợp với những thuận lợi và khó khăn về tự nhiên đối với việc phát triển cây công nghiệp của Tây Nguyên.

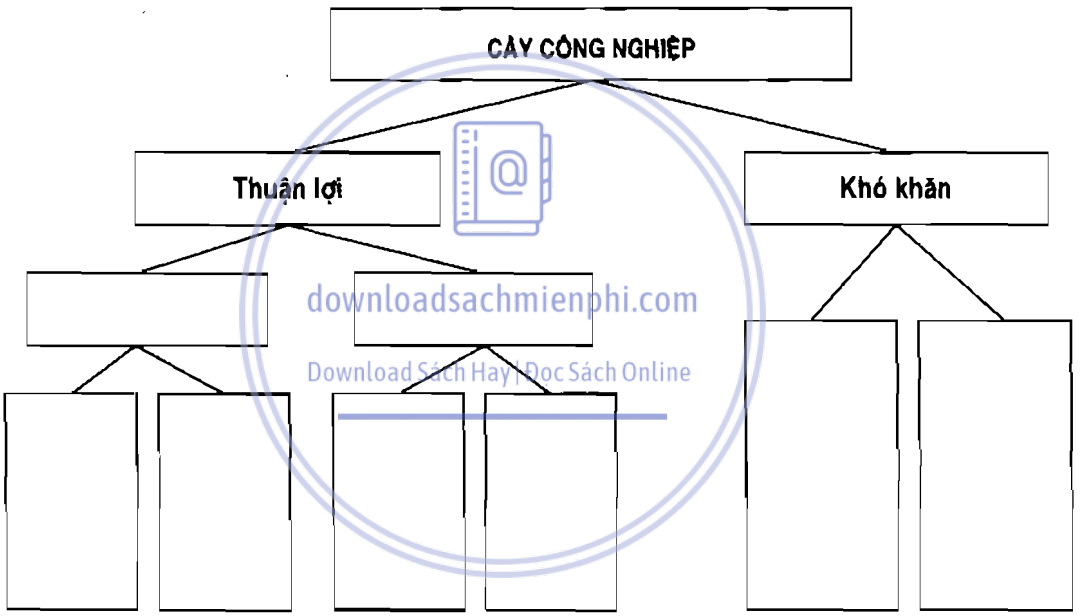

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

4. Căn cứ vào kiến thức đã học, hãy điền những thông tin thích hợp về các thế mạnh, tình hình sản xuất và phân bố một số cây công nghiệp ở Tây Nguyên.

Cây	Thế mạnh về tự nhiên	Tình hình sản xuất và phân bố
Cà phê	....	....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Cây	Thế mạnh về tự nhiên	Tình hình sản xuất và phân bố
Cao su	....	....
Chè	....	....
Dâu tằm	....	....

5. Dựa vào kiến thức đã học và Atlat Địa lí Việt Nam, hãy cho biết :

a) Tên các cao nguyên ở Tây Nguyên

.....

.....

b) Các loại khoáng sản ở Tây nguyên và phân bố

.....

.....

.....

.....

c) Các điểm công nghiệp và các ngành công nghiệp ở mỗi điểm

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

d) Tên các dòng sông có tiềm năng thuỷ điện

.....

.....

e) Tên các nhà máy thuỷ điện đã và đang xây dựng

.....

.....

g) Các cửa khẩu quốc tế

.....

.....

h) Các tuyến giao thông huyết mạch

– Theo hướng Bắc – Nam : .....

– Theo hướng Đông – Tây : .....

i) Tại sao rừng giàu và trung bình lại tập trung nhiều nhất ở Tây Nguyên ?

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 52 – Thực hành

SO SÁNH VỀ CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM VÀ CHĂN NUÔI GIA SÚC LỚN GIỮA TÂY NGUYÊN VỚI TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

1. Từ kiến thức đã học và Atlat Địa lí Việt Nam, hãy so sánh ngành trồng cây công nghiệp lâu năm giữa Tây Nguyên với Trung du và miền núi Bắc Bộ theo gợi ý sau :

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

1.1. Giống nhau :

a) Điều kiện phát triển :

– Tự nhiên

.....

.....

.....

– Kinh tế – xã hội

.....

.....

.....

b) Tình hình phát triển :

.....

.....

.....

c) Hướng chuyên môn hoá :

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

1.2. Khác nhau

	Tây Nguyên	Trung du và miền núi Bắc Bộ
Điều kiện phát triển	....	....
Tình hình phát triển	....	....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

	Tây Nguyên	Trung du và miền núi Bắc Bộ
Hướng chuyên môn hoá	....	....

2. Tại sao hướng chuyên môn hoá trồng cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên lại khác so với Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

3. Cho bảng số liệu sau đây :

SỐ LƯỢNG GIA SÚC LỚN CỦA TÂY NGUYÊN, TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

(Đơn vị : nghìn con)

STT	Loại gia súc lớn \ Năm	1995	2000	2004	2005
1	**Trâu**				
	Cả nước	2 963	2 897	2 870	2 922
	Trung du và miền núi Bắc Bộ	1 530	1 626	1 651	1 680
	Tây Nguyên	69	68	69	72
2	**Bò**				
	Cả nước	3 639	4 128	4 908	5 541
	Trung du và miền núi Bắc Bộ	548	666	829	900
	Tây Nguyên	437	525	547	617

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

a) So sánh tốc độ tăng trưởng đàn trâu, bò của 2 vùng với cả nước trong giai đoạn 1995 – 2005.

– Tính tốc độ tăng trưởng (lấy năm 1995 là 100%)

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG ĐÀN TRÂU, BÒ

(Đơn vị : %)

STT	Năm / Loại gia súc lớn	1995	2000	2004	2005
1	**Trâu**				
	Cả nước	100,0			
	Trung du và miền núi Bắc Bộ	100,0			
	Tây Nguyên	100,0			
2	**Bò**				
	Cả nước	100,0			
	Trung du và miền núi Bắc Bộ	100,0			
	Tây Nguyên	100,0			

– So sánh (so sánh 2 vùng với nhau và so từng vùng với cả nước)

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu đàn trâu, bò của từng vùng trong tổng đàn trâu, bò của cả nước năm 1995 và năm 2005.

– Tính cơ cấu

CƠ CẤU ĐÀN TRÂU, BÒ PHÂN THEO VÙNG

(Đơn vị : %)

STT	Loại gia súc lớn	Năm 1995	Năm 2005
1	**Trâu**		
	Cả nước	100,0	100,0
	Trung du và miền núi Bắc Bộ		
	Tây Nguyên		
2	**Bò**		
	Cả nước	100,0	100,0
	Trung du và miền núi Bắc Bộ		
	Tây Nguyên		

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Vẽ biểu đồ (4 biểu đồ tròn)

+ Trâu

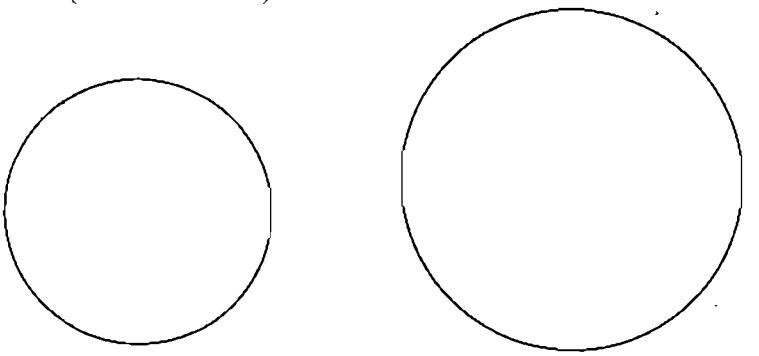

1995 2005

+ Bò

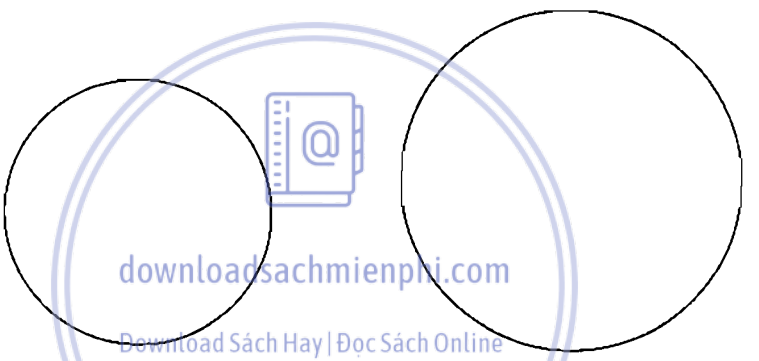

1995 2005

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

c) Nhận xét, giải thích cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu

– Nhận xét

.....

.....

.....

.....

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

4. Dựa vào kiến thức đã học, hãy giải thích :

a) Tại sao Trung du và miền núi Bắc Bộ lại có đàn trâu đông nhất so với các vùng khác trong cả nước ?

.....

.....

.....

.....

b) Tại sao ở Tây Nguyên, đàn bò lại đông gấp nhiều lần so với đàn trâu ?

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 53
VẤN ĐỀ KHAI THÁC LÃNH THỔ THEO CHIỀU SÂU Ở ĐÔNG NAM BỘ

1. Kể tên 6 tỉnh, thành phố (tương đương cấp tỉnh) ở Đông Nam Bộ và nêu những đặc điểm chính về vị trí địa lí, về điều kiện tự nhiên và kinh tế – xã hội của vùng.

– 6 tỉnh và thành phố :

.....

– Đặc điểm chính :

.....

.....

.....

.....

.....

2. Căn cứ vào kiến thức đã học, hãy điền các thế mạnh và hạn chế của vùng Đông Nam Bộ vào bảng sau :

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

	Thế mạnh	Hạn chế
Vị trí địa lí	.....	.....
Điều kiện tự nhiên	.....	.....
Điều kiện kinh tế – xã hội	.....	.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

3. Dựa vào bảng số liệu dưới đây :

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HOÁ VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG THEO GIÁ THỰC TẾ CỦA ĐÔNG NAM BỘ

(Đơn vị : tỉ đồng)

Năm	1995	2000	2005
Cả nước	120 560	220 411	480 294
Đông Nam Bộ	43 162	77 361	157 144
Trong đó : TP. Hồ Chí Minh	34 081	57 988	107 977

a) Tính tỉ trọng của Đông Nam Bộ và TP. Hồ Chí Minh trong tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

TỈ TRỌNG CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ TP. HỒ CHÍ MINH

(Đơn vị : %)

Năm	1995	2000	2005
Cả nước	100,0	100,0	100,0
Đông Nam Bộ			
Trong đó : TP. Hồ Chí Minh			

b) Nhận xét về tỉ trọng bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của Đông Nam Bộ và TP. Hồ Chí Minh.

.....

.....

.....

.....

.....

c) Giải thích tại sao TP. Hồ Chí Minh lại có tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng lớn nhất trong vùng và cả nước.

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

4. Từ bảng số liệu sau :

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO ĐÔNG NAM BỘ, GIAI ĐOẠN 1988 – 2006

Tỉnh, thành phố	Số dự án	Tổng vốn đăng kí (triệu USD)	Trong đó : vốn pháp định (triệu USD)
Cả nước	8 266	78 248	34 945
Trong đó : Đông Nam Bộ	5 061	42 021	18 012
Bình Dương	1 315	6 700	2 842
Bình Phước	33	95	57
Tây Ninh	135	527	332
Đồng Nai	870	10 410	4 133
Bà Rịa – Vũng Tàu	204	6 393	2 705
TP. Hồ Chí Minh	2 504	17 896	7 943

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

a) Hãy nhận xét về tình hình đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Đông Nam Bộ so với cả nước.

.....

.....

.....

.....

.....

b) Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu số dự án, tổng vốn đăng kí của Đông Nam Bộ phân theo các tỉnh, thành phố giai đoạn 1988 – 2006, nhận xét và giải thích.

– Xử lí số liệu

CƠ CẤU SỐ DỰ ÁN VÀ TỔNG VỐN ĐĂNG KÍ

(Đơn vị : %)

Tỉnh, thành phố	Số dự án	Tổng vốn đăng kí
Đông Nam Bộ :	100,0	100,0
Bình Dương		
Bình Phước		
Tây Ninh		
Đồng Nai		
Bà Rịa – Vũng Tàu		
TP. Hồ Chí Minh		

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

– Vẽ biểu đồ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Nhận xét và giải thích

+ Nhận xét

.....

.....

.....

.....

.....

+ Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Căn cứ vào kiến thức trong SGK và Atlat Địa lí Việt Nam :

a) Kể tên các nhà máy điện trong vùng

– Thuỷ điện

.....

– Điện tuốc bin khí

.....

b) Các vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển

.....

.....

c) Các mỏ dầu và mỏ khoáng sản trong vùng

.....

.....

d) Các cửa khẩu quốc tế

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

e) Các tuyến giao thông huyết mạch trong vùng

.....

.....

Bài 54 – Thực hành

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP Ở ĐÔNG NAM BỘ

1. Căn cứ vào kiến thức đã học và Atlat Địa lí Việt Nam :

a) Kể tên các trung tâm công nghiệp và cơ cấu ngành của từng trung tâm công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Nhân tố nào đã giúp cho TP. Hồ Chí Minh trở thành trung tâm công nghiệp lớn nhất nước ta ?

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....

.....

.....

2. Từ bảng số liệu dưới đây, hãy nhận xét và giải thích tình hình phát triển và cơ cấu công nghiệp phân theo tỉnh, thành phố ở Đông Nam Bộ.

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO TỈNH, THÀNH PHỐ Ở ĐÔNG NAM BỘ

(Đơn vị : tỉ đồng)

Tỉnh, thành phố \ Năm	1996	2000	2004	2005
Cả nước	**149 433**	**336 100**	**808.958**	**991 049**
Bình Dương	3 650	14 211	63 024	80 091
Bình Phước	84	442	1 781	2 144
Tây Ninh	775	1 351	4 078	5 325
Đồng Nai	9 440	32 544	83 544	104 894
Bà Rịa – Vũng Tàu	17 197	48 225	105 545	116 064
TP. Hồ Chí Minh	43 041	87 368	200 077	241 983
Đông Nam Bộ	74 187	184 141	458 049	550 501

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

* Nhận xét :

– Tình hình phát triển :

+ Cả vùng (so sánh với cả nước)

.....

.....

.....

.....

+ Từng tỉnh, thành phố

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....

.....

.....

– Cơ cấu phân theo tỉnh, thành phố :

+ Tỉ trọng của vùng so với cả nước

.....

.....

.....

.....

+ Tỉ trọng của từng tỉnh, thành phố

CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP CỦA ĐÔNG NAM BỘ PHÂN THEO TỈNH, THÀNH PHỐ

(Đơn vị : %)

Tỉnh, thành phố \ Năm	1996	2000	2004	2005
Cả vùng	100,0	100,0	100,0	100,0
Bình Dương				
Bình Phước				
Tây Ninh				
Đồng Nai				
Bà Rịa – Vũng Tàu				
TP. Hồ Chí Minh				

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Sự phân hoá về tỉ trọng

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Sự thay đổi về tỉ trọng

.....

.....

.....

.....

.....

* Giải thích :

– Tình hình phát triển

.....

.....

.....

– Cơ cấu phân theo tỉnh, thành phố

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 55

VẤN ĐỀ SỬ DỤNG HỢP LÍ VÀ CẢI TẠO TỰ NHIÊN Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

1. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam, hãy kể tên 13 tỉnh, thành phố (tương đương cấp tỉnh) thuộc Đồng bằng sông Cửu Long.

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2. Căn cứ vào kiến thức đã học, hãy điền vào các ô trống của sơ đồ sau, các thế mạnh và hạn chế chủ yếu về mặt tự nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Cửu Long.

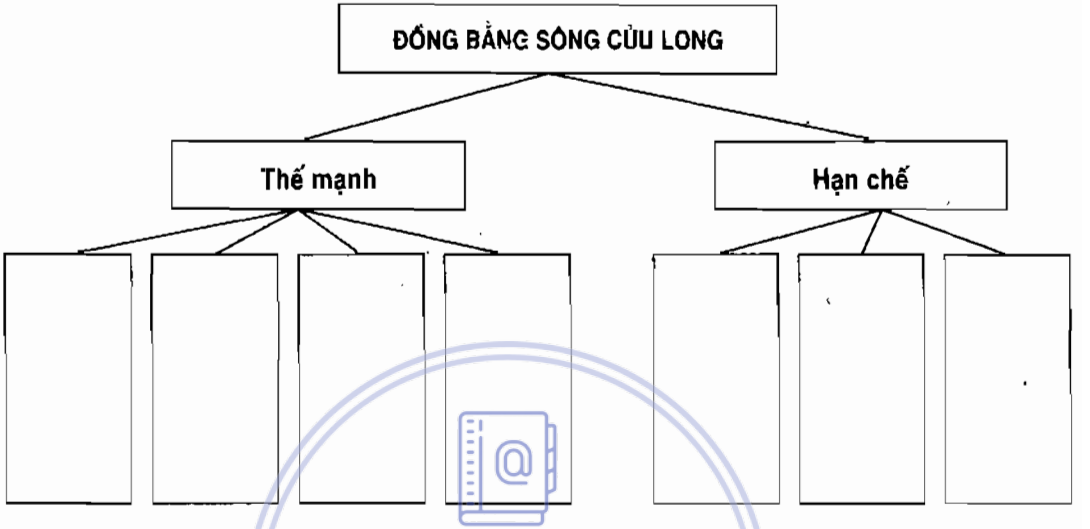

3. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất.

Về mặt tự nhiên, Đồng bằng sông Cửu Long bao gồm

A. phần thượng châu thổ tương đối cao.

B. phần hạ châu thổ thường xuyên chịu tác động của thuỷ triều và sóng biển.

C. phần nằm ngoài phạm vi tác động trực tiếp của sông Tiền, sông Hậu.

D. tất cả các ý trên.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

4. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

4.1. Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. đất phèn. B. đất phù sa ngọt.

C. đất mặn. D. đất cát ven biển.

4.2. Nhóm đất phù sa ngọt phân bố chủ yếu ở

A. Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên.

B. dải đất ven Biển Đông và vịnh Thái Lan.

C. dải đất dọc sông Tiền, sông Hậu.

D. tất cả các ý trên.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

4.3. Tài nguyên rừng phổ biến ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. rừng thường xanh và rừng rụng lá.

B. rừng ngập mặn và rừng tràm.

C. rừng ngập mặn và cây bụi.

D. rừng khộp và rừng thường xanh.

4.4. Khó khăn lớn nhất vào mùa khô đối với việc phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. xâm nhập mặn vào sâu trong đồng bằng.

B. thiếu nước ngọt trầm trọng.

C. lũ về thất thường.

D. tất cả các ý trên.

5. Từ bảng số liệu đã cho :

DIỆN TÍCH RỪNG BỊ CHÁY VÀ BỊ CHẶT PHÁ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

(Đơn vị : ha)

	Rừng bị cháy			Rừng bị chặt phá		
	1995	2000	2005	1995	2000	2005
Cả nước	7 457	1 046	6 829	18 914	3 543	3 347
Trong đó :						
Đồng bằng sông Cửu Long	2 072	99	1 399	2 592	206	27

a) Nhận xét về việc bảo vệ rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long.

.....

.....

.....

.....

b) Cho biết các giải pháp để bảo vệ tài nguyên rừng ở đồng bằng này.

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

6. Hãy giải thích tại sao phải sử dụng hợp lí và bảo vệ tự nhiên ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 56

VẤN ĐỀ LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

1. Căn cứ vào kiến thức đã học, hãy nêu những thuận lợi và khó khăn về tự nhiên đối với việc sản xuất lương thực, thực phẩm ở Đồng bằng sông Cửu Long bằng cách điền vào bảng dưới đây :

	Thuận lợi	Khó khăn
Sản xuất lương thực	....	....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

	Thuận lợi	Khó khăn
Sản xuất thực phẩm	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....
	.....	.....

2. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

2.1. Ở Đồng bằng sông Cửu Long, hai vụ lúa chủ yếu là

A. vụ hè thu và vụ đông xuân.

B. vụ hè thu và vụ mùa.

C. vụ mùa và vụ đông xuân.

2.2. Trong cơ cấu vụ lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay, xu hướng chung là

A. tăng diện tích lúa đông xuân.

B. giảm diện tích lúa mùa.

C. tăng diện tích lúa hè thu.

D. không thay đổi.

2.3. Phương hướng phát triển sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. thâm canh, tăng vụ kết hợp với khai hoang.

B. chuyển dịch cơ cấu cây trồng.

C. phát triển công nghiệp chế biến.

D. tất cả các ý trên.

2.4. Thế mạnh chủ yếu để đẩy mạnh phát triển ngành thuỷ sản ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. công nghiệp chế biến phát triển.

B. nhà nước ưu tiên đầu tư.

C. thị trường trong và ngoài nước rộng mở.

D. số lượng và chất lượng nguồn lao động được cải thiện.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online
Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

2.5. Gia cầm được nuôi nhiều nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. gà. B. vịt.

C. ngan. D. ngỗng.

3. Dựa vào bảng số liệu dưới đây :

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM CỦA CẢ NƯỚC, ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Vùng	Diện tích (nghìn ha)		Sản lượng (nghìn tấn)	
	1995	2005	1995	2005
Cả nước	6 766	7 329	24 964	35 833
Trong đó : Đồng bằng sông Hồng	1 193	1 139	5 090	6 184
Đồng bằng sông Cửu Long	3 191	3 826	12 832	19 299

a) Nhận xét về diện tích gieo trồng và sản lượng lúa cả năm của cả nước, của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long trong 2 năm 1995 và 2005.

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Vẽ biểu đồ kết hợp (cột và tròn) thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng và sản lượng lúa cả năm của nước ta phân theo vùng, năm 1995 và năm 2005.

– Xử lí số liệu

CƠ CẤU DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM

(Đơn vị : %)

Vùng	Diện tích		Sản lượng	
	1995	2005	1995	2005
Cả nước	100,0	100,0	100,0	100,0
Đồng bằng sông Hồng				
Đồng bằng sông Cửu Long				
Các vùng còn lại				

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Vẽ biểu đồ

c) Từ biểu đồ đã vẽ, hãy nhận xét và giải thích tỉ trọng về diện tích và sản lượng lúa của từng vùng.

– Nhận xét

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

.....

.....

.....

.....

.....

.....

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

4. Cho bảng số liệu dưới đây :

SẢN LƯỢNG THUỶ SẢN ĐÁNH BẮT VÀ NUÔI TRỒNG Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

(Đơn vị : nghìn tấn)

Hoạt động \ Năm	1995	2000	2004	2005
Tổng số	822,2	1 169,0	1 622,1	1 845,8
Đánh bắt	552,2	803,9	848,8	843,0
Nuôi trồng	270,0	365,1	773,3	1 002,8

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng thuỷ sản nói chung và sản lượng thuỷ sản đánh bắt, nuôi trồng nói riêng ở Đồng bằng sông Cửu Long. Nhận xét và giải thích về sự tăng trưởng đó.

– Xử lí số liệu (lấy năm 1995 là 100%)

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG THUỶ SẢN

(Đơn vị : %)

Hoạt động \ Năm	1995	2000	2004	2005
Tổng số	100,0			
Đánh bắt	100,0			
Nuôi trồng	100,0			

– Vẽ biểu đồ

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Nhận xét

.....

.....

.....

.....

.....

– Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Vẽ biểu đồ thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng thuỷ sản phân theo hoạt động ở Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 1995 – 2005. Nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu đó.

– Xử lí số liệu

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THUỶ SẢN PHÂN THEO HOẠT ĐỘNG

(Đơn vị : %)

Năm / Hoạt động	1995	2000	2004	2005
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0
Đánh bắt				
Nuôi trồng				

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

– Vẽ biểu đồ

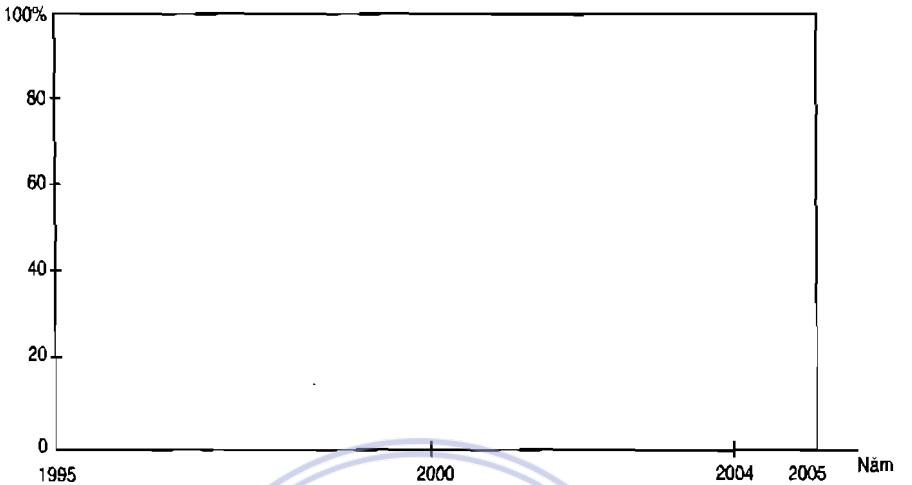

– Nhận xét và giải thích

+ Nhận xét

.....

.....

.....

.....

.....

+ Giải thích

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Bài 57

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, AN NINH QUỐC PHÒNG Ở BIỂN ĐÔNG VÀ CÁC ĐẢO, QUẦN ĐẢO

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

1.1. Nước ta có vùng biển rộng lớn, bao gồm :

A. nội thuỷ, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải.

B. nội thuỷ, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng thềm lục địa.

C. nội thuỷ, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa.

D. nội thuỷ, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế.

1.2. Số huyện đảo của nước ta hiện nay là

A. 10. B. 11.

C. 12. D. 13.

1.3. Ý nghĩa của các đảo và quần đảo của nước ta là

A. tạo thành hệ thống tiền tiêu để bảo vệ đất liền.

B. hình thành cơ sở để tiến ra biển và đại dương nhằm khai thác có hiệu quả tài nguyên biển, đảo.

C. khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa.

D. tất cả các ý trên.

1.4. Khoáng sản quan trọng nhất ở vùng biển của nước ta hiện nay là

A. dầu mỏ và khí đốt. B. ôxyt titan.

C. muối. D. cát thuỷ tinh.

1.5. Các quần đảo xa bờ của nước ta là

A. Côn Đảo và Thổ Chu. B. Hoàng Sa và Trường Sa.

C. Vân Đồn và Cát Bà. D. Nam Du và Thổ Chu.

2. Hãy giải thích tại sao nước ta phải khai thác tổng hợp các tài nguyên vùng biển và hải đảo.

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....

.....

.....

.....

3. Hãy nối các ô bên trái sao cho phù hợp với các ô bên phải :

Huyện đảo	Thuộc tỉnh, thành phố
Vân Đồn	
Cát Hải	Quảng Ninh
Cồn Cỏ	Hải Phòng
Hoàng Sa	Đà Nẵng
Lý Sơn	Quảng Trị
Phú Quý	Quảng Ngãi
Trường Sa	Kiên Giang
Côn Đảo	Bà Rịa – Vũng Tàu
Cô Tô	Khánh Hoà
Bạch Long Vĩ	Bình Thuận
Phú Quốc	
Kiên Hải	

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

4. Căn cứ vào kiến thức đã học, hãy điền các thế mạnh về tự nhiên để phát triển tổng hợp kinh tế biển của nước ta vào bảng sau :

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

	Thế mạnh về tự nhiên
Sinh vật biển	....
Khoáng sản biển	....
Giao thông vận tải biển	....
Du lịch biển	....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 58 – Thực hành

DỰA VÀO ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM, PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ TÀI NGUYÊN BIỂN VÀ CÁC NGÀNH KINH TẾ BIỂN

1. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam, hãy kể tên các tỉnh và thành phố (tương đương cấp tỉnh) có biển của nước ta theo chiều từ Bắc vào Nam.

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Trọn Bộ SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam, hãy trình bày về ngành thuỷ sản của nước ta, theo dàn ý sau :

a) Vai trò (dựa vào biểu đồ cột trang 13 trong Atlat Địa lí Việt Nam) :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Điều kiện phát triển :

– Đối với hoạt động đánh bắt

.....

.....

.....

– Đối với hoạt động nuôi trồng

.....

.....

.....

c) Tình hình phát triển :

.....

Download Ebook Tại: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

.....

.....

.....

.....

.....

.....

d) Cơ cấu sản lượng thuỷ sản :

– Cả nước

.....

.....

.....

– Các vùng, các tỉnh

.....

.....

.....

.....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

e) Phân bố :

– Các vùng

.....

.....

.....

.....

– Các tỉnh tiêu biểu

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

3. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam, hãy điền các loại tài nguyên và các trung tâm du lịch biển của nước ta vào bảng dưới đây :

a) Tài nguyên du lịch biển

	Loại tài nguyên	Địa điểm
Tài nguyên du lịch tự nhiên	Bãi biển	....
	Vườn quốc gia	....
	Nguồn nước khoáng	....
	Các loại khác	....
Tài nguyên du lịch nhân văn	Di tích	....
	Lễ hội	....
	Các loại khác	....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Các trung tâm du lịch biển :

Trung tâm	Tài nguyên du lịch của trung tâm

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

4. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam, hãy kể tên các cảng biển của từng vùng tương ứng :

– Trung du và miền núi Bắc Bộ

.....

.....

.....

– Đồng bằng sông Hồng

.....

.....

.....

– Bắc Trung Bộ

.....

.....

.....

– Duyên hải Nam Trung Bộ

.....

.....

.....

– Đông Nam Bộ

.....

.....

.....

– Đồng bằng sông Cửu Long

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

5. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam, hãy điền vào bảng dưới đây, thực trạng phát triển các ngành kinh tế biển của nước ta.

STT	Ngành	Thực trạng phát triển
1	Đánh bắt và nuôi trồng sinh vật biển	....
2	Khai thác khoáng sản biển	....
3	Giao thông vận tải biển	....
4	Du lịch biển	....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài 59

CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM

1. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

1.1. Vùng kinh tế trọng điểm (vùng KTTĐ) có đặc điểm là

A. bao gồm nhiều tỉnh, thành phố và ranh giới có thể thay đổi theo thời gian.

B. hội tụ đầy đủ các thế mạnh và tập trung tiềm lực kinh tế của đất nước.

C. có tỉ trọng GDP lớn, tạo ra tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và có khả năng thu hút các ngành mới về công nghiệp và dịch vụ.

D. tất cả các ý trên.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

1.2. Các vùng KTTĐ của nước ta được hình thành từ thập kỉ

A. 70 của thế kỉ XX. B. 80 của thế kỉ XX.

C. 90 của thế kỉ XX. D. đầu tiên của thế kỉ XXI.

1.3. Các tuyến giao thông huyết mạch, đồng thời cũng là hành lang kinh tế quan trọng nhất của vùng KTTĐ phía Bắc là

A. quốc lộ 5 và quốc lộ 18. B. quốc lộ 6 và quốc lộ 1.

C. quốc lộ 2 và quốc lộ 3. D. quốc lộ 10 và quốc lộ 4.

1.4. Trong số 3 vùng KTTĐ ở nước ta xét về diện tích và dân số, vùng KTTĐ miền Trung được xếp tương ứng là

A. thứ nhất và thứ hai. B. thứ hai và thứ ba.

C. thứ ba và thứ nhất. D. thứ ba và thứ ba.

1.5. Vùng KTTĐ phía Nam có tam giác tăng trưởng kinh tế là

A. TP. Hồ Chí Minh – Biên Hoà – Vũng Tàu.

B. TP. Hồ Chí Minh – Biên Hoà – Thủ Dầu Một.

C. TP. Hồ Chí Minh – Bà Rịa – Vũng Tàu.

D. TP. Hồ Chí Minh – Bà Rịa – Thủ Dầu Một.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

2. Sắp xếp các tỉnh, thành phố (tương đương cấp tỉnh) có tên dưới đây vào vùng KTTĐ sao cho đúng.

1. Hà Nội. 2. TP. Hồ Chí Minh.

3. Hải Phòng. 4. Đà Nẵng.

5. Thừa Thiên – Huế. 6. Quảng Ninh.

7. Đồng Nai. 8. Bà Rịa – Vũng Tàu.

9. Tây Ninh. 10. Bình Định.

11. Quảng Ngãi. 12. Tiền Giang.

13. Hưng Yên. 14. Quảng Nam.

15. Hải Dương. 16. Bình Dương.

17. Bình Phước. 18. Bắc Ninh.

19. Vĩnh Phúc. 20. Hà Tây.

21. Long An.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Vùng KTTĐ	Các tỉnh và thành phố
Phía Bắc	....
Miền Trung	....
Phía Nam	....

Ghi theo chữ số ứng với từng tỉnh đã cho ở trên

3. Dựa vào kiến thức đã học, hãy điền các thế mạnh và hướng phát triển của từng vùng KTTĐ vào bảng dưới đây :

Vùng KTTĐ	Thế mạnh	Hướng phát triển
Phía Bắc	....	....
Miền Trung	....	....
Phía Nam	....	....

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

4. Cho bảng số liệu dưới đây :

CƠ CẤU GDP CỦA CÁC VÙNG KTTĐ PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ, NĂM 2005

(Đơn vị : %)

Khu vực kinh tế	Phía Bắc	Miền Trung	Phía Nam
Tổng cộng	100,0	100,0	100,0
Nông, lâm, thuỷ sản	12,6	25,0	7,8
Công nghiệp và xây dựng	42,2	36,6	59,0
Dịch vụ	45,2	38,4	33,2

a) Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP của từng vùng KTTĐ phân theo khu vực kinh tế, năm 2005.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

b) Nhận xét và giải thích cơ cấu đó.

.....

.....

.....

.....

.....

5. Hãy giải thích tại sao nước ta phải hình thành 3 vùng KTTĐ.

.....

.....

.....

.....

.....

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

MỤC LỤC

Trang

ĐỊA LÍ VIỆT NAM 5

Bài 1. Việt Nam trên đường đổi mới và hội nhập

ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN LÃNH THỔ

Bài 2. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ 8

Bài 3. Thực hành : Vẽ lược đồ Việt Nam 10

Bài 4 và 5. Lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ 12

Bài 6. Thực hành : Các giai đoạn trong lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ 14

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN

Bài 7. Đất nước nhiều đồi núi 17

Bài 8. Đất nước nhiều đồi núi (*tiếp theo*) 20

Bài 9. Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển 22

Bài 10. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa. 24

Bài 11. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (*tiếp theo*) 27

Bài 12. Thực hành : Vẽ biểu đồ khí hậu thể hiện tương quan nhiệt ẩm. Nhận xét sự phân hoá khí hậu 30

Bài 13. Thiên nhiên phân hoá đa dạng 32

Bài 14. Thiên nhiên phân hoá đa dạng (*tiếp theo*) 36

Bài 15. Thiên nhiên phân hoá đa dạng (*tiếp theo*) 40

Bài 16. Thực hành : Đọc bản đồ địa hình, điền vào lược đồ trống một số dãy núi và đỉnh núi 44

VẤN ĐỀ SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TỰ NHIÊN

Bài 17. Sử dụng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường 46

Bài 18. Sử dụng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường (*tiếp theo*) 51

Bài 19. Thực hành : Tìm hiểu biến động rừng ở nước ta, nguyên nhân suy giảm và hậu quả 53

Bài 20. Một số thiên tai chủ yếu và biện pháp phòng chống 54

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

ĐỊA LÍ DÂN CƯ

Bài 21. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư ở nước ta 57
Bài 22. Lao động và việc làm 61
Bài 23. Đô thị hoá 64
Bài 24. Chất lượng cuộc sống 68
Bài 25. Thực hành: Vẽ biểu đồ và phân tích sự phân hoá về thu nhập bình quân theo đầu người giữa các vùng 71

ĐỊA LÍ KINH TẾ

Bài 26. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế 74
Bài 27. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (*tiếp theo*) 77

ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

Bài 28. Vốn đất và sử dụng vốn đất 81
Bài 29. Đặc điểm nền nông nghiệp nước ta 85
Bài 30. Vấn đề phát triển nông nghiệp 88
Bài 31. Thực hành: phân tích sự chuyển dịch cơ cấu ngành trồng trọt 93
Bài 32. Vấn đề phát triển ngành thuỷ sản và lâm nghiệp 97
Bài 33. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp 102

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

Bài 34. Cơ cấu ngành công nghiệp 106
Bài 35. Vấn đề phát triển công nghiệp năng lượng 110
Bài 36. Vấn đề phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản 114
Bài 37. Vấn đề phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng 118
Bài 38. Vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp 124
Bài 39. Thực hành: Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp 128

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÁC NGÀNH DỊCH VỤ

Bài 40. Vấn đề phát triển ngành giao thông vận tải 133

Bài 41. Vấn đề phát triển thông tin liên lạc 138

Bài 42. Thực hành: Xác định trên bản đồ một số tuyến đường bộ và đầu mối giao thông chính 142

Bài 43. Vấn đề phát triển thương mại 146

Bài 44. Vấn đề phát triển du lịch 151

ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ

Bài 45. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ 157

Bài 46. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng 160

Bài 47. Thực hành: Phân tích mối quan hệ giữa dân số với sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Hồng 165

Bài 48. Vấn đề phát triển kinh tế – xã hội ở Bắc Trung Bộ 169

Bài 49. Vấn đề phát triển kinh tế – xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ 173

Bài 50. Thực hành: So sánh sự phát triển ngành thuỷ sản ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ 178

Bài 51. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên 183

Bài 52. Thực hành: So sánh về cây công nghiệp lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn giữa Tây Nguyên với Trung du và miền núi Bắc Bộ 187

Bài 53. Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ 192

Bài 54. Thực hành: Phân tích tình hình phát triển công nghiệp ở Đông Nam Bộ 197

Bài 55. Vấn đề sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long 200

Bài 56. Vấn đề lương thực, thực phẩm ở Đồng bằng sông Cửu Long 203

Bài 57. Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo 210

Bài 58. Thực hành: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam, phân tích đặc điểm phân bố tài nguyên biển và các ngành kinh tế biển 212

Bài 59. Các vùng kinh tế trọng điểm 217

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc **NGÔ TRẦN ÁI**

Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **NGUYỄN QUÝ THAO**

Biên tập nội dung : **BÙI THỊ BÍCH NGỌC – ĐỖ ANH DŨNG**

Biên tập kĩ thuật : **NGUYỄN KIM TOÀN**

Trình bày bìa : **NGUYỄN KIM DUNG**

Sửa bản in : **PHÒNG SỬA BẢN IN (NXB GIÁO DỤC TẠI HÀ NỘI)**

Chế bản : **CÔNG TY CP THIẾT KẾ VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC**

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BÀI TẬP ĐỊA LÍ 12 – NÂNG CAO

Mã số : NB227M8

In 30.000 cuốn (QĐ08BT), khổ 17x24 cm.

Tại Công ty CP In&TM Thống Nhất-Hà Nội.

Số in: 390/TN. Số xuất bản: 337-2008/CXB/2-706/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2008.

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com

Tron Bo SGK: https://bookgiaokhoa.com

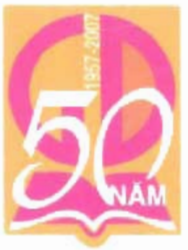

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

SÁCH BÀI TẬP LỚP 12

1. BÀI TẬP GIẢI TÍCH 12
2. BÀI TẬP HÌNH HỌC 12
3. BÀI TẬP VẬT LÍ 12
4. BÀI TẬP HOÁ HỌC 12
5. BÀI TẬP SINH HỌC 12
6. BÀI TẬP TIN HỌC 12
7. BÀI TẬP NGỮ VĂN 12 (tập một, tập hai)
8. BÀI TẬP TIẾNG ANH 12
9. BÀI TẬP TIẾNG PHÁP 12
10. BÀI TẬP TIẾNG NGA 12

SÁCH BÀI TẬP LỚP 12 - NÂNG CAO

- BÀI TẬP GIẢI TÍCH 12
- BÀI TẬP HÌNH HỌC 12
- BÀI TẬP VẬT LÍ 12
- BÀI TẬP HOÁ HỌC 12
- BÀI TẬP NGỮ VĂN 12 (tập một, tập hai)
- BÀI TẬP ĐỊA LÍ 12
- BÀI TẬP LỊCH SỬ 12
- BÀI TẬP TIẾNG ANH 12

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bạn đọc có thể mua sách tại các Công ti Sách - Thiết bị trường học ở các địa phương hoặc các cửa hàng sách của Nhà xuất bản Giáo dục :

- **Tại TP. Hà Nội** : 187 Giảng Võ ; 232 Tây Sơn ; 23 Tràng Tiền ; 25 Hàn Thuyên ; 38 Trần Quý Kiên ; 32E Kim Mã.
- **Tại TP. Đà Nẵng** : 15 Nguyễn Chí Thanh ; 78 Pasteur
- **Tại TP. Hồ Chí Minh** : 104 Mai Thị Lựu, Quận 1 ; 5 Bình Thới, Quận 11 ; 240 Trần Bình Trọng, Quận 5.
- **Tại TP. Cần Thơ** : 5/5 Đường 30/4.

Website : www.nxbgd.com.vn

8 934980 807712

Giá: 12.700đ

Download Ebook Tai: https://downloadsachmienphi.com